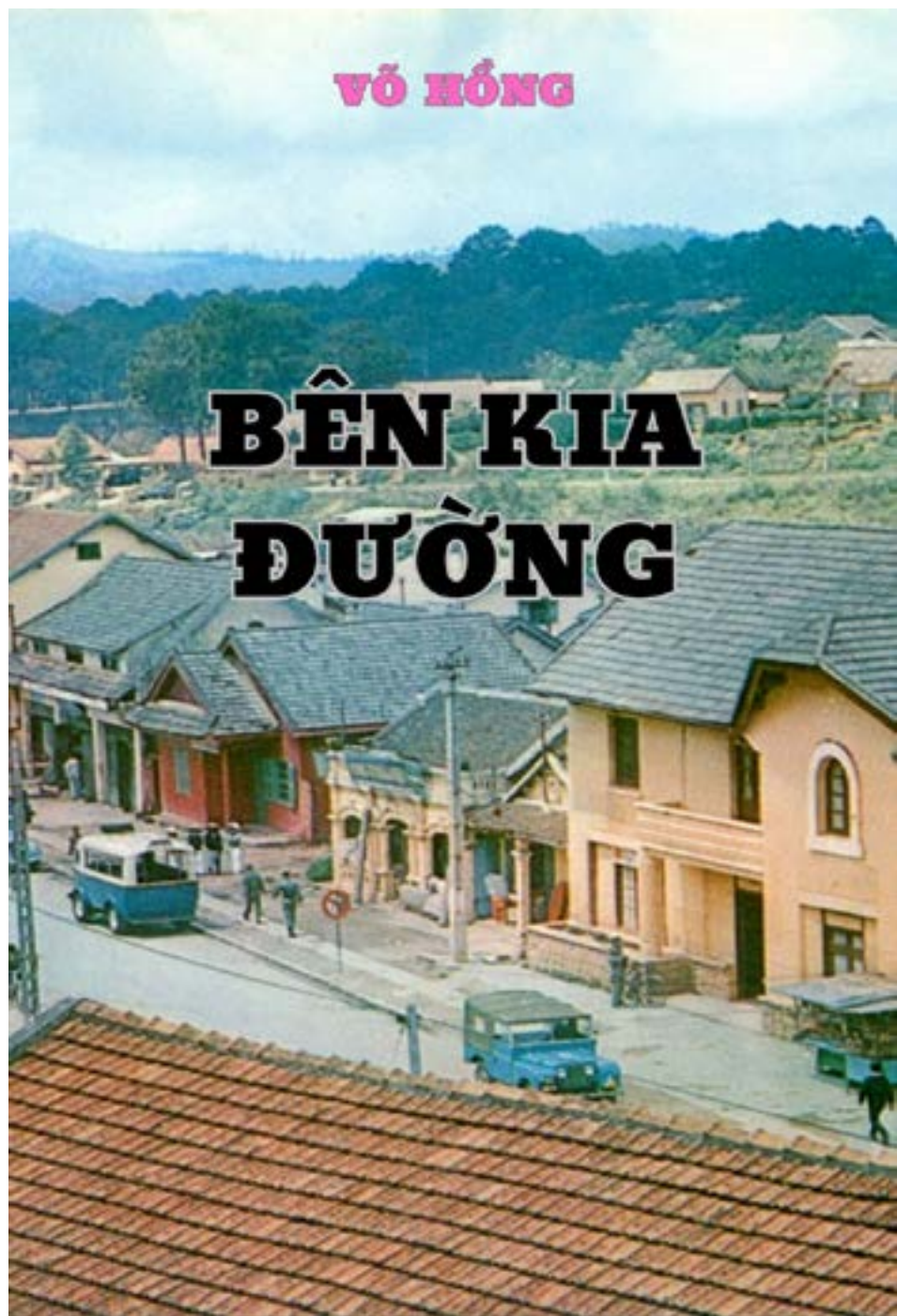


VÕ HỒNG

BÊN KIA ĐƯỜNG



BÊN KIA ĐƯỜNG

VÕ HỒNG



Paris * 06.2025

Bìa : *M. C. P*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

BÊN KIA ĐƯỜNG

VÕ HỒNG

MẶT TRỜI
xuất bản * 1968

MỤC LỤC

1. Những nỗi khổ vụn vặt	9
2. Hãy an nghỉ Abdul Rahim	48
3. Mẹ gà con vịt	77
4. Lễ cúng trường	119
5. Cái nhìn người mẹ	156
6. Bên kia đường	182
7. Trở về	214

NHỮNG NỖI KHỔ VỤN VẬT

Sự vui vẻ khá ồn ào của ông. Chính khi nhận được công lệnh cử đi chấm thi khiến nhiều bạn đồng nghiệp của ông hơi khó chịu. Gặp ai ông cũng vội vàng bắt tay và bô bô hỏi thăm:

– Nào, năm nay anh đi chấm ở “centre” nào? Tôi thì phải đi Đà Nẵng.

Người đối diện đầu tiên của ông là Thương, một giáo sư trẻ. Thương đang

có một nỗi buồn riêng nào đó, – chắc là vì tình, vì khi tuổi chưa quá ba mươi thì chỉ có ái tình mới làm cho người ta buồn lâu, buồn một cách thành thật và nghiêm trang, nên chỉ khẽ nhếch một nụ cười xã giao vừa đủ.

– Dạ, cháu đi Phan Thiết.

– Được đi Phan Thiết hả? Ồ là là! Phan Thiết Tổ sư nước mắm! (Đố ai biết Tổ sư nước mắm nghĩa là gì?) Hôm nào về nhớ mang về một chai nước mắm nhĩ ăn chơi nhé? Ngon tuyệt.

– Dạ.

Người giáo sư trẻ muốn được yên nên vội “Dạ” một tiếng chấm câu. Không hứa hẹn là sẽ có chai nước mắm nhĩ với tiếng “Dạ” kiểu ấy.

Sau một cái bắt tay, ông Chính đi vội vã về phía đầu bên kia hành lang. Đôi chân quá ngắn múa thoăn thoắt dưới một cái bụng khá to. Tính ông lại thích diện com-lê – cả ngày giữa mùa hè – nên cái bụng càng được đề cao, no tròn, bề thế. Ở đầu hành lang, đang đứng vãn vơ một cô giáo. Áo màu tím nhạt có thêu rải rác những vũ nữ xòe váy bằng chỉ trắng. Cô giáo đang nhìn lên đọt cây phượng cao trước sân trường, trên đó ánh nắng xao động giữa những chòm lá. Ông Chính cất tiếng nói to:

– A! Chị Vân Anh.

– Dạ, chào bác.

– Kỳ này tôi phải đi Đà Nẵng đây. Còn chị về “centre” Huế hả? Thích nhé? Một công hai việc...

“Ai bảo với ông ta rằng mình được về Huế?” – Vân Anh nghĩ. Mình phải đi Tuy Hòa cơ mà. Cực chết đi mà. Còn một công hai việc là ngụ ý gì mà có vẻ bất lương thế? Nhưng nể người đồng nghiệp có tuổi, cô Vân Anh nắm hai bàn tay vào nhau trong một tư thế lễ độ, nghiêng mình lí nhí:

– Dạ cháu đi Tuy Hòa.

Tức thì ông Chính đáp lời ngay và reo to lên như chính ông vừa bảo đúng là Vân Anh được về “centre” Tuy Hòa:

– Tuy Hòa! Thú lắm. Thành phố Tuy Hòa đang xây dựng, có sông Đà, có núi Nhạn, có trường Nguyễn Huệ. À, ở Tuy Hòa mùa này có nhiều dưa hấu ngon lắm nhé! Tuy Hòa... (đến chỗ này ông giơ ngón tay chỏ chỉ đúng vào giữa trán và nhúu mày một cái nhưng dường như để

lấy điệu bộ chớ không thật phải suy nghĩ gì hết)... Tuy Hòa đi ra Màng Màng, Hòa Đa rồi Tuy An, Chí Thạnh mà.Ồ! Thích quá.

– Cháu chán lắm. Đi xe lửa ra Đại Lãnh cháu sợ lắm. Cháu chỉ muốn được đi Đalat.

Vân Anh định nói thêm “Lẽ tất nhiên nếu Bộ bỏ quên không bắt cháu đi chấm ở đâu cả thì cháu thích hơn”, nhưng chợt nhớ ra rằng người đối diện với mình không đáng được thưởng thức một câu ý nhị như vậy nên Vân Anh không nói nữa.

Giã từ cô giáo Vân Anh, ông Chính đi vào văn phòng ông Hiệu trưởng. Cái lưng ông hơi cong lại một chút khiến cái cổ cũng co rút bớt vào cổ áo sơ mi. Ông giơ tay ra trước nên phải đưa thêm một

tay trái ra theo, mong xóa bớt sự đường đột có phần khiếm lễ đó đối với cấp trên.

– Thưa Cụ, năm nay Cụ lại đi chủ khảo ở một Trung tâm?

Ông Hiệu trưởng đưa mắt chậm chậm nhìn lên ông. Đôi mắt nheo nheo vì vừa từ già những hàng chữ quá nhỏ. Ông đã có tuổi nhưng không chịu đeo kính lão. Cái ca-vát màu đỏ sẫm nằm ngay ngắn giữa cổ sơ-mi là cứng như cùng ra sức với ông bám sát lấy những tháng ngày thanh niên gượng gạo còn sót lại. Ông rất ghét tiếng “Cụ” già nua nên không thềm giấu một cái cau mày. Người ta có thể biểu lộ sự tôn kính bằng nhiều cách và người trên không ai chối từ sự tôn kính. Nhưng tôn là “Cụ” không có nghĩa khen tặng mền phục gì cả. Sống lâu không phải là một công tích đáng để hãnh diện mà trái lại, hầu hết người ta

đều coi đó là một sự ân hận đáng tiếc. Nhất là ông Hiệu trưởng sau mười lăm năm góa bụa vừa cưới một người vợ vừa trẻ vừa đẹp. Chính do những mặc cảm dồn dập đó mà, sẵn nét mặt sa sầm, ông Hiệu trưởng trầm giọng nói:

– Năm nay tôi được nghỉ.

– Ô! Quý hóa quá... Cụ được Bộ cho nghỉ năm nay cũng phải. Năm nào cũng phải chủ khảo hết thì sống thế nào được.

Ông Hiệu trưởng cúi mặt xuống một trang giấy đánh máy có đóng dấu son. Biết đó là dấu hiệu cáo từ nhưng ông Chính phải cười xã giao một mình.

– Năm nay tôi phải đi Đà Nẵng.

– Thế à?

Ông Hiệu trưởng hỏi mà không

ngẩng mặt lên và đầu bút chì đỏ ông cầm ở tay vẫy không ngừng chạy dài, rất mau, trên những dòng chữ đánh máy.

– Thôi xin phép cụ.

– Không dám, chào ông.

Cái bắt tay lạnh nhạt tiếp theo. Ra khỏi phòng ông Hiệu trưởng, ông Chính gặp bác cai trường. Đó là một anh chàng nhỏ nhắn có khuôn mặt láu lỉnh đặc biệt của những chú lính lệ ngày xưa.

Cặp mắt mở thao láo, mi chớp lia lịa nhất là những khi anh đứng trước mặt thượng cấp hoặc những ngày thi cử, ngày nhập học, sân trường, cổng trường đầy những phụ huynh học sinh. Một cái mũi nhỏ nằm trên cái miệng cũng nhỏ. Hình như lúc nào anh cũng bận rộn công vụ. Trên tay luôn luôn có một cái cặp

bìa các-tông dày gáy vải và chân bước vội vã, thoăn thoắt từng bước nhỏ. Khi có Thanh tra ở Bộ về khám trường thì anh tăng gia sự khẩn cán trong bộ y phục ka-ki màu xanh dương, kiểu đồng phục Thanh niên. Nhìn anh, người ta tự nhiên phải nghĩ đến một con chim sâu, một cái chong chóng đang quay.

Trên đời anh chỉ biết kính trọng có ông Hiệu trưởng trường anh, các ông giám thị và mấy ông giáo đi ô-tô. Mọi người khác anh đều coi là “anh, chị” hết. Ông Chính không đi ô-tô nhưng lại năng nói chuyện, – nào ai biết là nói chuyện gì, – với ông Hiệu trưởng và ông Giám học nên anh tỏ ý nể. Thấy ông ở phòng Hiệu trưởng đi ra, anh vội vã lớn tiếng chào:

– Xin chào Cụ. Năm nay cụ có đi chấm...

Ông Chính tươi cười liền:

– À chào anh. Năm nay tôi đi Đà Nẵng.

Ông vỗ vai anh một cái thân mật.

– Anh ở lại mạnh khỏe nhé?

– Dạ, cảm ơn Cụ. Chúc Cụ đi đường sức khỏe.

Theo cái đà ấy, chỉ hai hôm là cái tin ông Chính đi chấm thi ở Đà Nẵng ai cũng biết. Những giáo sư trẻ ngấm hỏi nhau.

– Ông ấy dở hơi nhỉ? Chấm thi thì thú cái đích gì? Ba tháng Hè chả được nghỉ.

– Ừ. Trẻ và độc thân như chúng mình thì mới còn lý thú đôi chút chứ lớn như ông ta...

– Hồi mình chưa cưới vợ thì mỗi kỳ nghỉ hè mình thích đi chấm thi lắm. Vì có đi như vậy mới mong gặp ngày chuyện lạ, chuyện vui ở dọc đường. Những bạn đồng nghiệp, nhất là nữ đồng nghiệp ở từ các tỉnh tụ họp về sống gần gũi mười ngày nửa tháng rồi giã từ nhau, hẹn năm sau gặp lại. Vui chứ. Nhưng từ ngày mình cưới vợ rồi thì... Lạ thật, đổ ai hiểu ông Chính đang nghĩ gì.

Chẳng ai hiểu ông Chính đang nghĩ gì thật. Có người đoán là ông chán ngấy cảnh ngày hai buổi họp mặt với vợ con. Có người bảo là từ nửa năm nay sao thấy bà Chính bỗng già đi một cách đáng chán. Có lẽ do đó mà ông muốn đi tỉnh xa để ăn chơi cho bỏ dăm mười ngày chẳng? Có người nghi là ông đang chạy một áp-phe nào đó ở Đà Nẵng. Tính ông tháo vát, lý tài không mấy ai là không biết. Ốc

lý tài ấy không thể quên việc một người bạn cũ vừa được Chính phủ cử làm một chức vụ hành chánh cao cấp ở đây. Việc ấy chính ông đã bô bô nói cho anh em nghe, một cách lơ đãng thôi nhưng mà với bao nhiêu là cố ý và dàn xếp. Tóm lại mọi ước đoán đều không tốt cho ông Chính. Bởi không ai tin rằng sự hăng hái của ông là do tinh thần trách nhiệm cao cả của một nhà giáo có lương tâm. Trong khi đó thì ông hò hẹn với người này sẽ lên đường ngày ấy tháng ấy, rỉ tai với người kia rằng sẽ cùng thuê một phòng ở khách sạn nọ nhà hàng kia. Ông chạy đi dò hỏi giờ xe lửa đến, xe lửa đi, giờ tàu bay hạ cánh và cất cánh. Vì tất cả là nhà giáo nên không ai bảo ai mà mọi người đều tự nhiên nhớ đến anh chàng Tartarin.

Đột nhiên, một ngày trước ngày lên

tàu, ông Chính lẫn ra bệnh. Bà Chính cầm giấy chứng nhận của bác sĩ đến phòng ông Hiệu trưởng và nhờ ông gửi ra ông Chánh chủ khảo Hội đồng Đà Nẵng. Bà phàn nàn thay chồng:

– Thưa cụ, nhà tôi thật tiếc quá. Đến ngày đi thì lại ốm. Nhà tôi đã bao nhiêu lần bảo mặc cứ đi, nhưng bác sĩ cản lại không cho đi. Nhà tôi bảo mỗi năm Chính phủ chỉ nhờ mình một một lần...

Ông Hiệu trưởng đằng hắng một tiếng khiến bà ngừng nói, đợi chờ ông ban ý kiến. Nhưng sau cái đằng hắng là tiếng gọi “Bác Cai!”, ông gọi thật to, như quát. Và bà vợ người giáo sư mẫn cán xin phép ra về.

Ngày lên tàu, mấy giáo sư tán chuyện gẫu trên sân ga.

– Được đi Dalat sướng mê đi, sao mặt mày buồn thiu như đưa đám ma thế kia? Lên gặp Minh Châu tha hồ mà đi hồ Than Thở.

– Nói nhảm. Minh Châu đi chấm ở Nha Trang. Mình vừa nhận được điện tín xong.

– Còn “bồ” sao cũng không vui?

– Chủ nhà nó đòi nhà lại để nó ở. Hết hạn báo thị rồi mà moa chưa tìm được chỗ nào ưng ý. Bây giờ lại phải đi nửa tháng.

– Chỉ có ông bồ Chính thích đi Đà Nẵng thì lại ốm không đi được. Bồ ấy ốm gì nhỉ? Mới vừa thấy béo na béo núc ra ấy mà.

– Chả biết ốm gì, nhưng mà để bồ ốm cho bỏ ghét. Cái mồm cứ mỏng lẽo

lèo. Lúc nào cũng tinh thần, xung phong, gương mẫu...

Người ta không hiểu ông Chính. Khi phán đoán về ai, người ta thường hoặc quá khắc nghiệt, hoặc quá dễ dãi. Cả hai thái độ đều có chung một nguyên nhân là lòng ích kỷ. Phán người ta nhưng lại vì mình mà phê phán nên ý kiến không đúng với sự thật. Sự thật ở đây chỉ có ông Chính biết mà thôi. Sự thật đó là ông chẳng bệnh tật gì hết mặc dù có giấy chứng của bác sĩ. Sau khi gửi giấy xin phép nghỉ, ông Chính gọi vợ dặn nhỏ:

– Thật ra, tôi chả đau ốm gì. Chỉ vì năm nay thằng Liêm nó thi mà sức học của nó còn kém quá. Tôi phải tìm cách ở lại để lo cho nó thi đỗ.

Bà Chính há hốc mồm nghe rồi lơ đãng để rơi một tiếng “ờ”.

– “Thật vô vị là cái mụ này”, ông Chính nhíu mày suy nghĩ. Tưởng vợ tán tụng tài trí và mưu cơ của mình, ai ngờ mụ chỉ dẫn đờ buông thông một tiếng chán đời ấy. Ông xằng giọng nói:

– Để mọi người không ai đoán được ý định của tôi, tôi đã ông đóng kịch hăng hái hàng tuần lễ trước. Thế mà bà có biết đâu.

– Vâng.

– Vâng là cái gì?

Ông quắc mắt nhìn vợ hỏi.

– Nói với bà chán như cơm nếp ấy. Thôi, bà đi xuống.

Bà Chính tuân theo lệnh chồng một cách thân nhiên bình tĩnh. Gần hai mươi năm chung sống, mỗi lần nghe chồng

bàn tính công việc, bà chỉ biết dùng chữ “vâng” chữ “ồ” như để chấm câu cho chồng nghỉ hơi. Không phải vì bà khờ nhưng mà vì bà biết chồng mình khôn ngoan lanh lợi mình không thể nào bì kịp. Đưa ra ý kiến nào cũng bị chồng chê là non, là vụng, rồi cuộc bà trở thành e dè, gần như thụ động. Sự thụ động trong tâm hồn đã ảnh hưởng mạnh đến thể xác của bà. Bụng và ngực sệ xuống, dường như những sợi đàn hồi trong các mô liên kết không còn đủ ý chí để thắt gọn lên được nữa. Mắt hay nhìn xuống đất và những khi phải ngó lên thì hai tròng đen nhìn lác hắc đi. Ngày mới lấy ông Chính thì mắt bà đâu có lác nặng như thế? Giọng nói cũng mỗi ngày một uể oải rụt rè, rụt rè cả ngay khi bà sai bảo đầy tớ.

Hai ngày trước hôm thi, các giám khảo lục tục đến bằng chuyến tàu suốt từ

SaiGon ra và từ Huế vào. Ông Chính cần mẫn lên ga đón. Đối với những người quen ở trong nghề như ông thì việc nhận ra các giám khảo không phải là điều khó. Họ đi từng nhóm ở toa hạng Nhì xuống. Một chiếc va-li nhỏ trên tay. Trừ vài thanh niên láu lĩnh còn thì họ đều có vẻ mặt ngơ ngác lãnh đạm của người tri thức. Ông Chính xông vào một người đứng tuổi nước da mai mái. Bàn tay chìa ra trước khi tiếng nói theo kịp.

– Chào bác. Năm nay bác về chấm ở đây.

– Vâng ạ, kìa chào bác.

Ông Như, một giáo sư ở trường Trung học Duy Tân, vừa đón tay, vừa mỉm cười trả lời. Tới một địa phương gặp một người quen, không mấy ai là không thích.

– Thế bác không phải đi đâu cả?

– A... Tôi phải đi Đà Nẵng nhưng lại bị ốm hôm lên tàu.

– Ô! Tiếc quá nhỉ? Trông bác có hơi xanh đi đấy.

Ông Chính giật nẩy mình. Mình xanh thật hay là ông bạn biết rõ bệnh dỗi của mình mà nói mỉa? Cả hai sự thật đều đáng ngại cả. Ông quay sang các giám khảo đang đứng vây quanh, vẻ mỗi một chờ đợi.

– Còn đây là...

Ông Như đỡ lời:

– Xin giới thiệu với bác, các giám khảo ở Phan Thiết ra... Các bạn này ở Dalat xuống... Còn đây...

Ông Chính phá ra cười liền khiến hai con mắt híp lại:

– À, biết rồi. Bạn quen cả mà, anh Hỷ, anh Tùng, anh Thuận. Các bạn vừa ở Nha Trang ra. À, có cả chị Ngọc Lan. Sao? Ở trường Nữ Trung học chỉ có một mình chị ra thôi à?

Người nữ giáo sư tên là Ngọc Lan trả lời quá nhỏ không ai nghe được. Vả lại người ta đang bận bắt tay, những cái bắt tay không hăng hái vì lặp lại quá nhiều.

– Máy bác đã có chỗ trọ sẵn cả rồi chứ?

Nhiều người trả lời một lượt. Đại khái thì kẻ có người không. Nhiều người định ra phố thuê phòng. Một số ít định ghé lại nghỉ tại trường.

– Phải đó, – lời ông Chính, – chúng tôi đã cho sắp đặt một phòng học dành cho quý vị. À, xuống ngay trường Cường Để mới nhé? Trường cũ nóng lắm không chịu được. Xích-lô!

Mấy bác xích-lô đứng vây quanh các thân chủ tranh nhau lên tiếng.

– Dạ... Dạ...

– Chở mấy thầy xuống trường Cường Để mới nhé? Biết trường mới không?

Các giám khảo đã an vị trên xe xích-lô, ông Chính xoa tay nói:

– Thế là các bác đã có nơi chốn an ổn hết rồi. Không có bác nào đến ở với tôi cho vui.

Lời mời mọc lộ tính chất hình thức dãi dôi không được ai trả lời. Ông Chính

quay lại tìm cô giáo Ngọc Lan. Nhưng lặng lẽ, cô đã lên xích-lô đi đâu mất từ lúc nào.

Khi chuyển tàu suốt ở Huế vào, ông Chính cũng lập lại sự cần mẫn vừa rồi. Lần này ông không còn ngượng miệng như lần đầu, ông bảo: “Chúng tôi đã cho sắp đặt một phòng học dành cho quý vị”. Vì thật ra sự sắp đặt là do bác cai trường theo một lệnh của ông Tổng giám thị. Vả lại, có gì đâu mà gọi là sắp đặt? Cứ hai cái bàn học kê sát nhau làm một giường nằm, trên tường chằng bốn đường dây kẽm để mắc màn, thế thôi. Giám khảo đến ở tại trường thì ít và phần lớn là những người vô tâm. Họ chỉ cần sự tinh khiết của khoảng rộng.

Ba ngày thi lần lượt trôi qua. Thăng Liêm làm bài chả ra gì mặc dù ông đã bảo nó cứ nhìn sang bài của hai đứa

ngồi cạnh. Nhưng ông tháo vát lanh lẹ bao nhiêu thì thằng Liêm hiền lành đờ đẫn bấy nhiêu. Nó sợ thầy giám thị, cô giám thị, sợ ông giám thị hành lang, sợ chủ khảo, sợ cả mấy ông lính mang súng đi đi lại lại ngoài sân trường nên nó chẳng dám nhìn ai hết. Bài nháp nào đem về đưa cho ông coi ông cũng la rầm lên làm nó càng sợ hơn. Rốt cuộc ông phải gọi giật bà lên để phân bua:

– Đây, bà xem, nó học dở như thế đó.

– Thì nó học dở từ hồi giờ.

Bà thùng thỉnh trả lời.

– Ai chẳng biết là nó dở.

Ông nói gằn như thét lên.

– Đã biết thế còn bảo tôi làm gì nữa?

Nó bé oắt như con mắt thế kia mà ông cứ bắt nó học.

– Thôi dẹp bà đi. Chả bàn bạc được cái gì với bà hết. Nói ngang như cua ấy.

– Chả ngang thì...

Ông Chính đứng phắt dậy, đưa tay quyết tìm một vật gì ném xuống đất để biểu lộ cơn giận. Nhưng trên bàn chỉ toàn những vật có thể vỡ được, chẳng hạn cái tách, lọ mực, bình hoa. Ông đành phải chọn lấy tập báo ném phịch xuống đất rồi la lên:

– Thôi, tôi không nói với bà nữa.

Và ông bỏ vào giường nằm.

Các hội đồng giám thị ở Tuy Hòa, Quảng Ngãi đã tập trung đầy đủ về Trung tâm Qui Nhơn. Ông bắt gặp được anh

Độ, một trong những thư ký hội đồng.
Ông nói nhỏ:

– Khi rọc phách nhớ coi dùm bài của thằng nhỏ con “moa” một tí nhé? Số ký danh của nó là 612. Phòng 18. Trung tâm Qui Nhơn. Nhớ ghi dùm số phách cho “moa” tí nhé?

Độ nhăn mặt:

– Chủ khảo gắt như mắ...

– Thôi mà – ông Chính vội vỗ vai Độ – giúp dùm cho “moa” một tí mà.

Độ định ừ à cho qua chuyện nhưng thấy ông Chính cứ quanh quẩn ở hành lang nên biết là không giúp không xong. Thà giúp một tiếng còn kín nhem hơn là để ông cứ thì thầm nhỏ to với mình khiến chủ khảo thêm nghi ngờ. Vả lại ông khéo xếp đặt quá khiến sự hiện diện của ông

ở phòng chấm rất thoải mái. Ông gọi anh Cai mang thêm ghế ngồi vào cho các thầy. Ông gọi anh Cai pha thêm nước trà. Ông gọi anh Cai xuống đuổi mấy người thí sinh lảng vảng ở trong cổng trường. Đối với chủ khảo thì ông gợi chuyện một cách rất nhã nhặn:

– Tôi chắc ông phải khó chịu với những khách sạn ở Qui Nhơn?

Ông chủ khảo ngờ ngẩn không biết kẻ đối thoại định nói gì. Nút cà-vạt của ông nằm lệch sang một bên cổ sơ mi. Lưng ông gù hẳn xuống. Sự mệt mỏi đọng trên đôi mắt lơ đãng, trên da mặt bóng mồ hôi, trên mái tóc rơi lè phè trước trán. Ông vừa bực mình vì các giám khảo đến phòng họp quá trễ giờ, thích tán chuyện với các cô giáo mà lại muốn công việc chấm thi phải xong trong năm ngày. Họp chấm ngày thứ Hai mà ngót một nửa số

giám khảo đã ghi vé máy bay thứ Sáu về.
Ông Chính phải lại xoay câu hỏi thăm:

– Thưa ông, ông trọ ở khách sạn nào?

– Dạ, tôi ở khách sạn Khánh Vân.

Vừa trả lời, ông chủ khảo vừa lơ đãng nhìn ra xa. Rồi ông chợt quay lại:

– Xin lỗi ông... – ông đưa tay ra bắt,
– ... Tôi đang bận quá.

Ông Chính không bị méch lòng vì thái độ lạnh nhạt hấp tấp của ông chủ khảo. Người có trách nhiệm điều khiển bao giờ cũng đa nghi. Họ tưởng ai cũng rình rập để lợi dụng họ thành ra họ rất bủn xỉn nụ cười và lời xã giao. Ông Phó chủ khảo cởi mở hơn. Vì trách nhiệm có chủ khảo gánh, công việc có thư ký làm. Ông tươi cười đón lời hỏi thăm của ông Chính và nhún vai một cái:

– Khách sạn? Gọi hơi quá, vì chỉ có cái tên là có vẻ khách sạn mà thôi: Bồng Lai, Lan Đình, Đồng Khánh... Đó chỉ là những căn phòng hẹp ở sau những hiệu buôn tạp hóa người ta lợi dụng đem cho thuê...

Ông Chính tán đồng ý kiến ngay:

– Vâng, đúng thế ạ. Ông nhận xét rất đúng.

Gió ở biển phây phẩy thổi vào, mát nhẹ. Ông Phó chủ khảo thích chí nói tiếp:

– Người Bình Định sống trong hoàn cảnh chiến tranh mười năm nên họ biết lợi dụng từng tấc đất một. Không quảng canh được thì họ thâm canh.

Biến nhà sau thành khách sạn, đó

cũng là không bỏ phí một tấc đất, một cách thâm canh vậy.

Thú vị vì lời nhận xét, ông Chính cười ha hả và vội giơ tay bắt tay ông Phó chủ khảo trong một thế tán đồng thân mật. Vừa lúc ấy bóng anh Độ đi ra, và ông vội cáo từ đi lảng nhanh về phía anh.

Hai người gặp nhau ở cầu thang gác.

– Cụ nhớ ghi sổ phách quốc văn: Am 26.

– Am 26.

– Pháp văn: Bp 25.

– Bp 25. Còn mấy món kia?

– Tôi chỉ tìm được có hai món.

– Nhờ tìm hết dùm tí, bác (Ông đã thăng Độ lên chức Bác)

– Hai món chính, hệ số 6 rồi còn đòi gì nữa? Con cụ ở lớp đứng thứ mấy?

– Cháu kém lắm. Đứng thứ 48. Gần chót.

Độ vô tình nhún vai tỏ ý chán nản. Nhưng anh vội chữa lại cử chỉ vụng vưa rồi của mình bằng một nụ cười gượng gạo:

– Nhưng được hai món hệ số 6 rồi thì có hy vọng.

– Tội nghiệp mà. Không đỡ nổi đâu. “Bác” gắng giúp thêm tí nữa.

Chợt có tiếng giày ở phòng chủ khảo đi ra, Độ vội vàng bước xuống cầu thang. Bực mình, nhưng anh không thể vô tình với câu khen vuốt đuôi của ông Chính:

– Thôi, gắng giúp “moa” [Tôi, phát âm tiếng

Pháp] tí nhé, rồi moa làm mai cho toa [Anh, mày, phát âm tiếng Pháp] cô Nhã. Cô Nhã chấm Lý Hóa đó, có mê không? Dạy Cường Để đó. Cả Trung tâm này chỉ có toa là xứng với en [Cô ấy, chị ấy] thôi.

Được mấy số phách, ông Chính lần la lại các tiểu ban: tiểu ban Toán, tiểu ban Công dân Giáo dục, tiểu ban Pháp văn... Tìm cho biết được bài thi của con mình thuộc về tay ai chấm, thật không phải là dễ. Nhưng ông Chính là một người chịu khó. Đầu tiên ông gặp được xấp Pháp văn có bài con ông rơi vào tay anh Khoa, một bạn đồng nghiệp đã cùng dạy với ông mấy năm ở trường Trần Hưng Đạo. Ông rĩ tai:

- Am 26 là con tôi đó.
- A!...

Anh Khoa mỉm cười lật tìm số Am 26. Đọc qua một lượt, Khoa vỗ đùi đánh “đẹt” một cái, nói to lên:

– Ô! Kém quá. Kém quá. Làm chả được gì hết. Chia verbe Rendre mà cũng sai.

Ông Chính cảm thấy ruột mình quặn lại khi đưa mắt theo dõi cặp mắt chăm chăm của Khoa nhìn xuống bài làm và tim mình chồm lên khi Khoa vỗ vào đùi. Ông nói nho nhỏ:

– Vu [Vous: anh, ông] cho cháu nó đủ moi-en [Moyenne: điểm trung bình]

– Cho thế nào được?

Khoa quay lại nhìn ông, tròn mắt chao lên nhiều vòng sau lần kính trắng.

– Làm sai hết thế này mà.

– Vu nói nhỏ nhỏ vậy. Thôi vu bớt đi 1, cho cháu nó 9 điểm.

– Không được. Bài đáng 5. Cho thêm 1 là 6.

– Chết! Vu giết moa. Thôi cho cháu 7 điểm rưỡi.

“Thật tai ác là thằng Khoa”, ông Chính nghĩ. Mình cứ tưởng chỗ quen thì dễ nài, hóa ra không hẳn thế. Chả bù với hai vị giám khảo chấm Sử Địa và Công dân Giáo dục, ông Chính không quen biết lần nào cả nhưng khi kể lễ gia cảnh (cần nói láo một chút) và chỉ vào mái tóc có dăm sợi bạc của mình là các vị nới rộng điểm giúp cho ngay. Thật là những người dễ dãi, hào phóng. Cô giáo Lý Hóa, – không phải là cô Nhã, tất nhiên, – trông thế mà cũng nghiêmệt ra phết. Chỉ “vâng... dạ... đồng ý chấm

nói tay...” nhưng nhất định không cho biết là mấy điểm. Chẳng lẽ lại vào ngồi cạnh cô để nài. Bài luận Quốc văn thì biết tâm không biết do ai chấm. Ông chỉ còn trông chờ ở số vận may. Thằng Liêm lý luận không hay nhưng chữ nó viết đẹp sáng sủa. Ông Chính trông sao cho bài làm của nó rơi vào tay một ông giám khảo nhớ nhà. Ông ta sẽ đọc lại cái nhập đề và cái kết luận. Ông ta sẽ tìm vài lỗi chánh tả để gạch cho đỏ bài nhưng bài không có lỗi chánh tả. Ông Chính thâm hiểu tâm lý của một số giám khảo nên đã dặn con cố viết cái nhập đề và cái kết luận cho thật hay và lưu ý đừng để phạm những lỗi chánh tả. Ông giám khảo nhất định sẽ cho điểm quanh quẩn ở 8, 9, 10. Bài Toán thì vô phúc bị đem ra cho tiểu ban cùng chấm để làm thang điểm. May trúng được hai phần bài. Nhầm bài toán đã làm ở trường rồi thế mà chép lại cũng

còn sai lên sai xuống.

Cũng như mọi thí sinh, ngày vô phách cộng điểm, ông Chính thấy sao mà dài thế! Thằng Liêm thì cứ lêu nghêu đi dạo biển và đọc tiểu thuyết, làm như chính ông đi thi chứ không phải nó thi. Ông gọi giạt nó, hỏi:

– Sao tao chả thấy mày lo lắng gì cả thế?

– Thì thấy bảo con lo cái gì nữa? Thi đã xong rồi thì chỉ còn đỗ được trượt thôi chứ còn lo gì nữa?

– Mày nói như... cái con chó ấy. Thật là mẹ con mày một lũ.

Và ông vào thay áo xuống trường.

Phòng họp rộn rịp ồn ào. Chỗ này vô điểm, tiếng rao điểm luân phiên nghe

nhịp nhàng như tiếng một cái máy lạ đang chạy. Chỗ kia rầm rì tiếng cộng điểm. Ông Chính lại mượn xem bảng kết quả của phòng 18 trung tâm Qui Nhơn. Những chữ “đậu” ghi rải rác trước những tên thí sinh. Ông lật nhanh đến tên Nguyễn Thanh Liêm số ký danh 612. Ông lặng im đưa mắt nhìn, lẩm nhẩm tính từng cột điểm. Đoạn để tập giấy xuống bàn, ông lặng lẽ bước ra hiên. Nét mặt đăm chiêu, ông nhìn ra bãi bể Gành Ráng. Đôi con mắt nheo lại và môi mím trong vẻ suy nghĩ. Anh Khoa ra uống nước, lại gần hỏi:

– Sao buồn thế bác? Cháu Liêm hỏng rồi à?

Ông lắc đầu không trả lời.

– Tôi cho đủ 7 điểm rưỡi bác yêu cầu mà.

- Vâng, tôi nhớ.
- Thế thì sao mà hỏng được?
- Không. Đâu có hỏng.

Nghe tiếng “hỏng”, vài giám khảo đứng gần đó quay lại hỏi:

- Sao? Con cụ hỏng rồi à?
- Chết chết! Hỏng thật sao?

Mấy giám khảo ngồi trong phòng cũng quay mặt ra. Có cả cô giáo chấm Lý Hóa và hai vị chấm Sử Địa và Công dân Giáo dục dễ tính. Người nào cũng lộ vẻ ái ngại cho người đồng nghiệp tốt bụng của mình. Mọi người, nhất loạt, đều cảm thấy lương tâm rửa mình khe khẽ vì ai cũng nghi rằng bài của con người bạn đã rơi vào nhầm tay mình. Rồi có người chép miệng:

- Tội nghiệp. Đứa nào cho điểm ác.
- Ông ta có thể xin chủ khảo...
- Cụ ấy người có tuổi, dáng đứng đản chắc không thềm hạ mình xin xỏ lời thôi.

Tiếng xì xào im bật khi ngoài hành lang ông Chính chấm rãi mà ưu tư nói:

- Thừa các bác, cháu không hỏng ạ.
- Chứ sao?
- Cháu được đỗ ạ.
- Đỗ mà sao cụ buồn thế kia?
- Dạ... Cháu được 142 điểm. Chỉ còn thiếu 14 điểm nữa là được Bình thứ. Tức thế. Phải các bác nới tay cho cháu một chút thì cháu đã đỗ Bình thứ rồi. Bậy quá. Tiếc quá.

HÃY AN NGHỈ ABDUL RAHIM

– Doucement méchant! Doucement méchant!

Abdul Rahim nhắc lại hai chữ ấy, cười thú vị vừa ôm chầm lấy tôi. Rồi nói sang tiếng Việt:

– “Hung bạo một cách dịu dàng”, có thật đó là ý kiến của... you¹?

(Abdul Rahim nói chuyện với tôi thường bằng tiếng Pháp nhưng đến chữ

¹ Ông, anh (tiếng Anh)

Vous² là anh hay quên nói lẫn sang tiếng Anh)

– Thật lắm. Tôi cho rằng Abdul Rahim là một người dịu dàng. Chắc hẳn mọi người cũng nghĩ như vậy.

Abdul Rahim quay lại cô Ái Hoa.

– Cô coi, tôi không hung bạo như cô nói, tôi “hung bạo một cách dịu dàng”, – ông Long bảo vậy.

Câu chuyện xảy ra một buổi chiều khi tôi ghé lại hiệu Thanh Mỹ. Tôi gặp Abdul Rahim nơi đó. Ý hẳn là anh nói đùa sao đó với cô Ái Hoa, – tên cô bán hàng, – và bị cô tặng cho một chữ méchant³. Thấy tôi bước vào, anh phân bua với tôi ngay và tôi giải hòa bằng chữ “một cách dịu dàng” để làm vừa lòng cả hai người. Ái

² Ông, anh (tiếng Pháp)

³ Hung bạo

Hoa đẹp hơn sự đòi hỏi của một chân bán hàng. Không hiểu do những hoàn cảnh nào mà nàng nhận đứng bán cho hiệu này. Ngày nàng chưa đến, hiệu sách này sống uể oải như một con bệnh mắc chứng thiếu máu. Những tủ hàng đứng yên lặng soi bóng vào nhau như ở trong một bức tranh tĩnh vật. Nàng hiện diện ở đây ngày nào không rõ, chỉ biết là từ ngày đó, thanh niên tỏ ra lưu ý đến sách báo nhiều hơn trước. Thật lịch sự là con người thưởng thức nghệ thuật. Người ta ghé lại nhìn những sản phẩm tinh thần bày la liệt trên mặt tủ, chọn vài ba cuốn và nhã nhặn đưa cho Ái Hoa bọc giấy bóng, gói trong giấy màu. Có đủ thì giờ để Ái Hoa dò hiểu trình độ trí thức của người đối diện qua những cuốn sách gáy dày và chữ in dày đặc. Ái Hoa biết cười nhẹ nhàng với một nhóm sinh viên hải quân, biết nhận lời khen của mấy anh

sinh viên không quân. Thanh niên tóc bông, học sinh tú tài, sĩ quan bộ binh vào ra tấp nập, nhất là những chiều thứ bảy, những sáng chủ nhật. Tóm lại, một người như thế khiến tôi không thể vì Abdul Rahim mà làm phật lòng.

Tôi đứng lật xem những tờ *Jours de France*. Bìa láng in nhiều khuôn mặt tươi cười của những vua và công chúa các nước châu Âu cười hỏi nhau. Các nước dân chủ giàu có ưa chỗ mắt nhìn vào cuộc đời riêng tư của các vua chúa, vua tại vị và phế đế lưu vong. Công chúa và hoàng tử cũng được các ống ảnh trù mến đặc biệt. Còn xa lắm mới tới cái ngày mà số vua trên thế giới chỉ rút lại còn có năm: vua nước Anh và bốn ông vua trong cổ bài các-tê.

Abdul Rahim chọn tờ *Newsweek* và tờ *Times*. Anh đứng cạnh tôi, đắm thắp

nhưng chắc chắn như một tảng đá. Đặc biệt là đôi lông mày dài cắt cạnh nhọn như một lưỡi mác. Da đậm màu, không phân biệt được vùng chân râu.

Quen anh trong trường hợp nào, tôi hiện không còn nhớ rõ. Có lẽ nhiều khi ghé vào hiệu Mohammed để mua vải và nghe anh nói tiếng Pháp trả lời mà hóa ra quen chẳng. Tiếng Pháp hiện nay heo hút xa vắng như một kỷ niệm. Khắp nơi người người ta nói tiếng Anh. Abdul Rahim đứng bán hàng cho hiệu này và khi tôi quen với anh thì anh cho biết rằng chủ hiệu là người em ruột của anh. Người chủ hiệu mặt mũi khôi ngô béo tốt và cử chỉ nhã nhặn lịch sự. Abdul Rahim không có cái dáng dấp phú hộ đó. Anh đơn giản thô mạt hơn nhưng lại ý vị đậm đà hơn. Nhìn khuôn mặt anh tôi thấy cái chiều sâu của sự suy tưởng. Đó

là một khuôn mặt chứa đựng hơi nặng nề, chậm chạp bởi vì không chịu khuôn sáo tầm thường. Giữa nhiều khuôn mặt tinh ranh láu vặt, giữa những cái môi mỏng ba hoa thì sự trì trọng của Abdul Rahim thật có một sức quyến rũ kỳ dị. Abdul Rahim nói chậm rãi bởi vì tiếng Pháp của anh không giàu lắm. Đã vậy, anh lại không bao giờ nói về những đề tài nhảm nhí như thời tiết, vật giá mua bán, nếp sinh hoạt của thành phố, thời sự trên mặt báo. Thường thì chừng sau ba bốn câu xã giao, anh đã nhẹ nhàng kéo tôi về một nẻo suy tư nào đó với anh, về một chân lý, một tư tưởng triết học. Lịch sử Ấn Độ dày quá khứ và quá khứ đó dày tư tưởng.

Mỗi năm đến mùa kiết hạ an cư, Abdul Rahim lên chùa ở hẩn hai tháng. Anh đọc sách, ngồi Thiền và lúc hạ san

thấy người hơi gầy đi. Tôi có nhiều lần tự hỏi về ý nghĩa của một cuộc sống thánh thiện như vậy. Abdul Rahim không nói chuyện về đàn bà và dường như tránh nói về đàn bà. Anh ăn chay trường. Không uống rượu không hút thuốc. Anh từ khước mọi thú vui vật chất của cuộc đời. Chọn sống thoát ngoài khuôn khổ của xã hội bình thường, chỉ nghĩ đến Quá khứ và Tương lai, một Quá khứ gieo Nhân và một Tương lai gặt Quả. Nghĩ đến tu hành để thoát vòng sinh tử luân hồi, thật là điều không dễ đối với một người có đủ khả năng hưởng thụ.

Mùa hè 1960 tôi có việc ra ở Qui Nhơn nửa tháng. Thành phố thấp và nóng, mang nhiều sắc thái của thời kháng chiến vừa qua. Một cái hội trường thành phố kiến trúc giống như cái máy ra-di-ô, nơi lưu diễn của các ban cải lương. Khán

giả đa số mặc áo bà ba. Tiếng guốc khua lốc cốc trên đường nhựa. Buổi chiều người ta ùa ra đường ngồi hóng mát. Trên con đường phố buôn bán độc nhất, bước hỏi hả những người đàn bà da mặt sạm, già trước tuổi. Xe jeep nhà binh, chỗ nào cũng xe jeep nhà binh. Đàn bà mặc áo màu ngồi hãnh diện trên xe Jeep nhà binh. Rải rác mới có một vài chiếc xe du lịch. Tôi gặp Abdul Rahim, bất ngờ, nơi cái thành phố khô cằn này.

– Quelle surprise! You ra đây hồi nào⁴?

– Mới được năm ngày. Còn Abdul?

– Bốn tháng.

Tôi mời Abdul Rahim vào một hiệu bán nước trái cây và ở đó tôi được biết là Abdul Rahim hiện đang làm việc cho

⁴ Thật bất ngờ. Anh ra đây...

nhà binh Hoa Kỳ. Câu chuyện trao đổi mất đi sự thoải mái (...Kiểm duyệt bỏ...).

Hơn nữa, thà Abdul Rahim mặc quân phục để người ta dễ phân biệt được anh, đảng này anh vẫn sơ-mi trắng quần dacron màu tối như mọi người thường dân đi lại nhan nhản ngoài phố.

– Sao? Ở nơi thành phố nhỏ của chúng ta có gì thay đổi?

Tôi nhún vai.

– Mọi người vẫn sống đều đặn, không cần biết đến ai hoặc biết quá nhiều về một vài người liên hệ. Còn Abdul Rahim, cuộc sống của Abdul ở đây có dễ chịu không?

– Lúc nào cũng thế.

Ừ! Abdul đã gián tiếp nhắc tôi. Anh

là một tảng đá chắc chắn, khó lòng mà gió, mưa, nóng, lạnh có thể làm xao xuyến được. Huống chi, bên trong cái cơ thể rắn chắc đó, tinh thần của anh xem ra như cũng kiên cố chẳng kém. Đôi con mắt sáng, bình tĩnh của anh, đó là sự bình tĩnh của mặt nước hồ im lặng phản chiếu vòm trời thêu thùa mây trắng và cành cây lá cỏ mọc ở ven bờ. Đó là sự trang nghiêm đầy khí lực của mặt biển màu tím ngoài khơi, giữa trưa khi nước óng ánh như dầu đặc. Xung quanh tôi, những cặp mắt thường xao xuyến, dao động, mỗi mết. Cuộc sống khó khăn, nhiều phiền toái, nhiều bất trắc làm con người lo lắng rứt rứt. Những cử chỉ không dứt khoát, không đích xác. Cái nhìn lướt lơ dờ trên những mục phiêu di chuyển. Người ta không biết mình muốn gì, mình nên làm gì và cái gì dành cho phần mình.

Abdul Rahim nói:

– Nước của ông hiện đang trải qua những cơn sốt dân quyền rất dữ dội trầm trọng.

– ... Như mọi nước Á Phi còn thấp kém – tôi tiếp lời. Như một đứa trẻ phải chịu những cơn sốt mọc răng.

– Còn nặng hơn cái ví dụ của ông. Còn nặng hơn.

Abdul Rahim đưa mắt mơ màng nhìn ra xa.

– Tôi đồng ý (...Kiểm duyệt bỏ...) Đã đến lúc quần chúng không chịu nổi nữa cái sức nặng của vị “cứu tinh dân tộc”, của “người thuyền trưởng tài ba” đang đè lên vai họ.

Xung quanh chúng tôi có những

người lặng lẽ nhấm nháp ly nước măng cầu tây, nước cà-rốt. Có người mang kính đen ngồi trầm ngâm. Thật không phải là nơi tốt để bày tỏ chính kiến, nhất nữa, đây là một tỉnh nhỏ. Nên tôi nói lửng chửng:

– Người ta sẽ gặt những gì mà họ gieo.

– Nhưng nếu họ gieo hạt giống tai họa ngay vào mình thì mình khó lòng ngồi bình tĩnh đợi chờ kết quả.

Tôi nhìn Abdul Rahim đợi anh giảng giải. Anh nói nhỏ:

– Tuần trước tôi bị một bọn người ném đá và xông vào hành hung.

– Họ có nói vì cớ gì không?

– Không.

– Anh có đi thưa nhà chức trách?

– Có. Nhưng nhà chức trách chỉ ậm ừ ghi nhận sự việc mà không hứa hẹn can thiệp gì hết. Từ ngày đó, tôi ít đi ra đường, sợ sẽ có những vị hành hung nữa.

Tôi lặng yên suy nghĩ. Sự hành hung đang thịnh hành ở khắp nơi. Lẽ phải bị vũ lực áp chế. Rồi vũ lực áp chế vũ lực. Không ai muốn nghe tiếng nói của ai nữa. Đấm, đá, vỡ chai, thanh sắt, gậy gộc hùng biện hơn lời nói. Thời đại của bắt thịt và sự bạo tàn. Tôi bảo Abdul.

– Để hôm nào rảnh tôi ghé lại ông Tỉnh trưởng trình bày trường hợp của anh. Có lẽ ông Tỉnh trưởng biết rõ điều đó.

– You có quen ông Tỉnh trưởng?

– Đó là một người bạn học cũ.

Ninh hiện làm Tỉnh trưởng ở đây. Một người bạn làm ở Khu Công chánh bảo tôi:

– Ninh hiện làm Tỉnh trưởng Bình Định.

– Sao anh biết?

– Nó vừa thi lấy bằng lái ô-tô. Tôi vừa đọc hồ sơ xong.

Mấy ngày ở Qui Nhơn tôi có ý muốn ghé lại thăm Ninh. Nhiều người khuyên đừng. Không mấy ai muốn đến thăm một bạn cũ khi người đó có chút ít chức vụ. Nhưng tôi nghĩ khác: Hắn sẽ thủ thế khi mình đến thăm hắn. Chắc chắn là hắn nghĩ rằng mình đến nhờ vả gì đó. Hắn sẽ cố sức giữ khoảng cách với mình và hắn sẽ hối hận khi thấy mình bắt tay thông dong ra về, không đòi hỏi gì khiến hắn phải cố gắng hết.

Tôi chọn chiều thứ bảy đến thăm Ninh, thú vị nhìn những người lính gác long trọng xét hỏi giấy tờ, bắt khai lý do vừa kín đáo dò xét. Thật không có gì dễ chịu cho bằng mình đem cái bình thân vô ưu của mình ra đổi đãi với cái hoài nghi khắc khoải của kẻ tiếp mình, đem cái thông dong bất cần của mình ra trả lời cái nghiêm trang “quốc gia trọng sự” của kẻ sinh ra với cốt cách chuyên làm thuộc hạ cho người khác.

Ninh tiếp tôi ở phòng khách rộng. Hai mươi năm xa cách nhưng đúng là khuôn mặt đó. Chúng tôi gọi những kỷ niệm hồi còn học chung ở lớp Nhì, lớp Nhất. Cảnh vật ngày xưa hiện ra trong óc tôi rõ ràng đến từng kẽ lá, từng cành cây, từng cái lá khô, từng con chim chào mào đang đưa mổ quả keo xanh. Ninh dè dặt khi bắt đầu câu chuyện, thụ động

trả lời nhiều hơn là đặt câu hỏi. Nhưng khi thấy tôi cười nói thông thả, anh biết là tôi không nghĩ gì đến cái chức vụ của anh hết, anh khỏi phải lo lắng gì nữa hết và anh bắt đầu nói chuyện tự nhiên. Khi nghe tôi nhắc đến tên mấy cô bạn: Hồ thị Yến, Hồ thị Xê, Nguyễn thị Nhạn... thì anh toe toét ra cười.

– Ủ! Mấy cô bạn xinh xắn của mình, chả biết bây giờ chồng con ra thế nào. Anh còn nhớ cách chân có tật của cô Yến không?

– Nhớ hoài. Một người có vẻ mặt đẹp để dịu dàng như thế mà chỉ vì cái chân có tật...

Anh chợt cười to rồi thủ thỉ tâm sự:

– Nè, không chừng hồi đó mình có yêu thầm một trong mấy cô cũng nên.

Câu chuyện đang vui thì tôi già từ Ninh. Anh mời ở lại nhưng tôi không nhận, anh mời năng ghé lại chơi trong thời gian tôi còn ở lại Qui Nhơn nhưng tôi không hứa chắc. Tôi không muốn đến một lần thứ hai vì những gì êm đềm trong sạch đều đã nói rồi. cái đẹp vốn phải hữu hạn. Gặp nhau nhiều, chúng tôi sẽ phải nói đến chính trị, hành chánh... và chắc chắn là trong những địa hạc đó chúng tôi sẽ phải nói dối, nói nhảm và nói khoác. Những người thành công thường no đầy tự mãn. Trạng thái sung túc đó thể hiện nơi Ninh trong cái cười mềm, trong tia mắt nhìn tròn no an ổn.

Nhưng hôm nay vì trường hợp Abdul Rahim mà tôi sẽ phải gặp Ninh trở lại. Đúng là một điều khó chịu vì mình sẽ không nói chuyện thông dong và cười to như lần trước. Nhưng chưa gặp Ninh

thì tôi nhận được điện tín gọi về gấp. Tôi đành gọi điện thoại cho Ninh, nhờ Ninh coi lại trường hợp của Abdul Rahim.

Mãi thật lâu về sau tôi mới gặp lại Abdul Rahim. Có cái gì tươi vui rạng rỡ ánh trong tia mắt của anh. Chúng tôi được ngăn cách với Quá khứ bằng một cuộc đảo chính và có lẽ cuộc đảo chính đó đã lọc bớt những vẩn bụi nặng nề trong cái không khí xã hội chúng tôi sống. Con người đi lại vung tay thoải mái hơn và mắt nhìn cũng chững chạc hơn. Qua nhiều người nói, tôi biết Abdul Rahim đã hoạt động mạnh dạn trong phong trào lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm và có lẽ do đó mà anh bị ném đá và hành hung ở Qui Nhơn. Tôi không nhắc đến chuyện cũ.

– Abdul Rahim hiện vẫn còn làm việc cho nhà binh Hoa Kỳ?

- Bây giờ làm ở Quân y viện.
- Đó là một công việc tương đối tốt. Cố gắng chữa lành những vết thương do chính mình gây ra.
- Vâng. Chỉ tương đối tốt. Vì sự sửa chữa không đi kịp sự tàn phá. Con người say sửa tàn phá, để hết tâm lực vào sự tàn phá.
- Abdul hiện có những dự định gì trong óc?
- Đợi ngày đi tu nghiệp ở Hoa Kỳ. Hi vọng được học Y khoa cho đến khi tốt nghiệp.
- Xin khen ngợi và cầu chúc Abdul thành công.

Tôi năng gặp Abdul Rahim trong giai đoạn anh chờ đợi này. Nơi gặp thường

là cái lối đi hẹp bao quanh chiếc bàn to xếp đầy những sách báo ngoại quốc. Có nhiều hôm mệt mỏi, tâm hồn đầy ưu tư và đôi mắt thiếu ngủ, tôi bắt tay Abdul Rahim vừa soi bóng mình trong đôi tròng mắt sáng ngời trong nụ cười rộng nở của anh. Tôi thêm thương cái sức khỏe vững chãi đó.

Mùa Thu năm ngoái một chiếc phi cơ oanh tạc rơi giữa một thị trấn đang yên ổn làm ăn. Năm sáu căn phố bị sập. Những trái bom còn mang theo chưa thả hết rơi nằm theo xác phi cơ rời rả rác nổ dần. Nhiều người háo kỳ chạy đến xem bị chết trong vụ nổ này. Quân cảnh chặn các ngã đường. Xe Hồng thập tự rít còi chạy vùn vụt về ngã bệnh viện. Gia đình nào cũng lật đật kiểm soát con cái mình xem có còn đủ số không. Người ta lo lắng chạy đến trường học xem con mình có

ngồi ở đó không. Người ta hồi hộp chờ đến giờ tan sở xem chồng mình có về với đầy đủ chân tay không. Những tin đồn chạy dài khắp các nẻo phố. Số nạn nhân mỗi giờ mỗi tăng thêm. Ngoài những xác người mất đầu mất chân, người ta còn thấy nhiều mảnh xương mảnh thịt vụn không biết của ai. Sáng hôm sau tôi được tin Abdul Rahim đã chết trong tai nạn đó và tìm không ra xác. Nơi xảy ra tai nạn xa chỗ ở của anh. Bốn giờ chiều ngày thứ sáu lại không phải là giờ đi dạo. Nhưng anh được rảnh buổi chiều đó, anh đi đến nhà bạn chơi khác với thường lệ và tai nạn vô lý anh.

Abdul Rahim không còn nữa. Cái năng lực thể xác và tinh thần đó đã phút chốc không còn nữa. Tôi mừng tượng thấy anh đang đi trên lề phố quen thuộc, anh đang đứng vững chãi, đầm thắp

trước một cửa hiệu bán vải và nụ cười của anh nở ra cùng một lúc với bàn tay thân hữu anh đưa ra.

– Bonjour Monsieur Long. Comment allez vous⁵?

Rõ ràng là tiếng nói của Abdul Rahim, tiếng nói không lăm-lẫn-với-ai-được của anh và đôi môi chu lại để nói những âm “ou”.

Cái chết vội vã của Abdul làm tôi xao xuyến nhiều ngày. Tôi chưa có thêm một người bạn đã vội mất một người bạn. Sự mất đó làm tôi cảm thấy tâm hồn mình chợt nghèo đi, có một khoảng trống làm tôi mất thăng bằng như chiếc phi cơ đang bay chợt gặp một lỗ không khí. Dầu không tò mò tìm hiểu cuộc đời riêng tư của anh nhưng tôi tin rằng anh có một nhân

5 Xin chào ông Long. Ông mạnh khỏe chứ? (tiếng Pháp)

cách cao hơn mức trung bình.

Chừng nửa năm sau ngày anh mất, bỗng một hôm vô tình mà tôi nghe người nhắc đến tên anh. Abdul Rahim và tôi vốn không có bạn chung. Cô Ái Hoa là người độc nhất mà tôi có thể gọi chuyện về anh thì đã bỏ hiệu sách đi lấy chồng rồi. Không thể ngày ngày nhìn bìa những cuốn sách in hình đàn bà khỏa thân, in hình những cặp tình nhân quấn quít ôm nhau hôn mà có thể sống cầm cự trong cảnh gỏi chiếu. Người gọi chuyện về Abdul Rahim tôi không ngờ lại là một cô bạn nhí nhảnh: Liên. Nàng nói trước:

– Cấm có chiều thứ Bảy nào là không gặp anh đi mài gót giày trên vỉa hè.

– Để cho xứng với em. Mỗi lần ra phố là y như gặp em nên anh chẳng biết trong hai chúng ta ai đi nhiều hơn. Nào!

Hãy báo cáo thành tích tâm tình của em trong tháng này.

– Yêu lãng nhãng, lai rai, bình thường. Như gió mậu dịch thổi bình thường trên biển Nam hải. Còn anh?

– Tất cả đều ở Điều kiện cách, Conditional. Lên phòng anh ngồi nói chuyện cho đỡ mỏi chân. Anh đi bộ từ bốn giờ đến giờ.

Liên bước chân theo sau tôi. Mưa rào xuống một trận hùng hồn khi tôi rót nước cam vào ly mời nàng.

– Câu chuyện của em hay của Trang của Dung gì cũng đều giống nhau – tôi nói. Đó là chuyện những nàng con gái thích yên những đàn ông hoàn toàn: đẹp trai, khỏe mạnh, học giỏi, anh hùng và... giàu. Sở thích giống nhau nên họ

phải tranh giành nhau những người đàn ông tốt số. Cuối cùng chỉ có một nàng được, còn những nàng kia xông xáo đi mở những chiến dịch khác.

– Anh nói quá. Chính tụi đàn ông đi lòng bọ em.

– Cả hai giống, đực và cái đều bình đẳng trong sự săn đuổi này. Em có đi xem một ông thầy bói? Hẳn ta sẽ cho em những liên thuốc an thần.

– Có. Em có rủ con Trang đi coi ông thầy Lò Vô.

– Kết quả?

– Cũng theo kiểu Conditional như anh. À, này anh, ông thầy nói rằng em lấy chồng năm nay không được, vì bị linh hồn một người chết ám ảnh. Người đó đã yêu em...

Gương mặt Liên trầm ngâm.

– Em nghĩ rằng đó là linh hồn Abdul Rahim.

– Abdul Rahim?

– Em chắc vậy.

– Abdul Rahim yêu em?

– Em chắc vậy. Yêu thầm thôi. Abdul không dám nói.

– Đó không phải là một người đàn ông nhút nhát.

– Khi yêu thật tình thì người đàn ông nào cũng nhút nhát rụt rè như nhau. Anh, em nghĩ rằng lúc nào anh cũng có thể nói “anh yêu em” với bất cứ người nào. Bởi vì anh yêu lãng nhăng, yêu vờ vịt, yêu chơi bời. Abdul Rahim thì không.

– Abdul Rahim thánh thiện ai cũng...

Liên ngắt lời:

– Tình yêu không phải là thánh thiện sao? Những bậc Thánh đều yêu. Anh có thấy gỗ, đá thành Thánh bao giờ chưa?

– Nhưng Abdul...

– Abdul Rahim có những nỗi buồn và anh đều thổ lộ cho em nghe. Ba má anh sinh nhiều con và anh là đứa con ít được thương nhất. Anh lớn lên mang cái mặc cảm...

– ... của một đứa con bị bạc đãi.

– Gần như vậy. Abdul bảo với em rằng khi anh sang Mỹ được rồi thì anh sẽ vận động cho em cũng được sang. Em sẽ học ngành điều dưỡng.

– Còn tình yêu?

– Tình yêu không nói ra lời nhưng mà em có thể đọc được trong mắt nhìn, trong giọng nói, nhất là trong mắt nhìn.

Từng cơn gió mát lùa vào phòng. Nước trên tàng cây me rơi lộp độp xuống mặt đất từng hồi mỗi khi có cơn gió mạnh ào tới. Liên già từ tôi và tôi lặng lẽ đưa nàng xuống sân.

Tôi lẩm nhẩm suy nghĩ:

Hãy an nghỉ, Abdul Rahim. Hãy ngủ yên giấc ngủ vĩnh cửu của anh. Cái thân tứ đại vốn là giả hợp, anh đã có lần nói với tôi như vậy và chắc là anh không tiếc. Liên nó đang nghĩ đến anh và nó đang yêu anh đó. Lúc sống, anh không dám hỏi và chắc là nó cũng không trả lời. Nhưng hôm nay anh không còn nữa và do đó nó đang lặng lẽ yêu anh.

MẸ GÀ CON VỊT

Có tiếng la ồn ào ở nhà sau, tiếp tới tiếng cửa đóng sầm và tiếng gà quang quác chạy ngoài sân.

Lại con gà mái đen gây tai hại, tôi vừa nghĩ vừa bước lại cửa sổ nhìn ra sân. Quả đúng là con gà mái đen đang te tái chạy, vừa chạy vừa la. Đến cạnh bụi măng cầu, nó đứng dừng, quay mặt lại rồi cục tác từng tràng dài như than thở, như phân trần, như chửi rủa người vừa rượt đuổi nó. Oang oang ở trong bếp là tiếng của

con Bốn, con nhỏ ở, cũng vừa chửi rửa vừa phân trần:

– Ngày nào cũng lên chun vô bếp. Lật ngã chai, đập bể chén. Bươi cái bếp tro tan tành hết. Chết cha rồi, ngã bể cái chai dầu rồi. Gà gù mà gà quỉ gà quái.

Hai bên, gà và người không ai chịu nghe ai, cứ tự do làm ồn phần mình.

Con gà mái này do một cô em ở nhà quê đem biếu. Cô em nói:

– Gà này thuộc loại gà quạ, ăn thịt mát lắm, bổ hơn gà trắng, gà nỏ. Ngày mai con Bốn làm thịt đi, chớ để lạ nước lạ gió nó bệnh đi, nó ốm đi.

Con gà bị cột chân bỏ nằm ở sán nhà sau ngảnh cổ nhìn tôi, nhấp nháy tròn mắt vàng hoe. Tội nghiệp, nó ngây thơ không biết gì về cái số phận mà người

chủ cũ của nó vừa phác họa cho nó. Một lưỡi dao cắt tiết. Một chảo nước sôi. Vặt lông. Mổ thịt. Xào nấu. Tôi thương hại, đặt một tay sờ lên mái lông mượt bóng của nó. Con gà “ứ ứ” vừa tránh lui. Tôi cười thầm: “Sắp chết rồi mà vẫn gắng giữ tiết hạnh”.

Theo đề nghị của cô em thì sáng hôm sau là ngày thi hành bản án tử hình con gà. Nhưng mới vừa bảnh mắt, một đứa con nhỏ của tôi, thằng Đức đã la lên.

– Ba ơi, có cái trứng gà ở đâu đây này.

Hai đứa con khác vội nhảy ra khỏi giường không kịp xỏ dép xỏ guốc chạy về phía có tiếng kêu. Dưới chân con gà quả có một cái trứng nằm đó, dính đất cát lem luốc. Con gà mái thì đứng thẳng người mắt nhìn láo liên. Chân nó bị buộc vào một đầu dây và đầu dây kia bị buộc

vào một gốc mạn.

Trang, con lớn của tôi thò tay khoèo cái trứng một cách rụt rè. Con gà “cục cục” khiến nó rụt tay trở lại, sợ bị mổ. Thằng Đức lại vỗ lên lưng gà, miệng an ủi:

– Đừng mổ, con. Chớ có dại. Để chị Trang lượm cái trứng của con.

Cái trứng được nhặt lên, đem nhúng vào thau nước, kỳ cọ một lát và được chuyển tay giữa ba đứa nhỏ. Con Ngân, con bé nhất nói:

– Đẹp quá hử anh Đức? Cái trứng trắng ghê.

– Màu hồng nhạt thế này là trứng gà so đây.

– Gà so là sao hử anh?

– Là con gà này đẻ lần đầu tiên đó.

Tiếng cô em ở nhà trên vọng xuống:

– Trứng gà so bổ lắm. Con gà này mới kêu ổ từ hôm kia. Ăn thịt vừa mềm.

Ba đứa nhỏ đưa mắt cho nhau, im lặng. Vẻ khó chịu. Thằng Đức nhúu đôi môi, ý chừng muốn bảo: “Cứ nói ăn thịt hoài”. Con Ngân không biết rụt rè vì nó nhỏ được tôi chiều hơn hết, nói ngay:

– Đừng ăn thịt nó nghe Ba?

Có Ngân mở đường, Đức tiếp lời:

– Để nó đẻ, Ba à. Ăn thịt nó tội nghiệp.

Con Bốn, con nhỏ ở chuyên môn nêu ra những sự khó khăn:

– Rồi chuồng đâu mà nhốt nó?

- Nhốt ở cái giỏ cũng được.
- Lúa đâu cho nó ăn?
- Nó ăn cơm không được sao?

Tôi để mặc cho ba đứa con và con Bốn đối đáp nhau. Tôi không trả lời, không giải quyết và như thế nghĩa là con gà khỏi bị giết.

Con gà hóa thành người bạn mới của ba đứa nhỏ. Buổi sáng đứa nào cũng tranh nhau ném ruột bánh mì cho gà. Buổi trưa, đứa thì ném cơm, đứa thì vắt rau cho gà mổ. Con gà cũng dạn dĩ với ba đứa. Khi nó đi bên chân Ngân mà Ngân ngồi xuống ôm nó thì nó đứng yên miệng “ứ ứ” khe khẽ như chỉ phản kháng lấy lệ. Thằng Đức bắt được một con dế dũi béo ngậy cầm giữa hai ngón tay miệng tức tức gọi nó thì nó vội chạy

lại rồi nhảy lên đớp ngay. Thấy con gà đã hóa hành bạn chơi của ba đứa con, tôi cũng lần lần thương nó. Ba đứa con của tôi cần một người túc trực ở nhà để chúng thương yêu. Tôi thì đi vắng luôn mà nếu có ở nhà thì chúng khó chơi đùa với tôi như với một người bạn nhỏ. Con gà mái hơn một con búp-bê nhiều. Con búp-bê chỉ im lặng và trẻ con phải bắt nó cảm xúc theo ý chúng. Đằng này con gà linh hoạt hơn, ngồi nhìn nó bối đất mổ sâu, chạy đuổi theo một con cào cào hay đi lượn thườn trong ánh nắng... lũ trẻ đã thấy vui. Những nỗi vui thay đổi luôn vì con gà có nhiều sáng kiến. Thật cần thiết để lũ trẻ khỏi sống những ngày bằng phẳng, vì thiếu một người mẹ thì cuộc sống trong gia đình không thể không bằng phẳng. Chính người mẹ bày ra cho có việc.

– ... Hôm nay ăn bún chả, nghe! Ngân lại ngồi với má tập lật rau. Này, những lá rau vàng vàng úa úa thế này phải vất đi đấy. Trang có thể tĩa ca-rốt củ cải để ngâm giấm đi. Nhanh lên.

– ... À mùa này có hột sen tươi đây, món tráng miệng sẽ là chè hột sen. Trang lo bóc vỏ này. Thằng Đức lấy cái tăm nhỏ mà đẩy cái ngòi sen đặng ra này. Ủ, có lẽ nên mua thêm một cái liễn to để đựng xà-lách. Lũ nhỏ đã lớn rồi nên chúng đã bắt đầu ăn to.

Những tiếng nói êm đềm ấy, cái cảnh mẹ con lằng xằng ấy, đã sáu năm nay không có. Riêng bé Ngân thì chưa bao giờ biết được cái cảnh má con lằng xằng nó ra thế nào. Vì khi má mất Ngân chỉ mới biết đứng nhìn. Sống với cha thật gần như sống trong một ký túc xá. Ăn, ngủ, học có giờ. Ngủ và học thì không

cần có sáng kiến và cũng chẳng thú gì mấy. Mọi sự thích thú quây quần xung quanh việc ăn mà Ba thì không nghĩ đến còn con Bốn thì vừa không có óc phát minh vừa không biết đề nghị. Tôi nghĩ tội nghiệp cho con mình. Những món ăn: sữa, ca-cao, chuối, trứng... quả tình không gây thêm thuồng bằng mít, xoài, ổi, mực khô... Nhưng những món này tùy mùa mới có và có ai theo dõi đâu mà biết? Có lần tôi đi làm thấy một người đàn bà bê trên tay một miếng mít vàng mật. Tôi mới chợt nhớ ra rằng hình như không biết đã mấy năm nay rồi, lũ con tôi chưa biết mít là gì. Trưa về tôi hỏi:

– Bốn này, sao không mua mít về cho em ăn?

Con Bốn trả lời tỉnh táo:

– Thấy không dặn con mà.

– Tao biết đâu mà dặn? Ra chợ thấy món gì ngon thì mua cho em ăn chớ tao đâu có ra chợ mà biết.

Con Bốn “dạ” và sau đó ngày nào nó cũng bắt lũ nhỏ ăn mít. Mấy lần tôi ngồi ở hiệu cắt tóc nhìn ra chợ. Bao nhiêu món ăn thay đổi mà chỉ ngồi ở nhà nghĩ tới, tôi chắc không thể kê ra được quá ba phần mười.

Con gà cứ tiếp tục đẻ và lũ trẻ cần mẫn lấy trứng đem cất chỉ để lại một trứng nơi ổ. Cứ đẻ xong một lứa, nghỉ vài mươi ngày nó lại đẻ lại. Nhưng tới một thời kỳ nào đó, nó cứ nhất quyết nằm trên ổ – với một cái trứng – mà không chịu bỏ ổ nhảy xuống. Trẻ con lại gần nó xù lông lên, miệng la lục cục. Con Ngân chạy vào báo cáo.

– Ba ơi, con gà cứ nằm hoài trên ổ, không chịu xuống.

Con Bốn “xì” lên một tiếng.

– Nó ấp mà cũng mệt với Ba.

– Ấp gì có một trứng mà cũng ấp, –
thằng Đức nói.

Tôi giảng cho nó:

– Con gà nó phản đối chúng mình.
Trứng nó đẻ mình lấy hết đi nên nó tỏ ý
không bằng lòng.

– Mình lấy luôn cái trứng cuối cùng
của nó đi xem nó ấp cái gì, – Trang đề
nghị.

– Dù không có trứng nào, nó vẫn ấp.
Đã bảo nó phản đối mà lại.

Con gà mái nằm trên ổ suốt ngày,

chỉ trưa nhảy xuống kiếm ăn một lát rồi lại lên nằm. Về mặt nó nghiêm trang pha một chút giận dỗi. Sự kiện mới này xáo trộn cuộc sống bình nhật của ba đứa con. Chúng nó thập thò đi lại đứng ở chuồng gà, lúc thì một đứa đơn chiếc, lúc thì cả ba. Khi có hai đứa hay ba đứa cùng đứng thì chúng chỉ trở và trao đổi ý kiến với nhau. Có lúc thì một đứa giảng giải, hai đứa lắng nghe, có lúc thì cả ba đứa tranh nhau nói mà chẳng đứa nào nghe cả. Riêng con gà thì cứ nhẩn nại nằm đó như một con mẹ nằm vạ. Một hôm sau thằng Đức hớn hở chạy vào méc với tôi như vừa khám phá ra một sự lạ:

– Chị Trang lấy mất cái trứng của con gà rồi.

– Để làm gì?

– Để cho con gà khỏi ấp nữa. Chị Trang nói: con gà nó ấp nó cứ nhịn đói hoài. Chị ôm nó lên thấy nó nhẹ bồng.

Tôi trả lời lơ đãng:

– Tùy ý. Nhưng theo kinh nghiệm thì con gà vẫn không bỏ ổ.

Quả đúng như vậy, con gà cứ nằm trên cái ổ trứng. Đưa tay lại gần, nó vẫn xù lông cổ ứ ứ như để bảo vệ một bề trứng của nó. Ôm nó ném bỏ xuống đất thì nó xù lông lên vừa đi chậm rãi vừa kêu cục cục. Đi một vòng, nó nhảy lên ổ nằm lại. “Thật là một trạng thái bệnh hoạn”, tôi nghĩ.

Sau đó, một hôm Trang đề nghị:

– Con có ý kiến này: mình mua trứng vịt lộn đem bỏ cho nó ấp.

– Được lắm. Con cứ thí nghiệm đi. Mua chừng bảy tám trứng thì vừa đủ cho nó, nhiều quá ấp không hết. Nếu có thất bại thì coi như bỏ ra vài chục bạc để mua một kinh nghiệm. Ngược lại, nếu thành công thì...

Tôi mỉm cười chưa nói tiếp thì Đức đã nhảy cẫng lên:

– Thì mình có một bầu vịt. Thích lắm, Ngân ơi.

Cái ý định mua trứng vịt lộn đem ấp được thực hiện nhưng cả nhà lo lắng không biết con gà có chấp nhận những cái trứng lạ không. Để tránh sự đột nhiên ngỡ ngàng, Trang đứng sau đuôi gà cầm một trứng vịt chùi nhẹ dưới bụng gà. Con gà ứ ứ nhích mình lên một chút rồi nằm im. Trang lại chùi vào một trứng thứ hai. Con gà lại ứ ứ lại nhích lên và

lại nằm xuống. Khi cái trứng thứ bảy đã chùi xong và con gà nằm yên, ba đứa con cứ đứng nấp sau bức sáo theo dõi từng cử chỉ của nó. Có một lúc nó nhảy ra khỏi ổ rồi đâm đầu chạy quanh sân, miệng kêu quang quác như bị ai đuổi đánh. Sau đó nó nằm xuống cát đập cánh vùng vẫy khiến bụi bay mù lên. Lúc nó trở dậy thì lông cánh mốc xì một lớp bụi. Nó xù lông vẫy tung một lát rồi mới lò dò đi lại tìm cơm nguội ở vại nước. Thấy con gà dường như bỏ quên bẻ trứng, thằng Đức nóng ruột chạy lại ôm nó bỏ lên chuồng. Nhưng nó chỉ đứng chớ không chịu nằm, Đức lại phải lấy tay ấn nơi lưng bắt nó nằm xuống. Con gà nhẩn nại nghe lời nhưng mặt mày ngó láo liên như chuẩn bị để bỏ chạy nữa. Tuy vậy, qua phút bắt buộc ấy, con gà trở lại say mê trong việc ấp. Lũ nhỏ tỏ ra yên tâm mỗi khi đi học về nhìn ra chuồng gà thấy nó cần mẫn

nằm trên ổ. Để thưởng công cho nó, – có lẽ để cho nó khỏi bỏ đi ăn rồi quên về chuồng, – Trang đem một lon gạo một lon nước để cạnh, vừa tầm cho mỏ mổ. Thật là chu đáo.

Chừng mười ngày sau bỗng một hôm có tiếng thằng Đức la lớn từ chuồng gà:

– Có tiếng chít chít ở chuồng gà Ngân ơi. Con vịt nở rồi. Ra xem, mau.

Trang và Ngân lật đật nhảy xổ ra. Con gà lúng túng trước sự hiện diện ồn ào của ba đứa nhỏ và trong khi nhích mình lên đã để lộ một cặp nhân nhỏ xíu. Đúng là con vịt con rồi. Ngân vội vàng thò tay vào rờ cái chân bé xíu thì bị con gà mẹ mổ cho một cái, vội rút tay lại. Trang lấy một que nhỏ đẩy vào mình gà khiến nó né tránh và để lộ thân hình một con vịt con màu vàng hoe. Ô! Con vịt ngây thơ

nhìn ngơ ngác xung quanh với đôi con mắt tròn đen nháy. Nó sợ ánh sáng, vội núp dưới cánh gà mẹ. Cái mỏ nhỏ màu hồng nhạt ria rĩa vào lông cánh rồi rĩa cả vào mặt gà mẹ. Gà mẹ nheo nheo con mắt như để tránh đứa con nghịch ngợm. Mà quả nó nghịch ngợm thật. Vì chừng nửa ngày sau là nó đã bạo dạn bước ra khỏi ổ khiến gà mẹ cứ cúc cúc gọi chừng không cho nó đi xa. Cái mỏ tí xiu bạ chỗ nào cũng rĩa, rĩa vào cái mào, rĩa vào cái tích, rĩa vào cái mỏ sắc của mẹ nữa. Lũ nhỏ thật khiếp hãi khi nghĩ rằng cái mỏ kia mà nổi giận lên mổ mạnh một cái là đi đời con vịt con đại đột.

Qua hôm sau nở thêm hai con vịt con nữa, một con lông vàng một con nâu đen! Lũ nhỏ vội vàng chia của.

– Con vịt Cả phần tao – Trang nói.

– Em lãnh con vịt Hai lông vàng, Đức nổi lời.

Ngân phụng phịu:

– Em không chịu con vịt lông đen nâu. Vịt đen xấu lắm. Em lãnh con vịt lông vàng của anh.

– Mà là em thì mày phải lãnh con vịt em chứ, – Đức nói.

– Nhưng con vịt em xấu lắm, em không chịu.

Trang phân giải:

– Thôi Ngân nhận con “em” đen đi. Rồi nếu mai nó nở một con nữa thì bù cho Ngân.

Ngân biết không cãi lại được vì anh chị đã ngầm về hòa với nhau rồi. Ngân

đành phụng phịu nhận lấy, vẻ mặt không vui.

Hôm sau nở thêm một con nữa. Con này yếu quá đứng không muốn vững nên cứ nằm cả ngày. Màu lông vàng sẫm.

Đức quên cả lời hứa hôm qua, đề nghị liền:

– Con vịt này để phần cho Ba.

Ngân cãi:

– Hôm qua anh với chị Trang nói rằng con này phần của em mà.

Đức nghiêm sắc mặt, rầy ngay:

– Nhưng mày một mình mà tới hai con. Còn Ba chưa có con nào. Sao mày tham vậy?

– Tại hôm qua anh hứa với em rồi.

– Hứa cái gì. Tao nói chơi thôi. Bộ mày không cho Ba hả? Tiền của Ba mua trứng chớ tiền của mày à?

Ngân nghĩ: Người lớn nói gì cũng có lý, kể cả anh Đức hơn mình chỉ ba tuổi. Nhưng thôi, con vịt út vừa yếu vừa xấu xí để cho Ba cũng được. Vả lại Ba lãnh một con vịt xấu như mình cho mình có bạn.

Qua hôm sau, con gà bỏ ổ đứng dậy. Bốn con vịt con lao nhao sợ hãi miệng kêu chirp chirp. Đức bế gà mẹ bỏ xuống đất và lần lượt lừa bốn con vịt vào giữa kẹt ngón tay mà bỏ xuống theo. Gà mẹ đồng dục bước đi, miệng kêu túc túc. Bốn con vịt đi theo, chirp chirp luôn mồm. Bước gà mẹ quá dài khiến vịt con phải chạy theo mới kịp. Nhưng vì chưa biết chạy ra làm sao, chúng cứ nhảy chơi chơi. Gà mẹ đóng vai một cách tự nhiên gập chỗ nào

nó cũng đứng lại bơi. Đôi chân vạm vỡ hất tung từng búng rác, hất tung cát đất lên phủ đầy mình bốn con vịt con ngơ ngác. Bơi một lát gặp một miếng mồi, nó túc vịt con lại nhưng vịt không nghe tiếng gà nên chúng cứ đứng ngẩn ngơ và không ngớt mồm kêu. Sợ chúng đói, mấy đứa nhỏ lấy ruột bánh mì xé nhỏ ra cho chúng ăn. Tuy vậy, chừng hai ngày thì vịt đã quen tiếng mẹ và đi đứng đã có chiều nhanh nhẹn vạm vỡ. Đôi chân nhỏ hoạt động không ngớt. Cái mỏ màu nâu đen mềm và mượt bạ chỗ nào cũng rĩa. Cái thân hình mang lông tơ nõn, nhẹ tưởng chừng một cơn gió mạnh có thể thổi bay đi cũng hoạt động quẩn quít theo bước chân và cái mỏ.

Trông con vịt con bằng nhặng liu tiu hơn con gà con nhiều. Gà con tuy cũng hoạt động nhưng dường như cử chỉ của

chúng một tính toán chừng mực hơn. Cũng chạy, cũng bơi đất vắn vờ nhưng không đến nổi đuối nhò đoảng như vịt con. Nhất là khi vịt lớn chừng một tuần thì quả tình vịt giống như một lũ mất trí. Chúng bắt chước nhau một cách khờ khạo. Con đi đâu chọc mỏ vào cái chậu nước rồi bỏ đi thì ba con đi sau cũng lần lượt chọc mỏ vào chậu nước rồi bỏ đi. Con đi đâu đi vòng quanh qua gốc chòm ruột rẽ sang vại nước, rửa xuống vũng cát ướt rồi chạy lại mẹ thì ba con sau cũng làm theo đúng từng cử chỉ nhỏ ấy. Dường như chúng rất vui thú trong sự bắt chước nhau làm những việc vô ích đó.

Buổi trưa khi gà mẹ nằm dưới gốc cây nghỉ là bốn con vịt con cũng hạ mình nằm xuống kê mẹ. Dáng nằm không gọn gàng tí nào hết, chỉ vì cái mình quá dài và đôi chân quá ngắn. Lúc nào cũng như

chực ngã chúi xuống. Cái đuôi thì ngoắt lia lịa. Có lẽ chúng không biết mệt là gì. Nằm xuống là vì bắt chước theo thói chớ nằm nào có yên. Hết quay qua đến xoay lại, rồi nhích tới một chút, rồi ì ạch ngồi dậy, rồi kênh càng nằm xuống. Gà mẹ làm như đã có nhiều kinh nghiệm nuôi con nên không để ý đến những sự lộn xộn đó. Nó gục đầu nhắm mắt một cách bình tĩnh. Chỉ khi nào gió xao động mạnh lá cây hay có một tiếng kêu to ở đâu quanh đó là nó chột mở mắt ra và tức tức gọi con. Tức thì bốn con vịt lóp chíp nhặng lên và lúu tít đứng dậy chạy lại nằm gần mẹ hơn. Chúng có vẻ mong đợi lời kêu gọi ân cần đó. Khi mẹ đứng dậy bước đi thì chúng vội vã gọi nhau đứng dậy liền. Rồi chạy rồi tĩa. Thực tế thì đó chỉ là những trò chơi thôi vì chẳng có gì ăn trong một cái chậu nước quá trong,

thế mà con nào cũng rúc mỏ vào rửa mãi không thấy chán. Thỉnh thoảng một con ngửa tay chân đứng uốn người đập cánh. Trông đôi cánh bé mà tội nghiệp. Chỉ to bằng hai cái lá con và dễ thương cũng chỉ dày như thế. Đập cánh nhiều nhất là khi cho các cậu vào tắm trong một thau nước lớn. Thôi thì đua nhau mà vục đầu xuống, rồi dùng mỏ mà quay lại rửa vào lông lưng lông nách, còn đôi chân, – những đôi chân màu hồng hay màu đen muốt – thì xòe ra đằng sau để quạt nước mà bơi tới. Nước vung tung tóe xung quanh và mồm riu ra riu rít. Thật đúng là những đứa bé năm, sáu, tuổi nghịch nước.

Tối lại, bốn con tranh nhau nấp dưới cánh mẹ. Thật chẳng yên với lũ nhỏ láu táu này. Nằm kín trong đôi cánh mà chốc chốc vẫn nghe tiếng líp chíp như còn nói

chuyện hay đùa nhau hay cãi nhau trong đó.

Một hôm thằng Đức lừa con gà mẹ và bốn con vịt con đi ngao du ở trước sân. Ra đến cổng thì chợt có một lũ trẻ con đi ngang qua. Một đứa đứng dừng lại, vừa chỉ trỏ vừa gọi to lên:

– A! Mẹ gà con vịt. Lại xem tụi bay ơi! Mẹ gà con vịt.

Cả bọn đứng lại, đi trở lui, nhìn vào sân. Một đứa trông lớn tuổi hơn hết trong bọn hát lên rằng:

Mẹ gà con vịt chít chiu
Mấy đời dì ghẻ nâng niu con chồng

Mấy đứa khác vỗ tay reo và hát theo.

Đức lộ vẻ khó chịu đóng sầm cửa ngõ lại. Rồi lừa bảy vịt ra vườn sau.

Từ ngày đó, câu hát “Mẹ gà con vịt chít chiu” trở lại luôn. Những người hàng xóm, những người đến chơi nhà hễ thấy gà mẹ dẫn bảy vịt con đi ăn là lại đọc lên:

Mẹ gà con vịt chít chiu
Mấy đời dì ghẻ nâng niu con chồng

Chừng một tháng sau thì chen vào lông tơ nõn đã có những cuống lông ống mọc so le ở hai cánh và ở đuôi. Màu lông này nhạt hơn. Rồi sau đó những chòm lông mái xuất hiện ở cổ, rải rác ở lưng. Bốn con vịt đáng bụi bặm nhưng mình vẫn dài lê nguê như những đứa trẻ 14, 15 tuổi bắt đầu lớn. Đi giữa bốn vịt con, gà mẹ thật chẳng khác một người đàn bà nhỏ người, chững chàng đi giữa một bảy con tuy cao lớn hơn mình nhưng vẫn còn ngờ nghệch trong nét mặt và cử chỉ.

Chợt một hôm có tiếng con Bốn lại

la lên ở nhà sau. Và tiếp theo là tiếng rủa sả:

– Lại đập phá đồ đạc nữa! Con gà quí.

Rồi tiếng cửa đóng sầm lại và tiếng gà mẹ cục tác. Con gà mẹ lại lo tìm ổ. Nó sục sạo khắp cả nhà dưới nhà trên. Bầy vịt con ngơ ngác chạy theo mẹ, bơ vơ lạc lõng. Mỗi khi gà mẹ bay lên đứng ở mặt bàn, đứng ở chân giường, mắt đảo dáo tìm một chỗ cao hơn để bay lên nữa thì bầy vịt đứng ở dưới đất líu kiu gọi mẹ, hiếng mắt nhìn và chạy vòng quanh. Khi gà mẹ nhảy xuống đất thì chúng mừng rỡ chạy ủa lại sấn vào chân mẹ. Nhưng gà mẹ mỗ cho một cái và chúng hoảng vía vừa xô nhau chạy trốn vừa té lăn kênh vừa cất tiếng la. Sau nhiều lần bị mỗ như vậy, bốn con vịt con không còn dám líu ríu đi sát theo chân mẹ nữa. Tuy vậy mẹ

đi đâu chúng vẫn sắp hàng chạy theo và lúc nào cũng giữ một khoảng cách vừa phải để mẹ có sẵn lại mồi thì chúng kịp quay mình chạy trốn.

Buổi tối, gà mẹ nhảy lên nằm một mình ở chuồng cao. Bốn con đi vòng quanh dưới đất cất tiếng gọi mẹ nhưng vô hiệu. Cuối cùng, chúng nằm rúc vào nhau để ngủ. Thật tội nghiệp khi nhìn bốn đứa mình nằm kề nhau, con này áp ngực lên con kia, con kia rúc đầu vào cánh con nọ. Một cơn gió thổi qua là chúng xô đẩy vào nhau mạnh con nào con nấy xô, chân đạp vào lưng, mỏ rĩa vào hông, cả cái khối bất ổn đó di chuyển xáo trộn, ngã lăn ra. Rồi lại sắp xếp lại, lộn xộn bất ổn như cũ. Những tiếng kêu líu kiu nhỏ, khàn khàn thỉnh thoảng phát ra. Ngủ yên chừng hai phút thì chợt có một con líu kiu nhỏ trong mồm rồi những

con khác cũng lú lú kúu họa theo, thật y như tiếng khóc thút thít của những đứa trẻ khóc giữa giấc mơ.

Có đêm gà mẹ không leo lên chuồng nằm mà nằm ngay dưới đất. Túc thì bốn con vịt nằm vây quần xung quanh. Để gà mẹ không chú ý đến sự hiện diện của chúng, chúng đi thật nhẹ và cẩn thận hạ mình cách mẹ chừng bốn tấc. Đuôi xếp về phía mẹ và đầu quay ra ngoài. Chừng như được yên tâm, giấc ngủ của chúng đỡ chập chờn hơn. Mỗi khi giật mình choàng dậy chúng sửa đổi thế nằm thì bao giờ chúng cũng cố nhích vào gần mẹ hơn một chút.

Ngày đầu khi gà mẹ mổ con, thằng Đức vừa quát vừa chạy đi tìm roi đánh:

– A! Con gà điên! Sao mày mổ con?

Tìm không ra cái roi, nó rượt con gà chạy quanh sân.

Tôi đứng nhìn bốn con vịt nghênh cổ nhìn nhau la và con gà mẹ ba chân bốn cẳng chạy trước mặt Đức. Tôi gọi con lại:

- Thôi đừng rượt nó nữa.
- Nó cắn vịt con Ba à.
- Ba biết rồi.
- Phải đánh cho nó một trận.
- Đánh vô ích. Nó lẻ con ra để đẻ mà.
- Nhưng sao lại mổ mấy con vịt?
- Nếu không mổ, lũ con nó sấn lại thì đẻ sao được? Không phải nó ghét vịt con đâu mà dù cho con rượt nó nữa, nó cũng phải mổ. Nó không dùng lời nói để

giảng giải được, nó không có bàn tay dịu dàng để vỗ về con được mà nó chỉ có cái mỏ. Đó không phải là lỗi của nó.

Không trừng phạt được con gà, lũ nhỏ chăm chút đàn vịt con. Đi học về là ba đứa bế vịt lên tay, áp mặt vịt vào má mình như khi nựng một em bé người ta áp mặt nó vào má mình vậy. Con Trang lo đập ruồi và bốn con vịt lúc thúc đi theo sau để mổ. Con Ngân cầm dao xới vũng cát xung quanh vại nước để tìm trùn. Bốn con vịt chạy lao xao để tìm mồi ngay khi lưỡi dao chưa rút kịp ra khỏi mặt cát. Thằng Đức thì bị con Bốn la luôn vì tội xốc tung những bó rau muống để lựa những cọng non đem xắt cho vịt ăn. Rồi đứa thì lo múc nước tắm vịt, đứa thì đem xới cơm cho vịt, rốt cuộc bốn con vịt được săn sóc như bốn đứa trẻ mồ côi. Ngược lại, bốn con vịt cũng quen với lũ

nhỏ hết sức. Hễ lũ nhỏ đi đâu ra vại nước ra sân sau là bốn con vịt đi theo bén gót. Thử ngồi xuống lấy tay nghịch cát là bốn con đã vội chạy lại để hy vọng mổ trùn. Thỉnh thoảng nghe tiếng vịt hàng xóm kêu inh ỏi, bốn con vịt te tái chạy sang nhưng nghe tiếng chân con Trang chạy đuổi theo vừa cất tiếng to “A! Lén trốn chạy đó nghe” tức thì bốn con chạy quanh về và thế nào con vịt trắng của nó cũng nằm xuống sát đất đợi nó bế lên. Bốn con vịt và lũ nhỏ đã thành những người bạn thân thiết. Bây giờ chúng đã thay lông hoàn toàn nên trông đẹp đẽ hơn trước nhiều. Hai con lông trắng phau, một con hạt dầu và một con đen. Chúng trở nên những con vịt thành niên hồi nào, lũ nhỏ cũng quên để ý nữa. Đến hồi để ý trông lại thì mới thấy là chúng đã không còn bé bỏng nữa. Thỉnh thoảng giữa trưa khi đã tắm mát, chúng vươn

rộng đôi cánh đập phành phạch miệng la quang quác. Con vịt đen không ồn ào hùng biện bằng ba con kia. Con Bốn có kinh nghiệm phân biệt cho lũ nhỏ biết rằng đó là con vịt đực. Không đứa nào tỏ ra mến con vịt đực cả vì lông đen xấu xí mà lại lòi xòi không mượt láng.

Trong khi đó, gà mẹ lại lên ổ ấp và lần này cũng lại phải ấp một mớ trứng vịt. Nhưng ngày nở chỉ có một con vịt con nở ra mà thôi. Khi xuống ổ, hai mẹ con lúc thúc đi cạnh nhau. Sự săn sóc có phần cẩn thận hơn, nhưng con vịt con quả tình trở trời hết sức. Không có anh chị em cùng lứa nó thiếu hẳn những thú vui ngây thơ. Nó kém hoạt động hẳn, đi bên cạnh một bà mẹ cẩn mẫn đảm đang nhưng nghiêm trang. Đã thế nó lại còn bị con vịt đực đen ăn hiếp nữa. Lừa lúc gà mẹ đi xa, con vịt đực chạy đâm bổ lại

để mổ nó. Nó la lít chít vừa tìm đường chạy trốn. Gà mẹ nghe tiếng la vội xù lông chạy đến và chú vịt đực vội vĩa tháo lui. Có lúc thì lũ trẻ con hay con Bốn phải chạy đến can thiệp để đuổi chú vịt đực. Thành ra cả ngày cứ thỉnh thoảng nghe tiếng vịt con la, tiếng chân lũ nhỏ chạy rầm rập và tiếng quát tháo:

– Ủi, ùi! Con vịt quí.

– Ê! Con vịt anh ăn hiếp. Đánh chết! Đánh chết!

Không có đứa nào dành phần con vịt này cả nên nó lớn như thế nào, chẳng mấy ai để ý. Cứ tuần tự theo ngày tháng, nó thay lông để biến thành một chú vịt thanh niên. Nó không có bạn chỉ biết có mẹ. Nên đến tuần mẹ lên ổ nằm, nó cất tiếng kêu thảm đạm và đi quanh quẩn dưới chân chuồng. Nó ngược mặt nhìn

mẹ nằm trên ổ, miệng kêu, vừa tìm đường leo lên nhưng không được. Khi kêu chán, nó nằm dưới chân chuồng. Động nghe tiếng mẹ cựa mình ở trên là nó vội đứng dậy, miệng líp chíp kêu tưởng như mẹ sắp xuống cùng mình. Khi mẹ xuống thật thì lòng mừng của nó biểu lộ vội vã quẩn quít. Nó cạp cạp luôn mồm vẩy đuôi lia lịa và chìa mỏ lại gần mẹ. Con gà mẹ chừng cũng thương hại nó hơn mấy đứa trước nên không hề mổ mà trái lại, hai mẹ con sóng bước cùng đi tìm mồi. Nhưng những giây phút êm đềm ấy, nó hưởng không được nhiều. Khi gà mẹ ấp lại thì nó gần như bỏ ăn, cứ đi lảng vảng quanh chân chuồng hoặc nằm đó chờ đợi. Nếu buồn chân muốn đi đó đây một chút, hoặc ra vại nước kiếm cái ăn, hoặc ra sân trước thở thần dưới gốc trứng cá, gốc vú sữa thì nó lại phải dòm chừng con vịt đục hung tợn. Khổ

nhất cho nó là khi đi quanh góc tường, chợt bước trở tới thấy ngay con vịt đục ở trước mũi, phải vội chạy ngược lại, có khi vội quá phải ngã lăn ra đất. Những lúc ấy trông nó thật là cô độc, thiếu thốn.

Con gà mẹ lần này được ấp chính trứng của nó đẻ. Không phải do một lý luận nhân ái nào của lũ nhỏ mà chỉ do ở tính lười của chúng. Lười hốt trứng, lười mua trứng vịt, rốt cuộc chúng để trứng, mặc kệ cho gà. Kết quả là chín con gà con nở ra, đa số màu lông đen như mẹ. Khi gà mẹ dẫn bảy gà con đi thì chú vịt tháp tùng theo. Bây giờ thì chú đã lớn hẳn rồi, đầu lông ô đen nháy và bụng xệ đi núc ních. Chú chậm chạp bước sau bảy gà con. Thỉnh thoảng chú đi lại gần gà mẹ miệng lạp cạp như có chuyện gì báo cáo cho mẹ nghe. Tối lại, nhốt gà mẹ trong một cái giỏ thì chú nằm sát bên giỏ. Rồi

sáng ra khi bấy gà hớn hở đi chải đất tìm mồi thì chú lại nặng nề đi sát theo hộ vệ. Hễ gà mẹ gặp tai nạn gì cất tiếng la lên là chú xông tới. Những tai nạn thường do con chó Tô gây ra. Nguyên nhân hầu hết là giành ăn. Gà mẹ sợ con Tô nhưng chú vịt lại coi thường. Ăn hiếp Tô được đôi lần, chú vịt tỏ ra dễ người. Có lần Tô đang nằm hờ hênh ngủ, chú vịt đi qua rĩa mỏ vào bụng Tô rúc mấy cái khiến Tô hoảng hốt đứng vụt dậy. Lắm lúc vịt ta dám lấy mỏ rĩa vào ngay mặt Tô khiến Tô phải lảng bỏ đi xa. Không biết đó là do tính can đảm thiên phú hay là do tính đại dột không biết người biết ta. May thay con Tô đã có tuổi, bắt đầu trầm tư nên lười biếng không thèm chấp nhất. Ai quấy rầy thì nó bỏ đi. Chỉ có miếng ăn mới cần phải, đôi khi, tranh giành mà thôi.

Một hôm, Ngân chợt hỏi tôi:

– Con gà mẹ là dì ghẻ của con vịt hờ Ba?

– Không phải. Nó là mẹ nuôi con vịt.

– Thế má con vịt đâu?

– Má nó ấp không được nên mình phải nhờ con gà ấp.

– Sao dì ghẻ lại không nâng niu con chồng hờ Ba?

– Ai bảo con vậy?

– Lũ trẻ nó hát đó.

Mẹ gà con vịt chít chiu

Mấy đời dì ghẻ nâng niu con chồng

– À, đó là vì người đặt ra câu ca dao không nhìn rõ một con gà mẹ nuôi bấy

vịt con. Sự âu yếm chăm sóc của nó đâu có kém khi nó chăm sóc chính con nó? Một con vịt chạy ra xa là nó đã vội tức tức gọi về. Ai bắt con vịt lên tay là nó vội chạy tới quang quác cái mồm ra la, xòe rộng hai cánh, xù lông lên và nhào tới đá liền. Con gà coi bầy vịt đều là con nó, không phân biệt rằng chúng có giống hay khác nó như thế nào.

– Câu hát nói rằng người dì ghẻ không thương con chồng.

– Đó là chuyện đời xưa. Đời xưa có những người đàn bà độc ác không thương lũ trẻ con.

– Đời bây giờ cũng vậy. Bác xích lô chở con đi học hay nói với con như vậy.

Tôi nhìn con gần hơn vừa ôn tồn hỏi:

– Bác ấy nói thế nào?

– Bác ấy bảo nay mai con sẽ có dì ghẻ và dì ghẻ đánh con.

– Không có đâu. Ai lại nỡ đánh con. Con ngoan và học giỏi mà.

– Nhưng mà...

Ngân ngừng nói, cầm bàn tay tôi áp vào má.

– ... Nhưng mà... Ba đừng cười dì ghẻ nghe Ba?

Tôi mỉm cười gật đầu.

Chợt tôi nhìn ra xa mông lung suy nghĩ.

Chiều hôm qua tôi vừa nhận được bức thư của Diễm trong đó có đoạn nàng viết: "... Em nghĩ rằng em sẽ thương yêu ba đứa con của anh như con của chính em vậy. Đã yêu anh, em không thấy có sự

hy sinh nào là quá sức của em hết. Vả lại, có gì đâu mà gọi là hy sinh?...

Ngân lay tay tôi:

– Ba nhớ nghe?

Tôi thần thờ cầm tay con, gật đầu mà không trả lời.

LỄ CÚNG TRƯỜNG

Đố tụi bay còn mấy ngày nữa tới Tết?

Nhiều đứa nhao lên:

– Còn một tháng mười hai ngày.

Sanh gặt đầu:

– Giỏi.

Rồi nó nói tiếp, giọng hơi tự đắc:

– Sao tụi bay cũng biết hả? Ở nhà má

tao mới đi Tuy Hòa mua hồng, nho, táo, chà là về bán Tết. Má tao cho mấy trái táo đem theo đây.

Nó vừa nói vừa thò tay vào túi lấy ra hai quả táo. quả táo vỏ đen nhánh, răn reo. Nó để vào giữa răng cắn một miếng lớn, sát ngay hột. Lũ bạn nhìn theo nửa trái táo còn lại trên tay nó. Dấu răng còn in rõ vào thịt táo nhuyễn. Thằng Chử thằng Tộc ý chừng chưa hề biết quả táo là trái gì, cứ nhìn chòng chọc vào nửa trái táo còn lại. Năm sáu đứa bạn đứng bao quanh. Những vết nhăn làm nhúu đôi chân mày và những cái miệng mở trễ tràng. Vài đứa nhìn vào cái mồm nhai của thằng Sanh, có lẽ là để xem thử nhai một quả táo Tàu thì có khác với việc nhai một món ăn thông thường không, như nhai một củ sắn nước chẳng hạn. Thằng Chơn đi nhanh hơn, nhìn ngay chỗ yết

hầu của thằng Sanh để đợi xem thằng này nuốt xuống.

Thằng Số và thằng Lờ, quê mùa và thô lỗ hơn hết, nắm ngay bàn tay đang cầm nửa trái táo của thằng Sanh đưa lại gần mắt để xem cho thật kỹ.

Nuốt miếng táo xong, Sanh nói tiếp:

– Má tao nói Tết này má tao đi Tết thấy một cân nho.

Những vè mặt tò mò lúc nãy lần lần trở nên nghiêm nghị. Tết thấy là một mối băn khoăn, nhất là đối với những đứa ng-hèo. Thằng Tộc nhớ lại rằng năm ngoái cha nó quảy từ Đồng Tre xuống một buồng chuối mốc để tết thầy. Một buồng chuối thì nghĩa lý gì so với cân nho, nó nghĩ thế. Thằng Chơn nhớ đến con gà cồ nó ẵm đi theo cha đến tết thầy hôm

27 Tết. Nó không biết một cân nho giá đắt gấp mấy con gà cồ, nhưng nó đoán là đắt lắm vì từ thuở giờ nó chưa thấy trái nho ra thế nào. Có lẽ thằng Chũ xấu hổ hơn cả vì mẹ nó chỉ tết thầy có hai trái dưa leo và một củ khoai mài, mặc dù đó là hai trái dưa sồn sớ nhất mẹ nó đã để dành phần tết thầy từ nửa tháng trước, cấm ngặt không cho ai được hái. Vài đứa bạn im lặng đứng lảng ra. Có lẽ đó là những đứa mà cha mẹ đã quên tết thầy.

Tiếng thằng Sanh hỏi một đứa bạn:

- Mày tết thầy cái gì?
- Một gia. nếp.
- Còn mày?
- Chưa biết. Chắc bốn gói trà “chũ mực” như mọi năm.

– Còn mày...

Tiếng guốc lộp cộp ở bậc thêm đi lên. Thầy giáo tới. Lũ trẻ chạy ùa ra sân sau, tán lạn như một bầy chim sẻ.

*

Khi tiếng trống bãi trường chậm rãi xỏ, khi đã đi hết lần dốc xuống đường, bé Trung xóa bỏ trong óc những con số của bài tính đồ vừa làm để vấn vương vì cái tin Tết nhất anh em đã trao đổi cho nhau lúc nãy, trước giờ vào lớp. Tết đến, đó là một cái thú, say sưa lạ lùng hơn mọi thú khác vì lâu lắm mới gặp lại được một lần. Năm nay Trung lên mười một tuổi. Soát lại trong óc, hình như nó chỉ có kỷ niệm của ba, bốn cái Tết là cùng. Trước đó, nó lớn như thế nào, nó đã ăn Tết như thế nào, nó không hề biết. Ôi! Ngày Tết!

Ngày Tết bắt đầu từ phiên chợ hôm 21 tháng Chạp, phiên chợ họp ở gần nhà nó. Những gánh hàng đều nặng trĩu, làm còng lưng những người đàn ông vạm vỡ. Tiếng người đi chợ nói chuyện, vang vang trong khi đêm chưa hết, trời còn tối đen. Không biết lúc ấy là mấy giờ, nhưng chắc là còn khuya lắm vì tiếng gà lãnh lót gọi nhau, trả lời nhau, nhíp nhàng thứ tự từ xóm trên đến xóm dưới. Ngày Tết, đó là những mâm cỗ cúng ăn không hết, những cuộc đi thăm bà con ở xa, xa mãi sau những dãy núi xanh cao. Ngày Tết... Dòng tư tưởng của bé Trung đến đây đứt quãng vì tiếng chân lộp độp của bầy trâu đi đằng trước đi lại. Trung đứng nép sang bờ cây chim chim để nhường chỗ cho trâu đi. Ba con trâu lớn, mình phủ một lượt bùn ướt lóng lánh, vừa nặng nề bước vừa quơ qua quơ lại đôi sừng cong kênh càng. Tiếng chân đập xuống

mặt đường chằm rãi đều đặn. Đuôi cũng chằm rãi đều đặn đập hết sườn bên phải đến sang sườn bên trái, đuổi những đám ruồi muỗi bay vo vọ Trung đưa mắt nhìn xuống nền lá chim chim, thấy bới bết những vết bùn khô trắng. Đó là những đoạn lầy. Thoang thoang nghe bốc lên mùi khen khét đặc biệt của bùn trâu. Cả cái con đường làng, đều mang dấu vết của những bầy trâu qua lại hàng ngày. Sự chậm chạp nhẩn nại và kham khổ của bầy trâu thật đã mâu thuẫn hết sức với những ý nghĩ êm đềm về Tết nhất của Trung. Nhưng nó lại cũng đồng thời khơi động nỗi băn khoăn đã nằm nép trong óc Trung từ sáng: đó là việc đi tết thầy. Năm ngoái, cha Trung đi tết thầy một đồng bạc. Cha thằng Tài đi tết đến hai đồng. Trung xấu hổ sợ thầy khinh và lo lắng sợ thầy ghét. Nó về nhà than phiền với cha:

– Sao cha đi tết thầy có một đồng?

Cha nó trả lời chậm chạp theo thói quen:

– Một đồng chớ bấy nhiêu nữa?

– Một đồng ít quá.

– Mà còn muốn bao nhiêu? Một đồng là hai gia. lúa rồi.

– Nhưng cha thằng Tài đi tết tới hai đồng.

– Nhà nó bán hàng xén nhiều tiền, bì sao được? Thầy giáo đã ăn lương của nhà nước rồi chớ đâu phải giống như hồi xưa mà phải đi tết nhiều?

Thế là nó đuối lý mặc dù nó thấy là đi tết hai đồng phải hơn. Đặt vào địa vị cha nó, nó sẽ đi tết thầy hai đồng. Nhưng nó không dám nói mà chỉ len lén nhìn

sang vẻ mặt cha đang dăm chiêu.

Nghĩ đến vẻ mặt dăm chiêu của cha, Trung lo trước rằng năm nay việc tết thầy sẽ còn làm cho nó đau khổ. Nó sẽ còn ngấm đem mình so sánh với thằng Tài và thấy mình thua thằng Tài một cách hết sức vô lý và bất công vì nó học giỏi hơn thằng Tài nhiều lắm. Những giờ Toán, giờ Luận, thầy giáo không ngớt lời khen nó, nhưng mỗi lần nghỉ Tết xong, sự học tập tiếp tục trở lại, nó cảm thấy như thầy giáo thờ ơ với nó trong khoảng hai tuần. Sự suy nghĩ này làm nó giận cha, ngấm oán trách cha nữa. Phải sau này, khi lớn lên nó mới biết tại sao cha nó lại thờ ơ trong việc đi tết thầy như thế. Số là hồi còn trẻ cha nó cũng được cho đi học như thầy giáo Hiền, thầy dạy nó bây giờ. Suốt cả phủ Tuy An chỉ có một trường phủ là dạy chữ Quốc ngữ mà chỉ dạy một lớp vì

không đủ thầy. Ở khắp các xã các tổng, thầy đồ vẫn y như ngàn năm trước, cao giọng giảng đạo thánh hiền. Sau một năm học ở trường Phủ, lên lớp, cha nó ra học trường Tỉnh ở Sông Cầu. Sông Cầu là tỉnh lỵ, những thú tiêu khiển như hát bội, những đám đình đám lớn như làm chay được tổ chức thường xuyên và có qui mô hấp dẫn đã lôi cuốn cha nó khiến ông bỏ bê học hành. Nhiều lần khuyên răn vô hiệu quả, ông nội không cho học nữa bắt cha nó về làm nghề và cưới vợ. Có lẽ sự cưới vợ sớm đã an ủi cha nó, bù vào sự học hành dở dang. Nhưng đến chừng nó đến tuổi đi học mà thầy giáo nó lại nhằm vào người bạn học hồi xưa thì hình như cha nó không được vui. Dĩ vãng bị khuấy trộn, sự thất bại của tuổi thanh xuân được nhắc đến thường xuyên, công việc làm ăn lam lũ so với nghề thầy giáo thông thả và danh

giá khiến cha nó không có thiện cảm với thầy giáo mấy. Sự coi thường những lễ tết thầy cho con, đó là một cách trả thù nhẹ nhàng và vô hại.

Tối hôm đó, dưới ngọn đèn dầu, bé Trung ngồi ê a học bài Cách Trí. Đôi mắt nhìn ra sân, chọc thủng vào bóng đen dày đặc bao trùm khu vườn chuối trước nhà, đôi chân đu đưa dưới gầm bàn, miệng nó lặp lại như một cái máy: «... Bộ máy tuần hoàn gồm có tim, phát huyết quản và hồi huyết quản... gồm có tim, phát huyết quản và hồi huyết quản... gồm có tim phát huyết quản gồm có tim phát huyết quản... » Tụng lảm nhảm một lát, sức nhớ lại nó không biết là mình đã nói gì. Câu thuộc lòng đứt đầu đứt đuôi. Nhìn xuống trang sách, những hàng chữ song song làm nó thấy mỗi mội và sao hôm nay chữ in như có gai châm vào mắt

khiến nó xót xa. Nó nhìn ra khung ánh sáng chiếu qua cửa nằm in xuống sân. Nó thấy lần lượt thằng Chơn ôm con gà trống thiện, mẹ thằng Chũ cặp dưa leo, thằng Sanh hãnh diện cầm cân nho. Nó quay sang nhìn cha nó đang nằm lơ mơ trên võng treo gần đó, hỏi bằng một giọng tỉnh táo:

– Tết này cha đi tết thầy...

Nó chợt dừng lại, không biết có nên nói tiếp không. Nghĩ tới sự bực mình của cha, nó bỗng mong cha nó đừng nghe câu hỏi vừa rồi thì hơn. Nhưng cha nó tựa mình cột kệt trên võng và quay hỏi to:

– Con hỏi gì? Đi tết thầy hả?

– Dạ.

Tiếng «con» dịu dàng thỉnh thoảng
lắm cha nó mới dùng để xưng hô làm nó
cảm động êm đềm. Cha nó lại hỏi:

- Năm ngoái đi tết thầy bao nhiêu?
- Cha đi tết một đồng.
- Ừ.

Sự im lặng nặng những mong đợi
và hồi hộp. Chợt cha nó đằng hắng một
tiếng lớn làm nó giật nảy mình. Tiếp
theo, ông ngập ngừng nói:

- Năm nay... con lên lớp Tự Thôi đi
tết cho thầy... hai đồng cũng được.

Lời tuyên bố bất ngờ làm nó mừng
quýnh. Thế là nó khỏi phải sợ thầy và
xấu hổ với bạn. Để sự mừng rỡ khỏi biểu
lộ một cách phí phạm, nó cúi xuống học
bài Cách trí bỏ dở, giọng đọc rõ ràng

lảnh lót. Đêm ấy nó học khuya mà không thấy buồn ngủ. Từng hồi, từng hồi trí óc nó dừng lại giữa những chữ «phát huyết quản... hồi huyết quản» để mừng tượng nghe tiếng reo đắc thắng «hai đồng bạc tốt thầy»

✱

Nỗi vui mừng trong lòng làm Trung nhìn cảnh vật xung quanh với đôi mắt nặng những trù mến yêu thương. Cái gì cũng đẹp đối với nó hết. Thực tế thì cảnh quả là đẹp thật, cái đẹp rực rỡ sau những ngày Đông mưa gió u sầu. Trưa hôm nay đi học về ngồi đợi đò ở bãi cát Thiện đức, Trung say sưa đắm mình trong nắng. Thật đẹp là những ngày nắng đầu mùa. Nắng vàng nhẹ, không khí trong suốt khiến cảnh vật sáng từng bừng. Đứng ở

bến đò Thiện đức có thể nhìn thấy rõ bấy
bò lội qua bến đò Gạch cách đó hai cây
số. Bờ tre ở Hội phú, rặng dương liễu ở
Măng lẳng hiện lên thành một dải xanh
ngăn ngắt và dãy núi cát ở mãi Vũng
Lâm toàn một màu vàng rất nhạt, sáng
óng ánh dưới ánh mặt trời. Không khí
nhẹ và kích thích. Ở trong nhà nghe hơi
lạnh lạnh nhưng ra đứng giữa nắng một
lát thì cảm thấy cái thú ấm áp. Cái nắng e
lệ đầu mùa cũng nhẹ như cái lạnh, khác
xa với vái nắng gay của ngày hè. Nắng
về, nước sông Cái chảy rọt hết khiến con
sông chỉ rộng còn mười thước. Hôm
tháng Mười nước lụt, cũng đoạn sông
này nước một màu vàng đục chảy cuộn
cuộn phả bờ. Con đò phải ghìm đầu mãi
giữa xóm. Những ngày cực nhọc ấy, đợi
đò phải hàng buổi, đò chống phải hàng
giờ. Thật khổ tâm cho Trung khi ngồi
bên này bờ nghe tiếng trống trường đánh

hồi giục già. Khi mưa lụt bắt đầu, đập Tam giang chắn ngang sông Cái bị nhỏ cú ở đoạn giữa để cho nước thoát tránh đề đập khỏi vỡ. Do đó, khi nước rọt hết, khi nắng tháng Mười một khởi đầu cho mùa nắng Xuân Hè thì lòng sông hẹp lại hết sức, những bãi cát bên bờ rộng ra vô cùng. Và để chuẩn bị đắp lại đập chắn lại sông, giữ nước đưa về đồng cho kịp mùa cấy tháng Chạp, lệnh đồn độn ban ra. Trên sườn núi A Man nằm sau lưng thôn Quảng đức, đen nghịt những người làng lo chặt chà, đồn độn. Tiếng hò reo, tiếng hát ví, tiếng cười lạnh lạnh. Nhiều đứa nhỏ bằng tuổi Trung, sau buổi học, cũng nhập bọn đồn độn. Lũ này đem tới trường những câu hát đồ thô tục, những câu chửi sỗ sàng dưới hình thức câu hát, loại hát đặc biệt của lũ trẻ chăn bò, chúng nó học được ở những ngày đồn độn, đếm độn.

Như phụ họa với ý nghĩ của Trung, ở lưng sườn núi vang lên tiếng đứa nào hát:

(Lô lí lô) Tao liêu (lô) một năm (lô) ớt cay (lô)

Tổ cha thằng nhỏ đó (lô... Ô...)

ăn mày (là mày) nhà tao (lô... à... lô...)

Tức thì một giọng khách lật đật đáp liền:

Thầy bà, thầy dạy mày đâu

Lấy cây gập đất cho thầy mày ăn...

Trung nhìn lên hướng có tiếng hát. Một bầu bò lưng vàng chen trong cát bụi lá xanh rậm. Bên cạnh đó, hai ba dáng người mặc áo đen đang giơ rửa chặt vào bụi cây. Có người đang ràng dây bó độn. Nghe tiếng hát, nó chắc đó là tiếng của

thằng Được con ông Câu Mua, chăn bò chuyên môn.

Đò cập bến. Khách đi đò lên xuống đông hơn ngày thường. Lão Nhảy, ông lão chống đò trông cũng vui cười mau mắn không còn u sầu như những ngày thường. Đành rằng nụ cười của ông chỉ tươi đến một mức rất tương đối, đành rằng những cử chỉ quơ sào, uốn mình, bắt tay chèo đều còn rất chậm chạp mực thước, nhưng như thế cũng đã là tiến bộ quá sức trông đợi của lũ học trò qua đò. Vì học trò là lũ khách quá giang bị ngược đãi hơn hết. Đi đò suốt cả năm mới trả cho một gia. lúa, gặp nhà nghèo thì số tiền còn ít hơn, thế mà thỉnh thoảng lão còn nghe có cha mẹ học trò nhắc đến một lệ nào đó hồi xưa, miễn phí cho học trò nhà nước đi đò khỏi phải trả tiền. Đi về một ngày bốn lượt, lên đò

xuống đò thì hỗn hào, thường đò chưa cập bến đã nhảy thót xuống đẩy đò chạy ra xa phải mất công lão vừa quơ sào vừa chụp tay chèo để bác đò vào bờ, thế mà một gia. lúa cũng định gặt của lão. Lão vốn nghiện thuốc phiện mà nghề chống đò đâu có dư giả để đủ tiền hút nên lão thường hút xái và nuốt giẻ. Vào những buổi trưa dài thuốc, nằm nấp nắng dưới mũi thuyền kê ở bãi cát, nghe tiếng kêu đò lòng thấp thỏm mong rằng đó là khách lạ quá giang, thế mà hé nón nhòm ra thấy lục cục mấy thằng học trò tiểu yêu đứa ngồi thu hình kẹp sách vở vào giữa đùi, đứa vừa cầm mẻ sành ném thìa lia trên mặt sông miệng vừa kêu đò ơi ới thì nổi chán chương của lão thật lên đến cực độ. Lão nằm im một hồi lâu để trả thù những tiếng réo đò nhưng cuối cùng lão cũng phải dậy. Lão bước chầm chậm lên cát, vén quần lội chầm chậm dưới

nước rồi nặng nề bước lên đò. Lũ trẻ hớn hở nhìn con đò chòng chành dưới sức nặng của lão nhưng thất vọng liền khi thấy lão ngồi ỳ trên giường sõng. Đợi một lát chúng lại khởi sự réo, đưa trước đưa sau. Sự khác biệt về âm thanh trong mỗi tiếng réo không ngờ nghe lại vui tai nên chúng kêu lại một lượt, hai lượt rồi kêu loạn xạ rồi ôm bụng, cong lưng cười ngặt ngoẽo. Lão Nhảy giận lên vì mình bị làm đầu để cho một trò chơi mới nhưng cũng phải đứng dậy đập sào chèo đi vì sợ làng xóm người ta quở. Tiếng kêu đò bao giờ cũng gọi một sự hồi hả, đôi khi còn pha màu rùng rợn. Đó là tiếng kêu đò của người nhà ai đi rước bà mụ, người chạy mời thầy thuốc cứu một con bệnh ngặt nhèo, tiếng kêu của lũ «Ma Gia» hiện hình lên trong những đêm lạnh lẽo theo lời người ở ven sông truyền khẩu. Lão Nhảy không muốn những sự rùng

rợn ấy được thêu dệt quanh mình lão.
Lão lăm lũi chèo qua sông.

Để tránh những lời rửa sả của lão,
khi dò cập bến lũ nhỏ làm ra bộ hiên
lành cung kính hết sức:

– Để con bỏ dây cho ông nghe?

– Để con bỏ cho.

Lão lại phải nạt lên:

– Ai biểu? Coi, lại nhảy dành đập
lũng mê sông. Tao nện cây sào cho một
cái, u óc. Đồ quỷ phá. Ngồi xuống hết.

Lũ nhỏ riu riu ngồi thu hình trong
lòng con đò. Tiện tay sào, lão đẩy con
đò lướt tới rồi khi lườn sông kề sát chân
cọc, lão nhẹ đưa bàn chân đặt lên đầu
cọc nhún mình đập một cái. Con đò vụt
tới nhẹ nhàng. Tiếp theo, mái chèo chém

xuống nước, xoáy làm con đò lắc lự Mũi đò ngoan ngoãn hướng sang bên kia sông. Lũ trẻ mừng quá, không ngờ lão lại tốt bụng không bắt chúng ngồi chờ như chúng nghĩ. Chúng nhìn lên vẻ mặt lão để tìm xem một nụ cười tha thứ nhưng chúng chỉ thấy vẻ u tối bình nhật.

Nhưng mấy hôm nay, trong không khí ảm áp nhuộm màu Tết nhứt, lão Nhảy vui vẻ ra mặt. Lão nhai trầu, xỉa răng thuốc để thỉnh thoảng nhổ một bãi nước trầu đỏ xuống mặt sông. Lão nói chuyện, pha trò nữa. Ở trên giường sông nơi chân lão nhịp nhàng rướn tới kéo lui theo nhịp tay chèo, có nhiều gói bằng lá chuối xanh muốt. Nhỏ nhắn vuông vức này, chắc là gói thuốc. Có nước chảy ri rỉ kia, là gói đậu phụ. Gói thịt lòng heo to hơn và dễ biết hơn cả vì có một đoạn ruột heo sổ lòng thông. Ý chừng đây là

những món quà người khách qua sông biếu lão thay tiền. Cũng có thể là lão mua nhưng chắc chắn người bán đã vừa bán vừa biếu. Đi đến bến sông gặp một con đò sắp sửa rời bến, vừa bước lên đò là được ông lái quay mũi sang sông, đó là những điểm may mắn cho người bán hàng, nhất là trong những ngày tháng Một tháng chạp bán chạy lời nhiều. Nghĩ vậy nên không ai từ chối một sự dễ dãi với ông lái đò.

Bé Trung thấy lòng băng khuâng thương cho ông lão Nhảy. Một gói quà ngon hơn là một lời an ủi. Bé liên tưởng ngay đến thầy giáo của bé. Trên cái khay đặt ở bàn thầy ngồi, rồi sẽ có những gói trà buộc chặt vào nhau, những phong bánh, những gói mít và cả những tờ giấy bạc mới tinh.

✱

Ngày hai mươi tháng Chạp, mỗi học sinh đi học mang theo một cái lồng đèn để treo ở lớp. Thầy không ra kiểu mẫu, không cho cỡ nhưng hầu hết đều làm lồng đèn trái ấu. Chỉ có anh Sô, anh Nhiều nhà theo đạo Gia tô là làm đèn ngôi sao. Anh Truyền ở Gò Chung qua, tuy cũng theo đạo Gia tô nhưng cái lồng đèn trái ấu anh làm sơ sài đựng đến thì méo. Hai cái lồng đèn của anh Trảy, anh Hự là đẹp nhất. Ở mỗi góc có một chùm tua bằng giấy. Gió thổi lên, những cái tua bay rền rẹt lẫn tăn. Thầy cầm lên một cái lồng đèn trái ấu phất nhiều màu. Chẳng những mỗi góc đều có tua mà ở mỗi mặt đèn tác giả đều dán rất nhiều những mảnh giấy tròn đủ cỡ. Cái lồng đèn trông thành ra bề bộn lắm lắm. Thầy hỏi:

– Cái lồng đèn của đứa nào đây bay?

Anh Ước đứng dậy:

– Thừa thầy của con.

– Sao mày dán từng chấm từng chấm cùng khắp trông như ghẻ vậy mày?

Cả lớp cười rộ lên. Không biết thầy nói «trông như ghẻ vậy» là vô tình hay hữu ý vì khắp mình anh Ước đầy những ghẻ. Cả ngay trên mặt cũng loạn xị những sọc ghẻ đã lành còn vết thâm tím. Anh đứng cà lăm, lập bập cái miệng vài tiếng vô nghĩa rồi ngồi xuống.

Thầy cho chẳng ba đường dây thép treo nhau suốt từ góc này sang góc kia của lớp rồi sai móc những lồng đèn vào. Gió thổi đu đưa cả đèn cả tua trông vui như ngày hội. Những con chim sẻ chọn chỗ lót ổ ở đầu rui, thảo luận «chi chích» hàng tràng dài rồi đập cánh bay vù đến

đậu ở một chỗ khác và bắt đầu chi chích trở lại. Mặc dù thầy giáo Hiền dĩ đồn có tiếng nhưng vào những ngày này mà màu sắc, mà âm thanh, mà cử động cứ náo loạn cả lên ở trên đầu như thế kia thì bảo lũ nhỏ học hành chăm chú gì nổi. Đã thế, vào giấc ba giờ chiều, ngọn gió mát ở dưới đồng vùn vụt thổi lên, thổi bay luôn cái linh hồn nhẹ nhàng của lũ nhỏ đang dính vào lời giảng của thầy bằng một sợi tơ tưởng tượng nào rất mảnh. Nhưng mùa Xuân làm cho thầy hiền từ. Một bữa nào đó, thầy dừng lại giữa hai lời giảng rồi nói:

– Hăm sáu tháng Chạp cúng trường.

Học trò nhao nhao lên mừng y như cổ bàn đã sắp dọn. Cái thước gạch phải đập lạch cạch xuống bàn mới đem lại sự im lặng. Thầy đằng hắng nói tiếp:

– Mỗi trò góp năm xu Trò nào nhà giàu góp một cắc.

– Thưa thầy bữa nào cúng? Thằng Tộc ngớ ngẩn hỏi.

Sáu bảy tiếng nói ồ lên một moạt:

– Ê! Thằng mớ ngủ. Thầy mới nói hăm sáu.

Cái thước gạch lại giờ lên nhưng chưa kịp gõ xuống mà lũ nhỏ đã lật đật im lặng rồi. Có tiếng lè nhè:

– Thưa thầy trò Lệ giàu mà trò nói chỉ góp năm xu.

– Không được. Cha nó làm ông Cừu, nhà giàu.

– Thưa thầy như vậy thằng Dĩ cũng phải nạp một cắc. Nó là con bà Xã Tám Chí Thạnh...

Những đứa con nhà giàu bị hành hạ liên tiếp mấy buổi học vì ở lớp thì bạn nhất định cho là giàu mà về nhà thì cha mẹ đều bảo là mình nghèo. Nhưng rồi cuối cùng số tiền tom góp cũng đủ. Thầy giao cho ông cai trường lo mua sắm. Ông Tròn quê mùa có biết mua sắm gì đâu? Ông chuyên môn chặt bụi ráy bó chổi để quét trường khỏi tốn tiền mua. Ở góc lớp ông trữ sẵn bảy, tám cây chổi. Ông giỏi gánh nước, leo đường dốc mà cứ chạy kìn kịt. Ông cũng có tài lễ phép. Hễ đứng nói chuyện với thầy thì một tay cung trước ngực, một tay gãi tai và mắt thì ngó xuống đất. Thường thường gãi tai là cử chỉ đối với ông Xã, cung tay là đối với ông Thừa, ông Lại và cúi nhìn xuống đất là khi bẩm quan. Ý chừng ông Tròn không biết xếp thầy ở nấc nào của cái thang chức tước ấy nên khôn ngoan, ông tổng hợp mỗi động tác một ít. Ông Tròn

quan niệm cúng trường cũng như cúng các đẳng nhà ông nên món thực phẩm đầu tiên và chót hết mà ông có thể nghĩ đến là món chè nếp đậu ván. Chè thì phải đi với xôi cũng như có vợ có chồng. Xôi chè sắp trôn lượt trên bàn thì ngó không được nên ở đây trước phải một hàng đĩa cốm bột, bánh in. Đèn hương thì khỏi phải tính toán suy nghĩ vì dù hà tiện đến mấy cũng phải ra hàng xén của mục Lành mua, – mục này kêu vợ Ông Tròn bằng cô họ, – chứ không giống bụi ráy có thể lên núi mà chặt bao nhiêu cũng có. Khỏi tốn tiền mua hoa. Mấy cây điệp ở trước Ty hàng tha hồ cho ông bẻ.

Thế là đúng xế hôm hăm sáu tháng Chạp cúng trường, ông Tròn gánh một đầu nồi chè to tướng, còn đầu kia thì lổn ngổn chén đĩa, bánh cốm, hương hoa... Cái bàn thầy được khiêng ra để giữa lớp.

Xôi được ông xới ra đĩa trước. Học sinh tự nguyện lãnh việc bung sắp lên bàn rất đông. Tiếp theo, ông múc chè ra từng chén. Công việc này mau hơn đơm xôi vì xôi khó tém cho tròn mà hễ tay đụng vào đâu là xôi bám chặt theo đó. Những chén chè cứ sắp hàng, sắp hàng mãi, ban đầu còn rộng rãi thoải mái, sau phải xếp sít lại gần, sít thêm nữa, đến chật ních cả bàn. Cái bàn thầy ngày thường trang nghiêm, nay phải chở một đám xôi chè trông tầm thường như cái kệ của quán bà Cống. Nhưng khi ông Tròn đặt hai cây đèn thau hai bên, cái lư hương để ở giữa, cái bình hoa sát ở cạnh thì ông đã vô tình trả lại sự trang nghiêm toàn vẹn cho cái bàn thầy. Và khi thầy Hiền, chững chạc trong cái áo dài đen, đầu đội khăn xếp, chân mang giày trắng bước lại trước bàn châm nến và châm hương lầm rầm khấn vái thì tất cả anh chị em

học sinh đều khép nép im lặng. Ánh nến lung linh, vòng khói hương bay quện lên cao có một vẻ gì huyền bí. Những đĩa xôi, những chén chè như đã cõi bỏ cái lốt tầm thường của một món ăn mà khoác lên một vẻ thiêng liêng, xa lạ. Sau khi thầy cúi đầu vái xong ba vái thì đến lượt lũ học sinh lên làm lễ. Thầy sắp cho cứ năm đĩa lên lễ một lần, đứng thành ngang hàng trước bàn. Hôm nay đĩa nào cũng ăn bận gọn gàng sạch sẽ hơn ngày thường nhiều nhưng sang trọng hơn cả vẫn là Sanh. Bộ quần áo của nó bằng vải tàu bay trắng tinh và may máy nên đường may thẳng và nhỏ như nét kẻ. Khi thầy lùa đủ năm đĩa để cùng đứng với thằng Sanh thì đĩa nào cũng chực lảng xạ Thằng Ri bị bắt cóc đứng cạnh Sanh cứ lén nhìn xuống bộ quần áo vải tám vàng khè của mình. Thằng Sung bận áo cụt vải ú đen quần trắng giống y như

cha nó khi đi tết chủ ruộng. Quê mùa mà bằng lòng vô tư nhất là anh Soi. Hình như anh mồ côi cha, nhà nghèo, ở mãi tận hóc núi Bà. Anh bận áo vải ta trắng may tay, đường may dày cộm, mũi chỉ thưa và không đều. Có nhiều đoạn chắc vì hết chỉ, mẹ anh may bằng sợi gai. Vạt trước cắt nhọn quá, dô ra như cái mái, để lòi một phần da bụng. Áo chỉ có một túi, rất lớn, rất cao để có thể chứa được hai tô lúa. Có năm hột nút mà mỗi hột mỗi loại. Hôm nay anh vẫn mặc cái quần cũ, cái quần nhuộm chàm đã xơ cả đáy. Anh bước tới vái và lẩm nhẩm khấn một cách thành kính y như anh quen với công việc này lắm. Bé Trung thì khờ hơn. Nó không biết khấn tên ông gì nhưng nó đoán là ngồi ăn chè trên bàn phải là mấy con ma ở cây cà te trước trường. Cây cà te lớn sum sê, lá xanh quanh năm và gốc to năm đứa ôm không xuể. Mới ngày

đầu khai giảng mà lũ bạn ở Thiện đức đã thăm thì truyền lời đồn:

– Cây cà te đó ma nhiều lắm. Ông Gương đi mua kén ở Hòa đa về ngang qua đó nghe tiếng ma đưa vông ru con, sợ chạy gần chết.

– Khuya khuya có những tấm phướn đỏ bay về ngang qua cây cà te rồi ghé vào, biến mất.

– Tấm phướn là cái gì?

– Là tấm vải đỏ rất dài. «Bà» bay về nghỉ ở đó.

Lũ thằng Đời thằng Hỷ mang cơm theo để trưa ở lại trường, nghe nói sợ quá phải xuống xóm nghỉ trọ. Còn tất cả học trò thì đều sợ vì những sự thất kính vô tình của mình trong suốt năm học. Chẳng hạn, nó giỡn mà hét to lên làm

kinh động giấc ngủ của «Bà». Chẳng hạn khoái chí quá, nhặt đá lia vung, lia nhằm cả vào tàn cây cà tẹ Cũng có thể «Bà» đi ngủ du ở đâu về, sẵn thấy lũ nhỏ ra đánh mạng đánh đáo ngoài sân trường, «Bà» bắn chơi một mũi tên. Nhưng có điều này đáng sợ hơn hết là sự tiểu bậy của chúng. Đang mê chơi thì gặp chỗ nào cũng có thể vén quần tiểu được. Đánh trống ra chơi, mừng quá nhảy xổ ra thì nhất định bạ hướng nào cũng có thể tiểu. Không nhiều thì ít, đứa nào cũng đã có vén quần tiểu về phía cây cà tẹ Tất cả lũ học trò thành kính vái trước bàn, phần lớn là để xin tha cái lỗi bất cần đó.

Lễ cúng xong, ông Tròn đem xôi chè ra sắp từng bàn. Quen với nghề làm cai trường, ông chia đều mỗi bàn năm chén. Khu chén chè đẩy vào lỗ dành để gài gô dê mực. Lũ học trò ngồi lấp vào

bằng, đều đặn như những cái đinh bù long ráp vào máy. Cuộc ăn bắt đầu, thứ tự, trang nghiêm như khi chúng ngồi làm bài hạch tẩn ích. Đến lúc chén chè hết, những ngón tay bắt đầu véo mấy đĩa xôi thì cuộc trò chuyện khởi sự và ồn ào ngay. Mười phút sau, chén đĩa hết sạch và ông Tròn ra xỗ trống.

Ngót ba mươi năm thắm thoát trôi qua, đến nay bé Trung đã bốn mươi tuổi đầu rồi. Bé Trung đã làm một người cha nghiêm nghị và trưa nay sở dĩ bé ngồi nhớ lại đoạn đời ngây thơ của mình ở ngôi trường Ngân sơn quê mùa xưa là vì đứa con của bé, thằng Nghĩa, vừa đưa cho bé bức thư xin tiền của nhà trường nơi nó học. Bé nhìn xuống tờ thư in ronéo còn nằm dưới tay mình.

*Nha trang ngày 30 tháng Giêng năm
1961*

*Hiệu trưởng trường Tiểu học Tân
Phước*

*Kính gửi phụ huynh trò Phan Đức
Nghĩa*

*Nhân dịp Tết Tân Sửu, trường chúng
tôi có tổ chức cây mùa Xuân cho các em
học sinh của trường vào 16 giờ ngày 11
tháng 2 năm 1961 tức 26 tháng Chạp Âm
Lịch. Chúng tôi rất hân hạnh được nhận
những món quà hoặc tiền mặt của Ông,
Bà để việc tổ chức cây mùa Xuân được kết
quả.*

Xin cảm tạ lòng hiếu cổ của Ông, Bà.

Lê Bá Lộc

CÁI NHÌN NGƯỜI MẸ

Chiếc xe Lăm-bết-ta chạy vun vút bấp chập những lỗ ổ gà lớn bằng cái rổ, bằng cái thúng. Trong xe chỉ có một người thanh niên, một chị đàn bà bế con nhỏ, một chú “ết” và Thuận. Tất cả sức nặng của đám hành khách nhỏ nhoi này không đáng gọi là sức nặng nên bốn người tha hồ nhảy nhót trên hai cái băng. Phải bám hai tay vào thanh sắt lắp dọc theo trần xe. Phải gắng dồn tất cả trọng lượng của mình xuống mông. Nếu không

sức vồng sẽ đẩy cả bốn người lọt xuống sàn xe. Thật khác xa với mười ngày trước đây khi đoàn người xin nước Thánh ùn ùn kéo về Suối Đổ. Xe Lăm-bết-ta Nha Trang – Thành chạy từ bốn giờ rưỡi sáng khi Ấp chiến lược chưa kịp mở, chạy đến bảy giờ tối. Xe nào cũng đầy ắp người. Số hành khách luật định là sáu người nhưng tài xế xếp đến mười ba, mười bốn. Thùng thiếc đủ cỡ lớn nhỏ, đòn gánh góp nhặt đủ kiểu treo ngổn ngang ở móc, xếp có ngọn trên mui xe, bỏ lổn ngổn dưới sàn xe. Người đi xin nước Thánh có khi là những người đàn bà da vàng như nghệ, những cụ già tê liệt đi phải có người đỡ, những ông nông dân vạm vỡ bắp thịt tỏa ra sức chiến đấu. Có tin chính quyền được lệnh làm khó dễ những người đi xin nước từ ngày Bầu Quyền ở Quảng Nam linh thiêng. Viện Pasteur phân chất nước suối tuyên bố trên báo là nước có

nhiều vi trùng. Phóng viên địa phương của một số nhật báo viết những bài phóng sự và lập luận theo thông cáo của chính quyền. Nhưng dân chúng nô nức đi lấy nước bất chấp khoa học và vệ sinh, mặc kệ binh lính cản ngăn, lớp đi bằng xe Lăm-bết-ta, lớp đi bằng xe ngựa, lớp đi bộ. Những chiếc xe “ca” lớn chở đầy khách từ Sài Gòn ra, từ Đà Lạt xuống. Xe Lăm-bết-ta tha hồ chạy. Xe chạy đường Cần Đá, đường Đồng Đế cũng bất chấp luật lệ chở khách chạy thẳng về Suối Đổ. Thật là thời đại hoàng kim của xe Lăm-bết-ta. Xe chạy ì-ạch, chạy hết nổi, mỗi một rã rời. Người ngồi chen nhau, đù cạ vào nhau không day trở được. Tài xế nói cười như con sáo. Những chuyến về, xe đã ì ạch càng ì ạch thêm. Ngoài những thùng nước đầy ứ, người hành hương còn mang theo về những củ bí kỳ nam quắn queo sù sì chất đầy cả sàn xe. Người ta

chuyên miệng cho nhau ca tụng về được tính quý giá của loại củ này. Xác mòng ngâm rượu hoặc sấy lấy nước uống thì trừ được chứng tim yếu, hồi hộp, máu xâm, mất ngủ. Người dân địa phương khéo bao trùm xung quanh củ đó một màn sương huyền bí linh thiêng:

“Đây: thì củ bí kỳ nam to bằng cả một trái dừa lửa chớ có nhỏ đâu? Dây của nó leo chằng chịt ở thân cây rừng đó chớ có trốn đi đâu? Vậy mà mắt mình nhìn tới như mù, đố có thấy được củ nào. Trong khi đó thì người đi sau mình lại thấy được, lại hái. “Bà” mình cho ai hái thì chỉ có người đó thấy mà thôi”.

Có quyền phép của “Bà” tác dụng đến, mỗi củ bán được một trăm bạc. Với những bà Sài Gòn béo tốt cổ đeo vòng ngọc và ngón tay chắt ních những cà rá kim cương thì củ bí kỳ nam lên giá đến

hai trăm, ba trăm. Sau mười ngày tự do đi lại thì có lệnh cấm lấy nước, cấm triệt để. Trên đường quốc lộ, có từng chặng thấy có những thùng thiếc ném ngổn ngang. Chắc là cảnh sát hay quân đội đánh đuổi hung hăng lắm nên người đi xin nước mới sợ hãi đến quăng cả thùng như vậy. Thuận thấy thương hại cho thân phận thẳng trâm của những chiếc thùng. Ngày Suối Đổ linh thiêng giá thùng thiếc ở chợ cao vọt lên. Thùng gì bán cũng được tiền: thùng dầu hỏa hai mươi lít, thùng dầu hạt bông Cottonseed do Mỹ viện trợ, thùng Shell cũ đựng dầu máy. Ở khu thợ thiếc, tiếng búa đập loảng xoảng từ từng mảng sáng đến tối mịt. Có lẽ dưới thời Xuân Thu Chiến quốc khi có lệnh động binh người ta rèn đúc khí giới cũng chỉ nhộn nhịp rộn ràng như vậy là cùng. Ở trong các khu phố, những bà nội trợ được dịp lục lọi các xó xỉnh để

lôi ra trăm thứ “đụng được”: thùng, chai, lọ... chúng được súc, rửa, kỳ cọ rồi chụp lên đầu những cây trụ rào. Ánh nắng dội xuống, bị hắt lên, lóe sáng như cây trụ rào cũng biết nở hoa.

Liên sau đó, có tin Bà Thánh thiên về một hồ nước nào đó ở mạn Dalat. Suối Đỗ trở về địa vị thiên nhiên khiêm tốn của nó. Các quán tranh dựng dọc đường lên suối được dỡ đi. Những vỏ bưởi, vỏ chuối, bã mía, lá gói bánh... của khách hành hương dần dần xám đi, mủn đi, ngã theo màu đất, lẫn với rác cỏ. Từng xe cam nhông chở củ bí kỳ nam ở Ban mê thuật đem xuống bán. Tước bỏ giá trị linh thiêng, món hàng thương mại này được lùa về nằm ngổn ngang ở chợ Đầm, chợ Xóm Mới, bằng lòng với giá mười lăm đồng, mười đồng, rồi năm đồng một củ. Trong khi đó thì những bác tài xế Lăm-

bết-ta chửi thề trở lại. Thời thế cạnh tranh mật ít ruồi nhiều, chạy một chuyến có được hai chục bạc đã là may lắm. Đậu xe ở đầu chợ Thành để nhặt những bà nội trợ xách giỏ đi chợ về, mỗi bà chỉ trả một đồng để đi hai cây số mà trên xe phải chịu bộn bề những giỏ, những xách, những vẹt, những gà, heo con, bầu bí lớn ngón. Bác tài xế hôm nay vừa định “de” xe vào chợ thì thấy bóng ông cảnh sát đứng lù lù đó, tay lăm le quyền sở và bút chì chờ biên phạt nên nhấn ga cho xe chạy vút tới. Bao nhiêu tức giận bác trút vào đôi cánh tay cử động hung bạo, và đôi mắt nhìn khoằm xuống, vào cái xương hàm bạnh ra. Thuận hồi hã đã đi nhằm cái xe hục hặc này.

Chị đàn bà bế con nhỏ thuộc loại hiền lành nhút nhát chắc thường bị mẹ chồng và hàng xóm ăn hiếp nên quen

tính rụt rè, không dám lên tiếng bảo xe chạy chậm lại mà chỉ xoay qua quay lại liên tiếp để giữ cho đứa con khỏi bị xóc. Anh thanh niên thì vừa nhịp chân vừa huýt sáo bản nhạc “Cầu sông Kwai”. Thật là khéo chọn nhạc khúc. Ngồi trong xe mà có cảm tưởng như mình đếm bước rộn ràng đi vào rừng chặt gỗ làm cầu thật, Thuận thì đánh đu cả hai tay vào thanh sắt đóng ở mui xe như một con vượn sắp sửa chuyển cành. Chú “ết” người nhỏ thó tuổi chừng mười bốn, mười lăm cứ từng chập thò miệng ra sau xe nhổ một bãi nước bọt.

Xe chạy băng băng. Leo dốc. Qua cua. Vượt lên cầu. Những ông nhà quê đứng tuổi đi xe đạp nai nịt ống quần như lính lệ, luống cuống tránh dạt vào lề đường, ngã chúi trên bờ cỏ, quay mặt lại chửi nói gì đó. Xe vẫn lăm lăm bỏ chạy.

Quá ngôi đình xã Diêm An, chợt chú “ết”
la lên:

– TỐp! TỐp! Có người đón xe. TỐp!



Bác tài xế hãm phanh một cách khó
nhọc. Mọi người quay lại nhìn ra sau xe.
Cách hơn trăm thước một người đàn bà
mặc áo dài đen cắp nón hăm hở chạy tới.
Bác tài rà rà cho xe chạy lui. Thuận ngạc
nhiên thấy người đàn bà có lòng ái mộ
một chuyến xe như vậy. Đường này đâu
phải thiếu xe? Cứ năm phút là có một
chuyến. Việc gì phải te tái chạy đuổi theo

hàng trăm thước thế kia? Khi xe lui lại gần thì người đàn bà dường như hết thở nổi. Đó là một bà nhà quê chừng bốn mươi tuổi. Da mặt tuy rám nắng nhưng hồng hào. Hoa tai vàng, quần lĩnh Mỹ A: bà này thuộc hạng khá giả ở thôn quê. Bà không lên xe vội mà đứng dưới đường bảo bác tài:

– Nhờ ơn bác cho xe vô con đường rẽ kia. Nhà tôi ở gần đó. Tôi có đứa con nhỏ bị bệnh phải đưa đi nhà thương.

– Không được, – bác tài quay ra trước xe vặn vặn tay lái dáng như sắp sửa rồ ga cho xe chạy. – Đợi xe sau mà đón.

– Tội nghiệp tôi mà. Đứa nhỏ tôi nó trúng gió nặng quá.

– Tôi phải đưa hành khách về Nha Trang. Trễ giờ của người ta sao được?

– Nhờ ông làm ơn làm phúc. Nhà tôi ở gần kia. Ngay con đường rẽ vô đó. Con tôi nó bị trúng gió...

Người tài xế nhú mày không trả lời. Chị đàn bà bế con tay nắm bóp hai bàn chân nhỏ của đứa bé. Im lặng. Chợt người thanh niên cất tiếng nói:

– Trễ năm, mười phút cũng không sao. Bác chịu khó vô chờ giúp người ta. Con người ta cũng như con mình.

Người đàn bà tươi tỉnh nét mặt, tiếp lời ngay.

– Dạ. Tội nghiệp tôi mà, con tôi cũng như con bác.

Bác tài xế dứng chừng chỉ đợi một câu nói ứng thuận của một người hành khách và sự im lặng của những người kia để bác quyết định. Bác nói:

– Thật phiền quá. Thôi, bà lên xe đi.

Xe nổ, chạy vài chục thước rồi rẽ vào con đường làng. Đường đắp đất, nhô lên thụt xuống, xe phải chạy rất chậm. Hai bên đường là vườn, là lũy tre. Xe không đậu ở cổng thứ nhất, cũng không đậu ở cổng thứ nhì. Con đường bỏ xóm nhà ở, đi vào giữa cánh đồng hẹp. Hai bên là ruộng. Lúa thời con gái xanh mướt. Một con mương dẫn thủy nhỏ chạy dọc theo con đường. Xe nhô lên thụt xuống. Tiếng máy rì rì rồi rống lên từng chập. Từ này giờ Thuận im lặng. Anh ngồi đưa mắt nhìn người thanh niên. Nét mặt hiền lành và tâm hồn dễ thương cũng vô tư như bản nhạc vẫn tiếp tục được huyết sáo. Thuận ngượng đến xấu hổ khi nhớ đến lời của anh ta nói lúc này:

– Con người ta cũng như con mình.

Đáng lẽ câu nói đó phải do mình nói – Thuận nghĩ. Người thanh niên chắc hẳn là chưa có con. Khuôn mặt non, chân râu mới lờ mờ như lông tay. Trong khi đó mình đã làm cha, đã từng nhiều lần cúi mình xuống giường bệnh của con hồi hộp nghe tiếng thở khò khè hoặc hỗn hển, tay sờ trán sờ chân xem nóng lạnh.

Mình đã từng chạy quáng quàng đi mời thầy thuốc, đã từng bế con ngồi trong xe để đến phòng mạch bác sĩ. Những đêm thức trắng ôm con trên tay hay ngồi cạnh giường con, những dòng nước mắt lặng lẽ chảy vì lo sợ và vì thương cho con phải một mình chiến đấu với cơn đau. Những kỷ niệm ấy dồn dập về trong óc Thuận và bóp mạnh ở tim.

Đáng lẽ câu “Con người ta cũng như con mình” là câu phải do mình nói, – Thuận cứ lặp lại ý nghĩ đó. Mình ích

kỷ muốn xe chạy thẳng về nhà cho sớm, bỏ người đàn bà đó lo lắng hồi hộp trên đường. Mà nào sáng nay mình có bận việc gì cho cam? Về đến nhà vào khoảng mười một giờ, rửa mặt nằm nghỉ đến mười hai giờ ăn trưa. Về sớm hay chậm mười lăm phút, nửa giờ, điều đó không có lợi có hại thực tế gì cho mình hết. Nhưng mà chỉ vì mình có quyền, với năm đồng bạc, bắt buộc người lái xe chạy thẳng nên mình thích sử dụng quyền đó thôi. Mình không muốn ai động chạm đến nó. Không hẳn là vì ích kỷ, bởi trên thực tế nó có mang lại ích lợi gì cho mình đâu. Có lẽ đó chỉ là cái lối bủn xỉn vụn vặt của một con người mang nhiều ảm ức, nhiều bức bối, chịu đựng nhiều thiệt thòi, nhiều sự bất công nên khẳng khẳng bám giữ những quyền lợi nhỏ nhặt nào còn sót lại.

Thuận thở dài nghĩ tiếp. “Có lẽ tại mình phản ứng quá chậm. Mình cũng muốn giúp đỡ người đàn bà đó, nhưng mình chưa kịp nói...”

Chợt thấy xe nhảy vồng lên làm Thuận giật mình. Người đàn bà ngồi trước mặt đưa một ngón tay chỉ vào túi áo sơ mi của anh:

– Tờ giấy bạc của ông sắp rơi ra kia.

Thuận vội cúi xuống, thấy tờ giấy nằm đồng nhoi mình lên gần rời khỏi miệng túi. Anh đưa ngón tay đẩy nó rơi sâu xuống đáy túi. Mỗi khi lên xe, bao giờ anh cũng chuẩn bị tờ giấy nằm đồng bỏ ở túi áo sơ mi để khỏi lục lọi ví khi xuống xe. Anh nói:

– Cám ơn bà.

Người đàn bà mỉm cười và quay sang bắt chuyện với chú “ế”:

– Trời mới tháng Giêng mà nắng quá.

– Bà ở còn xa không?

– Lại cái nhà đằng kia. Cái nhà ở đằng đầu đường, đứng đây ngó thấy đó.

Thuận vừa nhận sự tử tế của người đàn bà. Điều đó làm anh thêm ngượng. Ai cũng tốt ở xung quanh anh. Người thanh niên. Và bây giờ đến người đàn bà có đứa con bị trúng gió nặng. Đáng lẽ với mối lo phiền to lớn đó, người đàn bà uể oải không muốn nói gì, không muốn giúp đỡ cho ai hết. Có ai bắt buộc bà phải nhìn thấy tờ giấy bạc suýt rơi của anh đâu? Bà có thể thấy nhưng lại bỏ nhìn chỗ khác. Còn cả ba người nữa trong

xe mà. Trách nhiệm đáng để dành cho những người rảnh rỗi tâm tư kia. Ấy thế mà bà vẫn ân cần đối với người lầm lì ngồi trước mặt.

Thuận tự xét mình và thấy mình dù sao cũng đã xấu tính một cách đáng giận.

Con đường hẹp lại. Xe chạy rì rì tránh những mô đất.

– Sao lâu tới vậy? Nhà bà ở chỗ nào? Bộ bắt xe tôi chạy tới chân núi Đồng Bò sao? – Tiếng bác tài xế gắt gồng bực bội.

– Nhờ ơn bác cho xe chạy tới cái nhà kia mà. Cái nhà có đứa nhỏ đứng ngoài sân đó.

Quả ở đầu xóm có một ngôi nhà ngói cũ kỹ nơi đó một đứa gái nhỏ đứng ở gốc đu đủ chong mắt nhìn ra xe. Chắc nó nôn nóng đợi má nó về để đưa đưa

em bệnh đi nhà thương.

Xe dừng lại trước cổng. Người đàn bà nhảy phóc xuống, nhưng không đi thẳng vào cổng mà lại te tái đi nhanh về ngã khác. Bác tài hỏi to:

– Chớ không phải nhà của bà ở đây sao?

– Không phải. Nhà tôi ở... xích xích vô trong xóm kia.

Bác tài giờ hai tay lên trời, nguyên rửa những gì không ai nghe rõ. Chịu không được không khí nóng hừng hực ở mui xe dội xuống, mọi người nhảy xuống xe. Chỉ có chị đàn bà be con ngồi lì, nét mặt thất vọng rõ rệt. Chị phải lấy nón quạt lia lia cho đứa nhỏ. Những người đàn ông lợi dụng thì giờ chia nhau đứng tiểu ở các bụi cây. Chú “ết” tiểu loăng xoăng

xuống mường nước. Người thanh niên đứng gần bác tài nói chuyện gì đó nhưng dáng chừng câu chuyện rời rạc. Thuận đếm bước dưới bóng cây vú sữa đứng sát bên đường.

 Gió thổi mát. Nắng vàng rung rinh. Những đứa nhỏ trong xóm tập trung lại đứng bên xe nhón nhác nhìn, trong khi các con mắt nôn nóng chong chong nhìn về cái ngõ xóm sâu thăm thẳm rồi mất hút sau vòng rẽ. Thuận tưởng tượng thấy một đứa nhỏ nằm quẩn trong khăn kín mít và do người mẹ nặng nhọc bế đi ra. Cũng có thể là đứa con lớn hơn nằm trên cái võng, cũng quẩn kín trong một chiếc chăn dạ và do hai người khiêng. Người mẹ chạy hơi hã một bên. Nhưng tha hồ cho anh tưởng tượng, con đường vẫn vắng ngắt, mịt mù. Thỉnh thoảng có những bóng người hiện ra nhưng đều

là những bóng con nít hiếu kỳ chạy ra coi một chuyến xe bất thường. Bác tài xế sốt ruột đi cùng cậu “ết” vào thẳng trong xóm.

Anh thanh niên đi theo. Thuận không thấy bức mình vì bị mất thì giờ mà thấy lòng mình thanh thản. Có lẽ do anh bớt hối hận khi nhìn người thanh niên không còn giữ vẻ mặt hăng hái như lúc nãy. Bác tài thì chắc chắn là đang hối tiếc vì sự dễ dãi nhẹ dạ của mình. Trễ cả chuyến xe. Thuận đang mê mải nhìn một bầy cá rồng rồng dờn nước thì có nhiều tiếng người ồn ào làm anh quay lại. Bác tài xế dẫn đầu đi ra. Đến anh thanh niên. Chú “ết”. Người đàn bà lúc nãy. Một cô gái chừng mười bốn tuổi. Một bầy trẻ con. Không thấy cái vồng khiêng. Không có một cái chăn dạ xám quần sùm sụp

một đứa bé bị trúng gió nặng. Anh sốt ruột cất tiếng hỏi:

– Chớ đứa nhỏ trúng gió nặng đâu?

Bác tài gượng cười giờ một ngón tay chỉ ra đằng sau. Người thanh niên im lặng. Thuận chẳng hiểu ý họ muốn nói gì. Khi đoàn người đi lại gần xe, anh mới chột hiểu. Người bị trúng gió nặng là cô bé mười bốn tuổi đó. Cô bé béo người dầm thấp. Dáng đi vững vàng, không có triệu chứng bệnh hoạn nào cả. Tuy vậy người mẹ vẫn chốc chốc đi lùi lại đằng sau để trông chừng.

Mọi người lên xe. Bà mẹ xuýt xoa cầm cánh tay con đẩy lên xe, còn tay kia thì để hờ chuẩn bị bế. Miệng nói nhẹ và cặp mắt dịu:

– Con coi chừng. Bước lên rai rải. Con.

Cô con gái hẩy cánh tay mẹ vừa lăm bắm:

– Bà này!

Đôi lòng mày nhú lại tỏ dáng không bằng lòng. Rồi cô bước một bước đồng dạc lên xe, xoay người lại, ngồi gọn gàng. Người mẹ bước lên theo, ngồi bên cạnh. Một giỏ mây đặt kế bên đùi để lộ những trái cam mới hái, cuống lá tươi xanh chen với những cái trứng gà. Thực phẩm bổ dưỡng cho bệnh nhân.

Xe rồ máy. Lần đi ra thật khó khăn vì phải tránh một bầy trâu. Những con trâu nặng nề ngược cặp mắt hoang dại lên nhìn rồi huơ cặp sừng cong đe dọa. Thân hình chắc nịch đó, cái cổ vững vàng đó, cặp sừng nhọn sắc đó như chỉ cần sẵn tới, quất ngang một cái là cỗ xe nhào chống vó xuống ruộng lầy ngay. Vượt quá được

bầy trâu thì lo tránh một lũ học sinh ôm sách vở chạy quáng quàng trên đường về nhà. Nhìn lên cô gái ngồi đó, lũ học trò chỉ trỏ.

– A, “bà” Dậu. Bà Dậu đi Lăm-bết-ta.

– Bà Dậu lũ bay ơi.

– Ngon ghê hả? Hôm qua bà Dậu không đi học.

– Chết! Tránh... Thầy...

Lũ học trò đứng dạt ra sát ven đường. Một người trạc hăm lăm tuổi mặc sơ mi trắng đầu trần đi một chiếc xe đạp sáng loáng. Một chồng vở sách buộc ở sau xe. Lũ học trò cất mồm. Người con gái liếc nhìn qua ông thầy giáo, đỏ mặt cười bên lên rồi quay vào trong xe. Bà mẹ hỏi:

– Ông thầy giáo phải không con?

Người con gái ẩm ớ:

– Ông nào ở đâu...

– Tao nhớ ông thầy giáo mà. Chủ nhật tuần trước tao nhớ ông thầy có lại thăm cha mà ỳ mà.

Người con gái lắc đầu nhúu mày tỏ dáng không muốn nghe nói.

Xe khó nhọc vượt ra hết con đường xóm. Đến quốc lộ, Thuận nhìn đồng hồ. Hơn hai mươi phút để đi đón người “bị trúng gió nặng” này.

Xe trở về con đường quốc lộ bằng băng mở tốc lực như người tù nay được giải phóng, gặp lại bạn cũ gặp lại tình nhân, tha hồ thao thao cười nói. Gió nổi thổi vùn vụt, vùn vụt vào cửa xe. Chị bế

con nhỏ xoay trở mọi cách để cầm nón che gió cho con. Cô Dậu thì mặt mày tươi tỉnh hẳn lên, trút bỏ những nét bần thần lúc nãy.

Áo bà ba ni-lông mỏng dính sát vào da, in rõ đôi vai tròn và cánh tay vạm vỡ. Da mặt hơi rám nắng một chút và có ửng hồng nơi đôi gò má. Tóc kẹp trễ xuống lưng nên có nhiều sợi bay lòa xòa trước trán. Thuận không giấu được nụ cười khi nhìn cô Dậu đang ngồi ưỡn mặt ra gió, thò đầu ra ngoài cửa xe đón gió, sung sướng tươi tỉnh nhận gió mát tràn trề như một bông chuối nước nở đỏ ở ven bờ lạch, vật vã dưới sức đùa giỡn của gió đồng lồng lộng thổi không dừng.

BÊN KIA ĐƯỜNG

Tôi bỏ sách xuống giường. Rượu và thuốc lá chỉ còn in dấu lờ mờ, tôi suy nghĩ về trường hợp Chatterley. Nhiều uẩn ức, nhiều bức thúc, nhiều dày vò. Thân phận con người quẩn quại trong những đau khổ muôn hình, người này làm khổ người kia, ai cũng là nạn nhân vừa là kẻ tác nhân gây khổ. Người đàn bà quý phái rơi vào vòng tay của anh gác rừng khỏe mạnh, người đàn bà đó có tội lỗi không? Người chồng trí thức

sang trọng và phẩm cách cao quý đó có tội lỗi gì trong việc xô đẩy vợ mình phạm tội ngoại tình? Chiến tranh. Chiến tranh không phải là một người có một khuôn mặt và mang một danh tánh để nhận chịu trách nhiệm trực tiếp. Chiến tranh là một tập thể. Chiến tranh đã tàn phá một nửa cơ thể của hầu tước Chatterley biến chàng thành kẻ bất lực. Và người đàn bà lấy chồng không phải để chuyên môn làm y tá suốt đời cho chồng, do đó mà anh gác rừng thành kẻ phản bội và kẻ chiến thắng. Giã từ lâu đài, giậm xéo danh dự chức tước, xóa bỏ hết, đập nát hết, Chatterley phu nhân chỉ cần sống đích thực cho dầu là sống đơn giản với bánh mì, nước, không khí và tình yêu.

Tình yêu. Tôi cảm nghe như có một niềm xót xa, vừa của mình chỗi dậy như một con trăn nằm lấp dưới bao từng lá

phủ nay đột nhiên thức giấc. Nỗi phiền muộn tôi đã vỗ về cho an ổn từ lâu, nay bất ngờ vì Quỳnh và vì câu chuyện của Chatterley mà hiện hình với mọi ngõ ngách, phiền toái. Quỳnh trẻ và đẹp và khoảng cách giữa tôi và nàng khó có thể nhờ thời gian lấp bớt được. Tôi sắp đi Thủ đức. Thời gian, cuộc đời đâu còn tùy thuộc nơi tôi nữa.

Vô lý. Sao mình có thể dễ tin, dễ hy vọng ở Quỳnh?

Có phải vì mọi người đàn bà mình gặp đều khôn ngoan và tàn nhẫn nên mình tự nhiên tìm về Quỳnh như một kẻ hành nhân xông pha nắng bụi tìm về một nguồn nước mát? Quỳnh đã hiện ra trong buổi tối nay. Trước kia, Quỳnh mơ hồ, hiện diện phai mờ trong một khung cảnh bất biến: những chồng hồ sơ, hồi chuông điện thoại, những buổi sáng

chào cờ, tiếng máy đánh chữ lách cách. Phi cơ ở trên tầng cao. (Ừ nhỉ! Không ngờ tiếng ồn lại khó chinh phục đến thế. Khoa học chưa nuốt hết tiếng động cơ). Quỳnh mặc áo màu huyết dụ. Gió lạnh vun vút của một đêm đông làm màu áo chuyển hơi ấm vào người nhìn. Gió thổi tung phần phật tà áo về một phía và dáng Quỳnh mảnh mai như một ngọn lửa vươn lên. Tiệc cưới đặt ở tầng lầu hai. Tôi gặp Quỳnh ở tầng dưới giữa lúc tôi đang nói chuyện với những bạn trai. Câu chuyện không có gì đậm đà vì quá đông người và vì có vài khuôn mặt lạ chen trong đó. Lại những chuyện động viên đi Thủ đức. Khóa 18 còn 4 tháng ra trường. Khóa 19 đang gọi. Máy phát thanh đọc tên những người có lệnh nhập ngũ, mà chưa đi trình diện, nhấn nài đọc, trưa nào và tối nào cũng đọc. Câu chuyện của những người dưới 33 tuổi.

– Thằng Diễn vẫn cứ phây phây đi chơi phố. Khóa nó, người ta gọi đã hai tháng nay rồi. Ra-đi-ô kêu đích danh Trần Văn Diễn mà nó vẫn cứ phây phây đi chơi phố.

– Coi chừng có ngày quân cảnh hốt. Đêm nào xe quân cảnh cũng đi rảo.

– Dám bỏ vô Quang Trung lắm.

Câu chuyện không có gì vui. Màu xám của chiến tranh bao trùm lên khuôn mặt, dáng người và sự vật được gọi ra.

Quỳnh bỏ ngõ đứng nhìn chung quanh. Người đàn bà ngồi ở quây có đôi môi dày bôi đỏ như máu. Chiếc áo kỳ pủ thật mỏng in hình hoa màu nóng che không hết những mảnh da thịt trắng mát tròn lẳn. Ba quân nhân ngoại quốc ăn ở một góc. Đến một gia đình người

Viết đông con. Đứa nhỏ mang theo cả quả bóng và chạy luồn sau quả bóng giữa những bàn chân ghế và chân người. Hai thương gia béo phệ châu hai bên một chai rượu chắc là đắt tiền. Hai điều xì gà to như hai con mực ống.

Trên vách, những người đàn bà đẹp ngậm thuốc lá Capstan, Méliá trong những bức tranh.

Quỳnh đi lại gần tôi.

– Ông Huy có bạn đón ai ở đây không?

– Không. Cô có điều chi cần?

– Ông đưa tôi lên phòng tiệc đi.

Tôi hơi ngạc nhiên vì lời đề nghị và nhớ rằng mình vừa khiếm nhã đối với người đàn bà. Đứng nói chuyện với nhau

để một người đàn bà tự tìm đường đi một mình, người lịch sự không ai như vậy. Nhưng sở dĩ tôi không đưa Quỳnh đi lúc này, là tôi sợ người ta hiểu sai cái cử chỉ của tôi, kéo nó ngang hàng với một sự tán tỉnh thô bỉ. Vả lại, có bao nhiêu bạn đồng nghiệp bánh trai của tôi kia, họ đưa Quỳnh đi thì xứng hợp biết bao. Chàng Thanh hào hoa, đi làm luôn luôn thắt ca vát và thay sơ mi mỗi ngày một kiểu. Chàng Huấn danh ca của đài phát thanh địa phương, có mái tóc ép sấy đúng kiểu. Chàng Thuận chủ nhân của một chiếc 2CV, giáo sư khiêu vũ của các cô bạn chưa chồng. Tôi tự sắp mình vào hàng thứ bảy thứ tám trong bản danh sách những người đàn ông có mặt. Tôi nói:

– Nếu cô cho phép. Xin mời cô đi trước.

Nhưng Quỳnh không chịu bước trước và chúng tôi thành ra đi cạnh nhau.

– Ông đã biết cô dâu chưa?

– Tôi có quen.

– Đẹp không ông?

– Có lẽ điều ấy cô nên hỏi chú rể.

– Lẽ tất nhiên là chú rể khen đẹp. Tôi hỏi ý ông mà.

– Tôi biết vậy. Nhưng tôi có cho đẹp hay không thì cũng vô ích thôi. Vả lại, cô sẽ được thấy cô dâu trong mười lăm phút nữa.

Những bước thang uốn vòng quanh. Những tấm gương lớn đặt ở lối đi phản chiếu bóng hai người. Thân Quỳnh mảnh mai. Bóng tôi mặc áo quần dạ xám lấp vào những chỗ eo của thân nàng.

Lan và Thái, –cô dâu và chú rể– đón chúng tôi ở cầu thang. Áo Lan lóng lánh như kim tuyến, tôi không biết chắc đó là hàng gì. Chưa sống cạnh một tủ áo đàn bà, chưa bị nó hành hạ trong những ngày gần Tết, ngày Nô en, tôi thường lẫn lộn thứ hàng hai trăm đồng một áo với thứ hàng tám trăm đồng. Kim cương hột xoàn cũng vậy. Khi nào vớng mô nhức nhối nhận một tia sáng loé trắng, nhọn và sắc như một mũi kim dài phát xuất từ một mặt nhẫn, một vòng đeo tay, tôi thường giật mình nhìn người đàn bà có phép lạ đó và lẩm bẩm định giá «năm trăm ngàn đồng». Không căn cứ vào tiêu chuẩn nào hết mà chỉ là một con số tượng trưng. Ý hẳn có nhiều lúc tôi đã bị thủy tinh đánh lừa. Nhưng chắc chắn là Lan không đeo thủy tinh đêm nay. Ngày thường đi làm nàng có những thói quen rất đổi «học trò» là đeo những chiếc

vòng tay bằng nhôm, bằng thiếc mỏng mảnh mạ vàng lóng lánh, năm bảy chiếc một lần treo vào nhau, choàng lẫn nhau rung rinh theo cánh tay đưa. Tôi không tìm thấy giá trị mỹ thuật của món trang sức giá năm bảy đồng một chục như thế. Có phải vì quen mắt vì muốn tránh một nỗi vắng vẻ cô đơn mà con người tìm bè bạn ở nơi vòng cổ tay của mình? Lan đeo đồng hồ đắt tiền cạnh những chiếc vòng nhảm nhí đó.

Đêm nay Lan cài một mảnh vương miện trắng lóng lánh lên mái tóc, dấu hiệu cô dâu. Khuôn mặt thanh tú xứng đáng với một sự trang trọng có đôi chút kiểu cách.

Lan tiến đến cầm tay Quỳnh:

– Xin mời chị vào.

Rồi nàng nghiêng mình chào tôi, tự nhiên như khi chào một người bạn đàn ông trung bình. Không có một chút rụt rè, hồi hộp chút nào. Làm như tôi không phải là người đã từng hôn nhiều lần hôn trên đôi môi tô son đỏ. Làm như nàng không phải là người đã từng nép trong cánh tay tôi mà thỏ thẻ: “Em muốn chúng mình sẽ có một đứa con gái đầu lòng và em đặt tên là Mai Chi. Sao em yêu cái tên Mai Chi lạ.” hoặc “Em thích căn phòng của chúng mình sẽ quét vôi màu xanh nhạt và rèm cửa một màu xám, chũng nhạt. Y như căn phòng của Nữ hoàng Elizabeth”. Tôi không biết đích xác màu tường và màu rèm của nữ hoàng và tôi nghĩ rằng nếu một tuần sau nàng đổi ý kiến muốn tường và rèm cửa giống màu của căn phòng Tổng thống Phi luật tân tôi cũng sẽ không phản đối.

Lạ thật. Người đàn bà có một loại thuốc tẩy tinh vi có thể xóa hết mọi dấu vết tình cảm trên tâm não của họ.

Nàng nói:

– À! Anh Huy. Cám ơn anh đã đến. Anh Thái, đây anh Huy. Làm thơ hay một cây.

Làm thơ! Tôi đã thành thật và ngu si, – thành thật có họ hàng với ngu si trong nhiều trường hợp – viết bốn câu thơ để tả nỗi khắc khoải nhớ nàng rồi cặm cùi ngồi chép gởi cho nàng. Nàng đọc thơ, cánh mũi phập phồng. Có thể vì tự ái được môn trớn, nhưng hôm nay thì rõ ràng là nàng đang chế diễu tôi.

Tôi bắt tay Thái, mỉm một nụ cười vừa phải rồi nện mạnh gót giày xuống sàn nhà để bước theo sau Quỳnh. Tôi gửi

theo gót giày những lời căn dặn dặn dũ: Bạn sau đừng đại như thế nữa. Đại lắm. Với đàn bà, chỉ nên dùng tiếng nói để biểu lộ tình cảm mà thôi. Khẩu thuyết vô bằng. Chớ đại mà ghi bằng chữ viết.

Quỳnh đi thẳng lại một góc phòng. Tôi kéo ghế mời nàng ngồi rồi đưa mắt tìm chỗ nào có nhiều bạn quen đàn ông để lại ngồi chung với họ. Nàng ngược nhìn tôi rồi chìa tay chỉ cái ghế bên cạnh:

– Ông có thể ngồi cạnh tôi. Hôm nay tôi muốn được nghe ông nói chuyện.

Tôi ngoan ngoãn ngồi xuống.

Câu nói vừa rồi của Lan đã xáo trộn óc tôi làm tôi hơi choáng váng. Đôi chân vụt nhiên thấy mỏi và tôi cần một chỗ ngồi, chỗ nào cũng được. Tôi vừa chạm phải một người đàn bà và tôi đang coi

thường họ. Vậy thì ngồi cạnh Quỳnh hay ngồi cạnh một chậu cây, một cái tủ lạnh thì cũng như nhau. Quỳnh hỏi:

– Ông có nghĩ rằng chỗ ngồi này tốt không?

– Tốt lắm, tôi tưởng thế. Chúng ta có được cái nhìn bao quát căn phòng.

Hoa lai ơn mà trắng và màu tím lịch sự trang nhã ở mọi bàn. Đó là màu hoa Lan thích. Tôi nghĩ: Lan chu đáo, lo đến cả việc chọn màu hoa trong tiệc cưới của mình. Thật là người sung sướng.

Tôi nhìn lên tường. Ảnh của ông Tôn Văn bệ vệ tô màu xanh màu đỏ. Trước đây có treo kèm ảnh của Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng tô màu xanh đỏ. Từ ngày đảo chính, chưa có bức ảnh nào thay thế. Một bài văn chữ Hán nét bút sắc sảo tán

tụng nghệ thuật ăn. Tôi lỏng lỏng đọc và nhớ được những chữ «dĩ thực vi tiên». Mỗi lần đọc bài «tán» đó, thực khách cứ muốn gọi bồi mang thêm bồ câu rán, gà rút xương, vây cá nấu măng tây, kim tiền kê và rượu vang. Đời người như gió thoảng như chiêm bao, lâu đài tàn phế danh vọng phù vân, vậy sống được ngày nào thì cứ ăn cho thích khẩu. Bài «tán» bảo như vậy nhưng hôm nay quả tình là tôi không có thích thú gì để đợi chờ món ăn hết. Thực đơn đặt trên mặt bàn cạnh tôi nhưng tôi không buồn cầm lên đọc. Đi dự đám cưới của Lan chứ đâu phải dự đám cưới của người khác.

Quỳnh quay người nhìn tôi:

– Lúc nãy ông nói dối tôi. Tôi biết rõ là ông quen nhiều với cô dâu.

Tôi lặng im.

– Có phải thế không?

– Vâng.

– Hai người có yêu nhau nữa.

Tôi mỉm cười không nói. Hai người có yêu nhau nữa! Người bàng quang thật tò mò và tinh mắt.

– Thế tại sao hai người không đi đến hôn nhân?

Tôi xoay một chiếc nĩa đặt trước mặt và tôi âm thầm tự giải thích cho tôi: «Phức tạp lắm. Phức tạp lắm». Thực tế thì chả có gì phức tạp hết. Khi tôi được hoãn dịch vì lý do con một thì Lan hăng hái yêu tôi. Khi chính phủ điều chỉnh lại quy chế động viên. Tôi được lệnh phải đi Thủ đức thì Lan chọn Thái thay tôi. Thái vừa được giải ngũ chừng vài tháng nay. Mới thoáng đó mà Thái đã làm xong bốn

nằm quân dịch. Từ xạ trường Thủ đức lần đi khắp các nẻo chiến trường. Thái vạm vỡ và bạo dạn không sợ khó nhọc, không sợ đàn bà như hồi còn ở văn phòng. Trước ngày động viên, Thái còn đỏ mặt mỗi lần nói chuyện với đàn bà và hai bàn tay cứ vịn vào nhau. Bây giờ thì Thái có nhiều kinh nghiệm để mà chinh phục họ. Thái hút «píp», đánh xì tấy và khiêu vũ. Mỗi kỳ nghỉ phép rời mặt trận về đô thị, Thái biết tiêu hết nửa tháng lương để la cà ở các phòng trà và hộp đêm. Đàn bà thời bây giờ thích những người đàn ông «chịu chơi hết mình» như vậy. Các cô bạn gái thường bao vây Thái bắt tổ chức du ngoạn và nhờ dạy nhảy. Tôi xót xa nhưng không lấy làm lạ khi nhận thiệp báo hỉ của Lan–Thái. Hôn nhân đời nay đi mau với tốc lực siêu thanh của phi cơ phản lực. Khi nghe tiếng nổ thì máy bay đã vượt xa mình rồi.

Lan xem thế mà thực tế. Tình yêu và hôn nhân phải trả lời đủ những câu hỏi của một bản trắc nghiệm:

- Lương căn bản là bao nhiêu?
- Còn mẹ chồng không?
- Có nhà riêng hay phải ở nhà thuê?
- Đi xe bốn bánh hay hai bánh? Nếu là hai bánh thì Vespa Italy hay xe gắn máy?
- Có nằm trong lứa tuổi động viên không?
- Có hội đủ những điều kiện được hoãn dịch không?

Vân vân.

Hai câu hỏi sau được nhiều điểm hơn hết. Thái hơn điểm tôi cũng là nhờ

hai câu hỏi sau đó. Trừ trường hợp tổng động viên, còn thì Thái được an nghỉ trở về ngôi đều đặn giữa bốn bức tường ở sở và ở nhà. Tôi thì trái lại tôi sắp rời bỏ sự an ổn để lăn lộn ở chiến trường. Thân phận tôi đang được treo lơ lửng. Cố nhiên là Lan không muốn treo lơ lửng đời nàng vì tôi. Bàn tính tương lai với người chồng ngồi cạnh mình nhất định là dễ chịu hơn phải viết thư ra tiền tuyến. Không mấy ai muốn lấy chồng để được làm chinh phụ.

Tiếng Quỳnh khe khẽ bên tai tôi.

– Ông Huy, có phải ông không vui vì phải ngồi tiếp tôi không?

Tôi quay lại:

– Sao cô bảo thế?

– Vì ông không muốn trả lời những câu hỏi.

Tôi ngập ngừng:

– Đâu có phải tôi không muốn trả lời. Nói rằng tôi chưa tìm được câu trả lời thì phải hơn.

Lan thỉnh thoảng đưa mắt nhìn sang tôi và Quỳnh. Tia mắt như xoi mói dò xét. Quỳnh không đẹp bằng nàng nhưng hiện giờ Quỳnh đang tự do và tôi đang cô đơn.

Giọng hát của Sylvie Vartan ở từng lầu dưới đưa lên, khắc khoải, hối thúc, ghen ngào. Giọng hát phức tạp như tâm hồn con người, vừa mơn trớn dễ dàng tôi, vừa làm khơi động những mạch sâu. Tôi tê đi trong tiếng hát kêu thương đó và tôi cứ muốn nói lắm nhảm một mình,

nói chỉ để cho mình nghe hoặc chỉ gật gù nghĩ mà không nói: Lan ơi, tiếng hát nức nở chỉ còn một mình anh nghe thôi. Người có hạnh phúc như em còn tại đâu, còn tâm hồn đâu mà nghe, mà rung động. Em hiện giờ đang tươi cười bắt tay khách vừa lo sao cho ly tách khỏi vỡ trong bữa tiệc, lại vừa hãnh diện vì những người đàn bà có mặt chưa có ai đẹp hơn em. Anh xa em... xa em. Em nhớ không, ngày xưa em nói: Nếu chúng mình không lấy được nhau thì anh đừng lấy ai anh nhé? Em cũng sẽ không lấy chồng đâu. Em sẽ để tang cho anh khi anh chết.

Hãy để tang cho anh đi, hôm nay. Nhưng chỉ còn mình Sylvie Vartan khóc than kể lể hộ anh. Và Quỳnh đi đưa.

Tôi nhìn sang Quỳnh đang ngồi cạnh. Trước mặt tôi, bát vây cá nấu cua và măng tây. Quỳnh đang trải khăn ăn

đặt lên đùi. Đùi Quỳnh thon thon in hằn dưới mặt áo mỏng. Tôi cũng trải khăn và nhúng muống vào bát. Thịt cua ngọt và có mùi thơm mát của biển rộng. Quỳnh suýt suýt vào tai tôi:

– Chết! Chưa tuyên bố khai mạc.

Dây thần kinh của tôi đã rồi thành nùi thành cuộn rồi. Tôi nghĩ: Hãy gạch xóa Lan đi. Tạm thay Quỳnh, đêm nay. Mắt tôi nhìn xuống bàn tay Quỳnh, đi dọc theo cánh tay lên ngực, lên cổ. Một nốt ruồi đậu ở cằm.

Những cặp vợ chồng an phận, những người đàn bà và đàn ông lẻ loi đưa mắt lục soát mọi người ngồi trước mặt, xung quanh.

Họ nhà trai nhà gái, chú rể cô dâu quây quần tiến ra máy vi âm. Diễn văn

khai mạc. Võ tay. Đáp tù. Võ tay. Tôi chập chờn nhớ những chữ.. “..traí tài gái sắc... bách niên giai lão... loan phụng hòa minh...” Tất cả đều đẹp, toàn vẹn, lý tưởng. Người ta không quên vẽ ra trước mắt một bầy con kháu khỉnh khỏe mạnh để cô dâu chú rể theo đó mà cố gắng sản xuất. Có một đoạn diễn văn nói đến trách nhiệm của đôi tân hôn nhân: xây dựng gia đình để làm nền tảng kiến thiết xã hội. Nhiều trách nhiệm quá nên chắc chắn là đôi vợ chồng mới không thể nhớ hết, làm hết. Điều phải nhớ cấp thiết là lo chạy tiền thuê trả trước nửa năm và mua cái giường bề ngang một thước sáu.

Cuộc ăn uống vốn vã bắt đầu. Những người hầu bàn đứng canh chừng ở mọi góc phòng. Quỳnh rót whisky mời tôi và nàng nhận một ly coca có pha bia do tôi mời lại.

– Ông nên say trong bữa tiệc hôm nay.

– Cô cũng vậy. Cô cũng phải say như tôi.

Tôi chỉ lên bài văn viết bằng chữ hán trên vách:

– Bài văn kia tán tụng sự ăn mà không ca tụng sự say.

– Ông hiểu vì sao không?

– Có lẽ vì khi say người ta hay nói bậy bạ và hành động bậy, nên chủ tiệm không khuyến khích.

Quỳnh gật gù:

– Có thể. Người say hay phá phách và gây sự. Cũng cần có thêm một lý do này nữa, lý do quan trọng: «đó là khi hân say hân sẽ quên trả tiền, hoặc hân tưởng

là hẩn có một nghìn đồng khi trong túi chỉ còn hai trăm.»

Tôi thú vị cười với Quỳnh.

– Ông đã say nhiều lần chưa?

– Ít lắm, tôi sống có chừng mực nên không cần đến rượu.

– Thế nghĩa là?

– Nghĩa là người ta cần nhờ đến rượu khi đã trót say vì một cái gì khác mà không toại nguyện. Say vì tình nhiều nhất. Say trong ảo vọng, trong tuyệt vọng. Tôi mới thất vọng chứ chưa tuyệt vọng.

Tròng đen của mắt Quỳnh ngược lên nhìn tôi và tâm hồn tôi chao đi, chết đuối trong hai chấm đen chập chờn đó. Một cảm giác ấm áp choàng lên mặt, lên ngực, tôi nghĩ chắc đó không phải vì rượu.

Những món ăn kế tiếp, món nào cũng ngon cũng trình bày lạ và đẹp mắt. Thần kinh lưỡi tha hồ mà báo tin về trung khu cảm giác. Nhiều giọng ca miễn cưỡng. Nhiều giọng ca cố ý làm ra miễn cưỡng nhưng thực tình đã chuẩn bị sẵn và không được hay. Thừa lúc cử tọa nhốn nháo, tôi lên ra khỏi phòng, đi thẳng lên sân thượng. Chân không được vững và đầu hơi choáng váng. Gió đêm mát thổi từ mặt sông đen. Đèn phố chi chít, cuộc sống choàng lấn vào nhau ở dưới chân tôi. Tranh giành. Âu lo. Đau khổ. Tôi nhìn lên nền trời rộng rãi. Màu đen làm đêm thêm dày. Bí mật. Câm nín. Và con người cảm thấy lẻ loi, bơ vơ. Một mảnh trăng lưỡi liềm úa héo cài lưng lơ. Một năm sau, tôi sẽ đứng ở một góc gác giữa lưng đèo, trên chòm núi, ven bờ rừng để nhìn lên vòm trời như đêm nay với mảnh trăng úa héo. Và ở nơi đô thị

xa này, Lan và Thái an ổn cạnh một bóng đèn điện sáng mát. Những người đàn ông, –Thái và tôi– phải đổi phiên cho nhau. Đàn bà được ở một chỗ để đón nhận và chọn lựa.

Tôi kêu lên những tiếng khoắc khoải:
Lan, Lan, Lan.

Có tiếng giày bước lên bậc thang và mùi nước hoa ngọt ngào. Quỳnh lại gần tôi:

– Chị Lan tìm ông để mời ngâm thơ nhưng không ai tìm thấy ông ở đâu. Người ta đoán ông đã đi về trước.

– Ở dưới đó người ta đang ở mục nào rồi, cô?

– Đang kể chuyện vui và ngâm thơ. Sao ông lại lên đây?

– Thay đổi không khí một chút. Còn cô?

– Cũng như ông vậy. Tôi không chịu được khói thuốc lá.

Ngừng một giây, Quỳnh nói:

– Lúc này anh Thái và chị Lan có song ca một bài. Tình tứ lắm. Anh thì: «núi cao anh cũng trèo, sông sâu anh cũng lội, vạn đèo anh cũng qua» còn chị thì «gió lay cành đa, em thương, em thương, em thương anh thật thà...».

Tôi bật cười gật gù nhìn Quỳnh.

– Khi say, – tôi nói – người ta xông xáo vào đời mà không cần mặc cả. Hôn nhân cũng làm cho người ta say như Johnny Walker.

Quỳnh ngắt một đóa hoa lài ở bụi hoa cạnh đó trao cho tôi.

– Hình như tháng năm này ông phải đi Thủ đức?

– Vâng.

– Có phải vì thế mà cuộc hôn nhân của ông với chị Lan không thành?

Tôi không muốn dối nữa.

– Có lẽ cũng vì đó một phần.

– Ông nghĩ rằng chiến tranh có thể cản trở người ta yêu nhau?

– Vâng, tôi nghĩ như vậy.

– Tôi thì không cho như thế. tôi nghĩ rằng khi người ta yêu nhau rồi thì chiến tranh, tàn phế, chết chóc... không còn mãnh lực nữa.

– Đó phải là một tình yêu lý tưởng chỉ có ở thế kỷ trước.

– Ông bi quan. Tôi thấy tôi có thể yêu, đợi chờ và nếu vạn nhất mà người yêu của tôi tử trận, tôi cũng không hối tiếc vì mình đã chọn lựa con đường đó.

Tiếng ghế xô đẩy ồn ào ở phòng tiệc. Tôi nhìn đồng hồ và nghĩ rằng người ta đang ra về. Tôi nói:

– Tiệc vẫn rồi, mời cô xuống trước. Và chúc cô một giấc ngủ êm đềm.

– Ông nhớ viết thư cho tôi dù ở Thủ đức hay đi theo đơn vị.

Bàn tay nàng vẫn đặt lên trên mép của chậu hoa ở cạnh tôi. Tôi muốn cầm bàn tay đó, giữ chặt giữa lòng bàn tay mình.

Nàng chậm rãi bước xuống thang gác, đi lẫn vào đám đông. Tôi đợi một lát sau mới xuống theo...

Rượu mạnh và khói thuốc làm tôi trần trọc trên giường không ngủ được. Tôi bật đèn giường mò lấy quyển sách. Đó là quyển “Người tình của Chatterley phu nhân” tôi đang đọc dở dang. Chatterley. Chiến tranh. Lan. Quỳnh. Tôi bơ vơ. Quỳnh. “... Tôi có thể yêu, đợi chờ và nếu vạn nhất mà người yêu của tôi...” Chatterley phu nhân cũng định làm như vậy. Cũng muốn hy sinh cuộc đời mình để sẵn sóc cho người chồng đức hạnh. Nhưng cuộc đời... Cuộc đời...

TRỞ VỀ

Xe len lỏi giữa những lỗ thủng. Con đường bị đào khoét rậm quá. Số lỗ thủng nhiều đến nỗi đôi cánh tay ôm vô lăng của Luy hết xoay qua đến quay trả lại, quay có cái đến nửa vòng lia lia như một người lái xe thi đoạt giải ở hội chợ. Bánh xe phải tránh những cái ổ gà chi chít. Luy quay sang tôi:

– Hôm trước ở Sài Gòn ra bị kẹt máy bay, phải đi xe đò. Khi xe tới Phan Rang, một bà hành khách hỏi người tài xế:

“Đường từ đây ra Nha Trang còn mấy trăm cây số nữa ông?” Tôi đổ anh, ông tài xế trả lời thế nào?

Tôi ngẫm nghĩ chưa trả lời. Luy hay đặt những câu hỏi bất ngờ, tưởng dễ mà hóa khó và nhiều khi tưởng khó tôi loay hoay moi óc tìm lời giải đáp thì câu trả lời lại quá đơn giản, gần như hiển hiện ra trước mắt. Luy cười xòa, thấy tôi đang nhúu mày.

– Thôi, tha cho anh kỳ này. Ông tài xế trả lời rằng: “Đường còn năm mươi cây số nữa”.

Tôi phản ứng:

– Đường Phan Rang – Nha Trang tới một trăm mười cây số mà.

– Đồng ý. Nhưng ổ gà lỗ thủng chiếm mất sáu mươi cây.

Luy quay mặt gần tôi cười thú vị và tôi cũng thích thú cười theo. Những nhận xét thông minh kích thích niềm vui của tôi như rượu và thuốc lá. Tôi yêu vẫn vợ anh tài xế thông minh đó.

Hồi sáng, khi mang hành lý ra xe, tôi để cái vét-tông ra ngoài, định lên đèo Ngoạn Mục là choàng vào. Luy nói:

– Đưa đây tờ báo. Mau lên.

– Làm gì? – tôi hỏi.

– Gói cái áo này lại. Gói kỹ. Anh không thể tưởng tượng con đường sẽ bụi bặm đến mức nào. Cái sơ mi của anh sẽ vàng. Cái áo vét-tông của anh sẽ mốc. Luy vừa nói vừa gói cái áo, đem bỏ trên nệm xe.

Khi đến Mỹ Ca, xe chúng tôi phải nối đuôi một cái xe chở dầu mười bánh dài

ngoãng do một quân nhân Mỹ lái. Mỗi lần phải tránh một chiếc xe đi ngược chiều, chiếc xe Mỹ đi sát vào lề đường và bụi tung lên mù trời. Chiếc xe đi ngược chiều cũng lái sát lề và cũng tung bụi phàn nó. Tha hồ tung bụi, chẳng ai cấm ai. Cứ chừng mười phút là gặp một đoàn công-voa. Tiếng còi thét. Những chiếc xe nhà binh cao ngều nghện mở đèn giữa ban ngày như dọa thân xe nhỏ nhắn của chúng tôi. Qua màn bụi dày, lơ mờ hình dáng những người lính ngồi trầm ngâm nhìn ra hông xe, nhìn ra sau xe, tay khư khư ôm súng.

Chiến tranh đã gặm nát đến cả con đường quốc lộ, con đường giao thông chính, đại động mạch của miền đất này. Ở các thôn xóm xa, sau lớp cây xanh lặng yên, sau những dãy núi trùng điệp nằm dán sát chân trời, chiến tranh ra sức tàn

phá. Nhìn qua kính xe thấy có ba chiếc phản lực cơ đi thành hàng về một nẻo xa ở chân trời phương Tây. Ba chiếc tách rời ra rồi luân phiên nhào xuống. Chết chóc ở nơi đó. Sự chết từ trên cao rơi xuống, theo chiều ngang tràn xuyên qua, từ dưới đất vọt lên.

Có những đoạn đường đang được vá vúi lại. Ở mỗi chặng như thế có chừng năm, sáu người phu. (...Kiểm duyệt bỏ...) Những người đàn bà và những đứa con nít đó làm việc chậm chạp âm thầm.

Trước mặt chúng tôi, chiếc xe chở dầu vẫn lầm lũi chạy. Luy định lách chạy trước nhưng cứ mỗi lần chuẩn bị thì đều thấy ở đằng trước một chiếc xe lùi lũi chạy lại. Cuối cùng anh nói:

– Thây kệ. Để cho nó chạy trước dò đường dùm mình. Cứ nhìn nó là đủ biết

đoạn đường nào lỗi lổm cần chạy chậm

Luy có những sáng kiến bất ngờ như vậy. Có nhiều đoạn chiếc xe chở dầu nhẩy chồm chồm lên. Khi chạy lại gần, chúng tôi thấy con đường lở lói dày đặc, không có chỗ tránh. Phải chạy chậm lại. Thân xe rùn rẩy vật vã. Luy lẩm bẩm:

– Ổ gà tập trung về đại hội ở đây. Chết chết, chỗ kia nữa. Đại hội ổ gà nữa.

Có những đoạn con đường nhựa uốn lên lượn xuống như đợt sóng. Như mặt tôn dợn sóng dùng để lợp nhà. Nhờ chiếc xe chở dầu báo trước, Luy lại cho xe chạy chậm.

– Tay lái nào chạy ẩu qua đây thẳng không kịp dảm gãy sườn xe lắm – tôi nói. Nên mình càng biết ơn chiếc xe nhà binh chở dầu đó.

Ba Ngòi. Kinh đô của bụi. Bụi vàng. Bụi đỏ. Gió thổi cuốn bụi xoay thành cột, di chuyển trên cánh đồng. Những trại lính. Những sân máy bay. Xe ủi đất. Xe vận tải, tám bánh, mười bánh. Trên cánh đồng mênh mông khô cháy, cứ chỗ nào có bụi cuốn lên là y như có một chiếc xe nặng nhọc lầm lũi chạy. Quán giải khát chạy thành dãy dài. Kiểu nhà giống nhau, vách dựng bằng tôn màu xanh. Quán nào cũng trống vắng. Tấp nập chỉ dành về đêm, các cô chiêu đãi viên chắc giờ này còn ôm nhau ngủ. Những hộp giấy, những lon nước giải khát màu lòe loẹt bỏ vãi từng đống. Di tích sinh hoạt của những quân nhân Mỹ.

Xe phải qua nhiều trạm kiểm soát. Trên bảng đề là “kiểm soát tài nguyên”. Xe du lịch được đi thẳng, xe đồ phải ngừng lại trình danh sách hành khách

có ghi số thẻ kiểm tra. Thế là chỉ kiểm soát người. Người có thể được coi như là tài nguyên. Trong một nước bị tàn phá thì tài nguyên còn sót lại là con người, con người với hai bàn tay. Thỉnh thoảng có tấm bảng đề: ICE SELL HERE hoặc HERE ICE, hoặc hình vẽ một bàn tay có ngón chỉ về chữ ICE. Một người đàn bà héo hắt ngồi bên cái thùng gỗ cạnh tấm bảng. Có tấm bảng đề VEHICLES WASHING. Một hai người đang xịt vòi nước rửa xe. Người quân nhân Mỹ, – ý hẳn là tài xế, – ngồi hút thuốc bên cạnh. Khói bay lên ở nơi này, nơi kia. Luy nói:

– Tụi Mỹ nó có cái tật hay đốt. Chẳng biết đốt cái gì mà cứ ngày nào cũng có chuyện để đốt. Hễ thấy Mỹ là thấy khói đốt.

– Giấy bọc, hộp bìa cứng. Chắc chắn không phải là những tài liệu cần hủy bỏ.

– Anh có nói tôi mới nhớ. Việc thủ tiêu tài liệu cũng đòi hỏi rất nhiều kỹ thuật khoa học. Hãng thầu của tôi đã có lần được giao phó việc xây những cái hầm tinh vi để đặt lò đốt tài liệu. Tài liệu vừa là giấy, vừa là phim. Hàng tấn tài liệu như vậy, không phải dễ mà đốt cho cháy tiêu, đốt cho thật mau, đốt cháy tan tành không còn chút dấu vết.

Xe qua trạm kiểm soát của quân đội Mỹ và quân đội Đại Hàn. Những con mắt dò hỏi. Căn cứ theo tiêu chuẩn nào mà tin để cho qua hay nghi để giữ lại? Những người lương thiện cũng hồi hộp. Nếu người lính canh đó bắt xuống xe, giữ lại chỉ một mình mình ở giữa miền hoang vu này thì mình sẽ đối phó làm sao? Giải thích trình bày bằng thứ ngôn ngữ nào?

Tháp Chàm. Đây đầy những Snack bar và tiệm giặt. Tên cửa tiệm là những tên Hoa Kỳ: Mickey bar, Melody bar, Ohio laundry service... Chữ viết nhiều kiểu, nhiều màu lòe loẹt chói chang: xanh dương, xanh lá cây, đỏ, da cam, vàng. Mỗi song cửa một màu, mỗi lá sách một màu. Người Mỹ thích màu lòe loẹt hay người Việt ta tưởng vậy? Tôi nghĩ đến những cái chuồng bồ câu sơn phết nhiều màu, vẽ vờn rần rì để dụ những con chim.

Đi qua con đường quốc lộ số 11, tâm hồn tôi chợt thấy âm u. Con đường kỷ niệm. Những thôn xóm yên lặng nằm hai bên đường như chưa bao giờ biết đến sự đổi thay. Mái nhà xám đen và vách đất cũng xám đen. Đồng Mé. Luy nói:

– Miền này hồi nhỏ tôi có ở, nhưng ở mãi trong xóm sâu kia. Xung quanh là người Thượng. Ở đây đặc biệt có những

khoảng đất mọc đầy cà chua. Tha hồ hái, hái không hết. Lại có những khoảng đất mọc đầy ớt. Người Thượng họ không hái trái ớt đem về nhà mà họ nhổ luôn cả cây ớt. Lấy lá ớt làm rau ăn luôn.

Thật là những người sung sướng – tôi nghĩ.

– Vùng này có nhiều trăn. Hồi đó ông già tôi hay đặt mua trăn để lột da gửi xuống Sài Gòn. Người Thượng bắt trăn đem đến bán. Khi tập trung chừng được mười con mới mổ một lần.

– Mổ lấy da rồi còn thịt làm gì?

– Thịt cho đồng bào Thượng. Họ đem về chặt khúc phơi khô ở trụ hàng rào. Tha hồ ruồi và ong đến bầu, đục khoét, xâu xé.

Cầu Tân Mỹ. Chòi canh cao bay phất

phơ lá cờ. Một người lính ngồi ôm súng nhìn không gian chập chùng đồi núi. Lô cốt. Trại lính. Hai mươi năm trước đi ngang qua đây cũng đã thấy chòi canh, lô-cốt và trại lính. Người dân không có thì giờ nghỉ ngơi. Hai mươi năm đủ để đào tạo một thế hệ. Người lính đang ngồi trên chòi canh đó có thể là con của người lính tôi đã gặp hai mươi năm trước, đứng canh gác cầu này. Các thế hệ kế tiếp nhau đã chuyển cho nhau tiếng nói và cây súng. Nước chảy dưới cầu. Những đồi cát nằm im giữa lòng sông.

Luy chợt hỏi:

– Đã mấy năm nay anh không lên Đà Lạt bằng đường ô tô?

Tôi lẩm nhẩm làm con tính trừ.

– Sáu năm.

– Sáu năm! – Luy la to lên, ngạc nhiên như anh vụt thấy một con tê giác đi nghênh ngang giữa đường Lê Lợi.

Luy sẽ ngạc nhiên đến mức nào nữa nếu tôi nói đúng sự thật? Sự thật là: không phải sáu năm mà đã mười năm rồi. Mười năm là khoảng thời gian đủ để biến đổi một đời người. Từ ngày Bảo mất đi, tôi không muốn trở lại thành phố này. Những con đường, những đôi thông sẽ nhắc đến những ngày cũ. Luy nói:

– Sắp đến Krong Pha. Quãng đường này ít bảo đảm hơn hết.

Krong Pha. Giang san của củi rừng. Chỗ nào cũng có cành cây. Củi khô nằm ngổn ngang. Tự nhiên thấy thêm một mối lửa. Những cành củi đó sẽ cháy rần rật tỏa ra một sức mạnh khủng khiếp. Những cây dầu nhỏ mọc rải rác. Lá to

như tai voi. Krong Pha, ải địa đầu của ánh nắng nhiệt đới. Từng nhóm ba, bốn người phu lục lộ sửa đường ngồi tụ họp trên những thân cây ngã, trên những đồng củi. Màu áo nâu mốc và màu da khô sạm, hòa hợp với màu lá, màu vỏ cây khô. Từng đoàn xe xuôi ngược vút qua và cuộc đời những người ngồi đó như đứng dừng lại một chỗ, buồn và tối. Những vùng đời không có lối chảy tựa hồ những vũng nước tù hãm.

Xe leo lên đèo. Những vòng cua liên tiếp. Cuộc leo đèo nhẩn nại trì chậm. Không khí bắt đầu mát ở ngoài xe, tôi giơ cánh tay ra ngoài, thò đầu ra ngoài. Cây thông đầu tiên! Những bụi dương xỉ xanh tươi đầu tiên. Mũi xe uốn lượn theo con đường quanh co. Đèo Ngoạn Mục. Thông mọc dày hơn. Rừng tranh cao. Đơn Dương. Hồ nước Đa Nhím.

Thành phố không thay đổi bao nhiêu. Những khu vườn rau nhỏ lấp vào khe thung lũng hẹp. Giàn su-su xanh mát. Con đường này, những ngày đầu kháng chiến tới nay tôi hay đi. Tôi còn nhớ rõ những đoạn đường tắt xuyên qua sườn núi.

Trạm Hành. Hiệu buôn của người Hoa kiều vẫn một màu trắng bần, cũ kỹ như ngày tôi gặp nó đầu tiên. Chắc chắn cái quầy hàng vẫn nằm im chỗ cũ, vẫn những hộc đựng thuốc Bắc, những ngăn tủ bày cao đan hoàn tán, nhang và giấy tiền vàng bạc, mì bún, xà phòng, bóng đèn, guốc dép... Cảnh và vật chịu đựng với thời gian dai sức hơn người. Nhà bà Bohner! Còn đâu nữa những ngày tôi ngồi ở ban công nhìn xuống rừng núi chập chùng dưới tầm mắt mình. Nơi đây tôi đã sống những ngày buồn. Bao nhiêu

năm tháng đã trôi qua. Tôi muốn tìm một cái gương để soi nhìn bóng mình. Tôi muốn nhìn lại bóng dáng mình bước những bước cô đơn trên con đường heo hút này, trên lối đi trải đầy lá ngo rưng này, trong khu vườn nhỏ mọc rải rác những bụi cà phê, những thân hoa anh đào, hoa hương mộc. Xa lạ và cách biệt biết bao giữa hai bức ảnh đó.

Cầu Đất. Đồi chè nối tiếp. Những bụi chè tròn trịa xanh mướt nằm khoảng cách đều đặn. Con đường lại lên xuống quanh co. Rừng thông và rừng thông. Những ngôi nhà bằng ván. Má phúng phính màu hồng rậm nắng của những cô gái. Áo len choàng trên vai những người đàn bà. Con đường vui vì tấp nập. Nhà liên tiếp và người đông đảo.

Trại Mát. Chợ, xe ba bánh, cửa hàng tạp hóa. Nhiều người tập trung trước

một hiệu buôn gạo, tay cầm thẻ gia đình. Nếp sống đặc biệt của thành phố. Thành phố đã bắt đầu. Đại lộ Trần Hưng Đạo: Biệt thự. Biệt thự. Dấu vết sáng tạo của người Pháp, khung cảnh của Auvergne, Gascogne. Người Pháp đã kịp thời xây dựng một thành phố Đà Lạt trước khi ra đi. Không một thành phố ở trung châu nào nhắc nhở đến họ mạnh mẽ cho bằng Đà Lạt.

Luy có việc phải đi thẳng Sài Gòn. Nhân mừng rỡ khi tôi gõ cửa bước vào nhà.

– Anh mới lên hả? Sao không đánh điện cho cho em biết để em đi đón? Anh đi bằng Air Việt Nam hả?

Hoa cắm ở bàn xa-lông, ở bàn ăn. Màu tím của hoa lai ơn gói những nỗi buồn đậm. Nhiều rèm ở khung cửa sổ.

Da mặt Nhàn trắng mát khi tôi đứng lại gần cầm bàn tay nàng đưa ra bắt. Nhàn là bạn của tôi và của Bảo.

– Trông anh trẻ ra so với hồi em xuống thăm anh năm ngoái.

Tôi cười:

– Nếu cảm tưởng đó không vì xã giao mà có thì là vì khí hậu của miền cao nguyên. Khí hậu cao nguyên làm cho người ta trẻ đi. Thắt ca-vát và mặc com-lê vào thì con người có hy vọng đẹp thêm vài chục phần trăm.

– Em không xã giao đâu. Cái lý do thứ hai có lẽ đúng.

Năm ngoái, Nhàn xuống miền nhiệt đới thăm tôi. Mồ hôi và ánh nắng làm mệt nhoài con người, làm tóc râu bơ phờ, làm tia mắt lơ đãng. Tôi hỏi:

– Hữu đâu?

– Ở với vợ hai. Em cho Hữu tự do ở với vợ hai.

– Máy đứa nhỏ?

– Cho ở nội trú hết. Em ở một mình. Thong thả như một con chim.

Không phải là một con chim có hạnh phúc, tôi nghĩ vậy. Gia đình này tan rã chỉ vì giàu, giàu gấp rập, vội vã, bất ngờ. Đang buôn thua bán lỗ, tôn sắt chất đống nghẹt kho thì chợt vật giá lại cao vọt lên, hàng họ khan hiếm. Tha hồ kiếm tiền. Tiếp theo sau, tiền đẻ ra tiền và cặp vợ chồng này trở thành mười lần triệu phú. Hữu chạy theo đàn bà, bao gái nhảy, chiếm đoạt vợ người khác. Khi thành công được trong địa hạt tài chánh, người đàn ông thường tăng thêm tự tin để xông

xáo vào các địa hạt khác. Có người thì nhẩy ra làm báo. Có người thì chột thấy mình có nhiều kiến thức chính trị nên nhất định ứng cử vào Hội đồng Tỉnh, vào Quốc hội. Những tấm danh thiếp được lật đặt in lại, ghi thêm chức vụ mới. Địa hạt ái tình thì dành chung cho mọi người. Đồng tiền làm cho họ đẹp đẽ và hoạt bát. Đàn bà cũng vậy. Nhàn có mặt trong những buổi tiếp tân, những party và Nhàn có nhiều nhân tình. Họ bình đẳng với nhau trong việc hưởng thụ và đồng ý xé nát gia đình ra làm hai mảnh.

Nhàn nhường phòng cho tôi ngủ đêm hôm đó.

– Để em ngủ bên phòng kia. Cho anh ngủ trong một phòng đàn bà để lấy hên. Có lẽ anh sẽ mau lấy vợ, nhờ đó.

Quả thật tôi đã khó ngủ trong một căn phòng đàn bà, có cái gì dịu ngọt, mê ảo làm xao xuyến tâm hồn tôi. Hàng dây áo dài treo trên mắt. Thắt lưng, áo eo lại làm tôi nghĩ đến một vòng tay đang siết chặt. Những bộ pyjama màu hồng, màu vàng cổ viền đăng ten hay thêu những cành hoa, đóa hoa trên ngực. Bàn phấn thấp và mặt gương sáng dội lại hình tôi. Chi chít những lọ nước hoa trên bàn. Tôi mở lọ nước hoa oeillet. Mùi thơm quen thuộc. Ngày trước, trên lối đi trước sân nhà tôi thích nhất là những cành oeillet màu hồng. Oeillet có nhiều màu: trắng, vàng, tím, hồng. Đẹp nhất là hoa màu tím chen từng nét trắng, ở miền trung châu trồng được và được gọi tên là hoa cẩm nhung hay cẩm chương. Nhưng chỉ có hoa màu hồng là thơm. Một lọ nước hoa nhỏ xíu đã bong mất nhãn hiệu. Mùi thơm cay. Tôi nhớ đến mùi hoa linh lan.

Lọ phấn. Thỏi son. Lược và bàn chải tóc.
Giày mule màu trắng. Xắc tay.

Màn hoa kéo ở khắp cửa sổ. Mùi phấn thơm nơi gối. Đèn giường tỏa ánh sáng ấm. Tôi lắng tai nghe tiếng động xung quanh, ngoài đường. Chỉ có sự im lặng. Những vật gần gũi với tôi: áo, chăn, rèm cửa, lọ nước hoa thì rộn ràng cất tiếng, thú tiếng nói lặng lẽ, tiếng khơi động, tiếng thúc giục, tiếng an ủi. Tôi lăn qua trở lại trên giường. Tôi nằm úp mặt xuống gối. Những dáng người, những khuôn mặt lẫn lộn quay cuồng trong óc khiến tôi không thể nhắm mắt. Tôi đứng dậy ra đập cửa phòng Nhàn:

– Em cho anh ngủ một phòng trần trụi đơn sơ hơn. Anh quen như vậy rồi.

Nhàn khoát tay:

– Không được. Không được. Thói quen đó đã hại anh. Phải tập cho quen trở lại không khí đàn bà. Anh về phòng đi. Bonne nuit.

Nhàn mỉm cười vừa khép cửa. Trong bộ áo ngủ màu vàng, nàng đầy đặn như một đóa hoa thược dược.

Sáng hôm sau khi ngồi điểm tâm, tôi hỏi:

– Em đề nghị anh đi thăm ai trước?

– Quý và Tân.

– Tân đổi đi Pleiku rồi mà?

– Vừa được cho về Đà Lạt.

Tôi đến thì Quý và Tân đi lễ chưa về. Huyền chạy ra mừng:

– A! Cậu mới lên. Tháng trước cháu

viết thư cho cậu, cậu có nhận được không?

– Được.

– Sao cậu không trả lời cháu?

– Quên mất. Vả lại, cậu định lên Đà Lạt thì viết thư trả lời làm gì cho dư việc?

Huyền không kịp đợi tôi hỏi thăm kết quả học hành, đã vội xoắn hỏi tôi về những điều nó thắc mắc trong thư.

– Cậu nghĩ xem cháu có nên yêu thằng Ninh như nó đợi chờ không?

– Cứ để mặc cho nó đợi chờ, cậu nghĩ vậy.

– Nhưng cháu sợ nó không đợi chờ lâu được. Lũ con trai thường không nhẫn nại.

– Nếu nó không nhẫn nại được thì càng là một cơ để mình dừng yêu.

Câu trả lời xem chừng không làm cho Huyền bằng lòng. Tôi chậm rãi bật diêm đốt thuốc vừa liếc nhìn nó loay hoay ngồi không yên trong chiếc xa-lông rộng.

– Huyền chỉ có một mình thằng Ninh?

– Không. Cháu có khối thằng. Thằng Đức sinh viên văn khoa. Thằng Tri sinh viên kinh tế. Thằng Duyệt sinh viên trường võ bị. Ba thằng chia nhau những ngày nghỉ lễ của cháu.

– Sao lắm thế.

– Cháu cũng không biết nữa. Tại tụi nó đó. Cháu không ưa hẳn thằng nào nên cháu phải đi chơi cả ba đứa. Lắm lúc thấy cũng mỏi.

– Đã thế lại còn tuyển thêm một thằng thứ tư?

– Để thỏa mãn tính kiêu ngạo. Thằng Ninh bánh trai và nhà giàu. Bố nó có lần làm Tổng trưởng dưới thời ông Nguyễn văn Xuân hay ông Trần văn Hữu gì đó.

Nó có nhiều bồ đẹp và quý phái lắm ở bên Grand Lycée. Đi chơi với nó cũng là một lối trang sức.

Câu chuyện không làm tôi thoải mái. Huyền mới học seconde. [Lớp đệ nhị] Tôi nghĩ rằng thành phố này phải trí thức hơn cái lối làm tình ái ồn ào đắm mồi hôi của những đô thị lớn, của những tỉnh miền nóng. Ở những nơi đó người t a mặc áo hở cánh tay, hở cổ; da lưng, da bụng hiện qua lớp vải mỏng trong suốt và thịt nổi cuộn cuộn làm bật tung những chiếc khuy áo. Ở những thành

phổ xô bồ đó, không khí sặc mùi da thịt. Người ta sống gần nhau quá, sát vách sát rào, chung chia từng mảnh sân hẹp từng khối không khí đứng theo chiều cao. Đà Lạt không kêu gọi dục vọng. Áo che kín đáo. Da tươi mát không dầm mồ hôi. Không hiểu bị ám ảnh nào mà tôi có thành kiến rằng mồ hôi hay khơi dậy dục vọng. Tôi xoay mình gián tiếp tỏ một sự mệt mỏi và bảo Huyền:

– Còn quá sớm để nói chuyện đó với Huyền. Huyền mới mười sáu tuổi. Phải mọc thêm năm phân chiều cao nữa.

– Cậu lạc hậu cũng như ba cháu. Thời bây giờ không thể sống theo quan niệm của ông Khổng tử. Ông Khổng tử có lý vào thời của ông ta. Nửa thế kỷ trước, Maurice Dekobra đã mặc áo pull over cho ông Khổng tử rồi. Nửa thế kỷ! Bao nhiêu là cách biệt. Nhưng được, thôi để

nói chuyện về cậu. Má cháu có để dành cho cậu một cô đẹp lắm.

– Tên?

– Phương Lan.

– Nghề?

– Tốt nghiệp Quốc gia Hành chánh. Hiện làm ở tòa Đô sảnh.

– Tuổi?

– Ba mươi hai. Đẹp. Hiền lành.

– Cám ơn má cháu, nhưng cậu không tin tưởng lắm. Đây không phải là người đầu tiên mà má cháu để dành cho cậu. Và lại, tháng Năm không phải là tháng hạp để nói chuyện hôn nhân. Có lẽ chúng ta đi một vòng quanh hồ thì dễ chịu hơn.

Hồ hắt từng hơi gió lạnh. Dây cây bách không lớn hơn bao nhiêu. Lá nhọn hay trái nhọn, cành non bọc vảy chi chít như thế nào, tôi cũng vẫn không lưu ý nhìn kỹ. Tôi chỉ nghĩ rằng chúng đã đứng ở đó ngày xưa và bây giờ chúng vẫn còn đứng đó, xoa dịu một nỗi bồi hồi nào trong hồn tôi và sự hiện diện của chúng làm tôi yên tâm. Những người đã cùng tôi thường đi trên đường này và những người tôi hay nghĩ đến khi đi thơ thẩn trên đường này bây giờ còn ai? Bảo từ trần đã mười năm. Chị Mai theo người yêu tập kết ra Bắc. Phương lấy chồng hiện làm quận trưởng quận... quận gì? Đức Trọng? Khánh Dương?... Những tên quận nhiều quá, lẫn lộn. Thérèse làm cô giáo ở một tu viện. Thời gian bôi những nét xám trên khuôn mặt của họ.

Tôi bảo Huyền:

– Đây là cầu ông Đạo. Đỗ Huyền biết vì sao gọi là cầu ông Đạo không?

Huyền lắc đầu.

– Vì ngày xưa chỗ góc kia là Tòa Quản đạo. Bây giờ Tòa Quản đạo bị phá đi để chỗ làm con đường vào chợ, để chỗ xây những dãy nhà dù đó. Nơi chợ mới, trước kia là vườn rau của đồn lính khổ xanh.

– Cậu thuộc kỹ lịch sử của thành phố này quá.

– Đâu có được như vậy? Đó mới chỉ là một giai đoạn. Thành phố này chỉ già bằng một đời người. May ra còn lại một vài cụ già đã từng lên đây khai phá theo chân ông Yersin.

Chợ bày bán nhiều hoa. Trên tầng lầu tấp nập theo kiểu chợ Bến Thành.

Những người đi lượn trong đó xa cách với tôi quá. Họ ồn ào, vui vẻ, hoạt động. Họ đang làm chủ cái thành phố này. Và tôi có cảm tưởng lạc lõng giữa họ. Một người đàn bà giẫm lên chân tôi và xuýt xoa xin lỗi. Tôi chỉ mỉm cười vừa phải, thiếu hẳn nhiệt tình mà tôi có thể trao cho một người đàn bà đẹp và lịch sự như thế trong một trường hợp tương tự. Cái cảm tưởng lạc lõng đó không rời tôi khi tôi đi theo những con đường quanh chợ. Các con đường đều đã thay tên. Không còn nữa, những tên đường Thống chế Foch, đường Lacaze, đường Annam, đường Cầu Queo. Vài hiệu buôn còn sót lại từ ngày xưa: Vĩnh Chấn, Chic Chang-hai, Phúc Thái Lai..., nhưng sự rộn rịp và người đứng bán hàng đều đã thay đổi.

Huyền cười chào những thanh niên đi ngược chiều. Họ mặc quần chật, tóc

lòa xòa và đeo gương lớn. Àu len thùng thình. Huyền giới thiệu sau khi họ đi qua. “Thằng Hợp sinh viên Văn khoa... Thằng Lý sinh viên Sciences Po... [Khoa chính trị học]

Đà Lạt có một món trang sức mới: trường Đại học. Chữ “sinh viên” làm đẹp câu đối thoại. Mọi người đều có phương tiện để vươn lên. Ai cũng có, hoặc một người con “sinh viên”, hoặc một người quen “sinh viên”, một người khách hàng “sinh viên”. Bắp sú, xà-lách-xoong, cà-rốt, hoa mồm sói không làm cho người ta hãnh diện.

Đêm Đà Lạt mời mọc nghỉ ngơi. Đóng kín cửa lại, cắt đứt mọi giao thiệp với cảnh vật bên ngoài. Tôi mở cửa ra ban-công. Sương xuống ướt sũng sàn xi măng. Sương từng giọt từ mái bếp tôn lộp độp rơi xuống mặt đất. Giọt nước

mắt của Đêm. Những người buồn chắc sẽ đỡ cô đơn khi đêm tối cùng chung chia giọt nước mắt với họ.

Mười giờ tối đêm trước, khi ngồi uống cà phê ở hiệu Cà phê Tùng, Nhân hỏi:

– Anh không có ý định trở về sống ở Đà Lạt?

Tôi gạt tàn thuốc để có thì giờ suy nghĩ.

– Ở chỗ nào rồi cũng như nhau, tôi trả lời. Cũng bất tiện như nhau. Anh đã chán ngấy cái thành phố của anh nhưng không vì thế mà dễ lên ở đây được. Những chán ngấy như những lớp bụi. Chúng nó chụp lên ta mỗi ngày một ít, cho đến một ngày nào đó ta sẽ đồng hóa với bụi.

Nhàn cười:

– Bọn em ở đây thì đồng hóa với sương mù, sương mù làm lạnh con người.

– Đó không phải là trường hợp của em. Trong em có một lò lửa dữ dội. Coi chừng những đám cháy.

Nhàn đập vào vai tôi và tôi gọi bồi tách tiến. Đi trong đêm lạnh thấy vừa vui vừa buồn. Thành phố như một bức tranh treo trước mắt. Nhà ở từ lũng sâu leo từng bậc từng bậc lần lên tới đồi cao. Ánh đèn dăng theo, chi chít. Đêm không nghe tiếng súng. Ở dưới miền xuôi khó có thành phố nào mà đêm không nghe đại bác nổ ì ầm và súng máy lạch tạch hàng tràng dài. Con đường uốn cong theo chân đồi. Cây, lá, cỏ. Tôi vụt cười vì một ý nghĩ vừa trở lại trong óc. Nhàn hỏi:

– Anh cười gì?

– Vì một chuyện nhảm nhí thô tục không tiện nói ra.

– Anh cứ làm bộ mãi.

– Ủ thì nói. Hồi chiều đi trên đường Hùng Vương anh chợt có ý nghĩ: ở Đà Lạt đi đường nào cũng có thể tiểu bậy được. Săn sàng có bụi cây và lá cỏ đồng lõa với mình.

Nhàn “xì”:

– Đàn ông các anh... Nhảm nhí hết sức.

– Đúng. Vừa cao siêu vừa nhảm nhí. Nhưng phải lang thang trên những con đường của các thành phố miền xuôi: Sài Gòn, Hà Nội, Huế, Đà Nẵng... mới thấy những bụi cây lá cỏ, những khúc quanh liên tiếp của con đường Đà Lạt là quý.

Những ngày tiếp theo, tôi lùng tìm các bạn cũ còn sót lại. Chị Ngưỡng tiếp tôi trong một căn phòng ngổn ngang đồ đạc. Câu chuyện không rút ra khỏi giai đoạn vợ chồng chị bị Pháp lừa bắt ở Kar-om. Bây giờ chị đã có bốn đứa con lớn, đứa đầu thi Math Elem. Do lời mách của chị, tôi đến tìm thăm anh Năm Hiễn. Một cái biệt thự bằng gỗ xám có nhiều cánh cửa sổ mục nát. Cỏ dại mọc rồi ngoài sân. Một tấm bảng ghi chữ “coi chừng chó dữ” và hình vẽ một con chó đang nhe răng thè lưỡi. Vài đứa nhỏ đang cãi nhau dưới hiên. Nghe tôi hỏi, một đứa chỉ xuống bờ hồ: “Ổng ngồi câu cá dưới đó”.

Năm Hiễn gặp tôi không mừng rỡ. Mặt dài và móp lại. Trông mắt lơ lơ như làm bằng thủy tinh. Tình cảm nơi anh chết rồi chẳng? Anh không còn mang

một chút di tích quá khứ nào cả. Không còn anh Năm Hiên nghệ sĩ của những ngày xưa, cầm đầu ban nhạc và ăn chơi hết mình. Trước mắt tôi là một khuôn mặt mệt mỏi, một thân người chống chọi đã đuối sức. Tôi lỏng lẻo bắt tay anh, hẹn sẽ trở lại nhưng tôi biết chắc là tôi đang nói dối. Tôi không đủ can đảm gặp lại anh.

Tôi buồn bã đi ngược lên con đường Rue de France. Có vài ngôi nhà mới cất. Có vài đoàn người đi trên đường này. Ngôi nhà ngày xưa tôi ở bây giờ cho Mỹ kiều thuê. Hàng cây mimosa lớn trội che khuất mái bếp. Không ai thềm hiểu cái gì đang đè nặng trên hồn tôi. Mười năm dĩ vãng có trọng lượng của nó. Tôi đang đi trong sự thờ ơ vô tình của cảnh vật và của người xung quanh. Chỉ còn có Nhàn. Nhàn bảo tôi:

– Anh còn nhớ thằng Sách không? Trong đoàn chạy giặc của tụi mình, nó bé nhất bọn đấy.

– À, nhớ rồi. Hồi chạy xuống Gò Đền nó cũng phải giã gạo thuê. Tội nghiệp, nó nhỏ người, nặng đầu gối ba bốn mươi ký lô, leo đứng trên cần cối, cần cối chẳng thêm nhúc nhích.

Nhàn cười ngon lành.

– Bây giờ nó biến đổi ra thế nào?

– Vẫn cứ bé oắt như xưa. Có vợ rồi. Hai con. Làm dưới sở Địa dư.

– Anh Duy?

– Anh Duy thì ngon lành. Làm đến đại tá. Nhưng lại bị liên lụy vào một vụ đảo chính hụt, bị xử tử vắng mặt hay khổ sai chung thân gì đó, em không nhớ rõ. Nhà cửa bị tịch biên.

– Chưa đến nỗi nào. Làm chính trị thì cốt giữ sao cho khỏi bị cắt mất cái đầu. Còn tù tội thì cứ tha hồ.

– Thằng Đinh tội nghiệp hơn. Nó mới chết ở mặt trận An Lão. Lấy vợ trẻ, sáu đứa con còn nhỏ.

Chỉ những người chết là bị thiệt thòi hơn hết. Hay ngược lại, là được thông thả hơn hết. Hôm mới lên, người mà tôi lảng lảng đến thăm đầu tiên là ông Tự. Tôi tìm đến dãy nhà gỗ tối tăm. Ông Tự làm cai Lục lộ chuyên sửa ống nước. Tôi hỏi một em nhỏ đứng chơi gần đó:

– Gia đình ông Tự có còn ở đây không em? Em có biết ông Tự không?

– Dạ có biết. Nhưng gia đình ông đã dọn đi lâu rồi.

– Em biết hiện giờ ông ở đâu không?

– Dạ. Dọn về Phi Dàn. Ông Tự chết ba năm nay rồi. Vợ con ông dọn về ở Phi Dàn.

Tôi cảm ơn em nhỏ và lui thủi ra về. Bao nhiêu hăng hái rụng xuống khi cuộc đi thăm đầu tiên không có kết quả. Sau chừng mười năm xa cách, câu hỏi thăm có thể được trả lời gọn lỏn bằng chữ “chết”. Tôi đem nỗi buồn đó ra nói với Nhàn. Nhàn bảo:

– Ông Tự bị điên phải đem đi Biên Hòa. Tại uống rượu nhiều quá. Bà Tự lại ngoại tình, có con với người khác.

– Sau khi ông chết?

– Không. Ngay lúc ông còn sống.

Tôi nhớ lại khuôn mặt của người đàn bà ấy. Ngoại tình hay chính chuyên, khuôn mặt ấy không mang dấu hiệu rõ

rệt. Tôi nhớ bà mê đánh bài tứ sắc, ngày nào cũng có một sòng bài thường trực trong nhà. Có thể con đường ngoại tình xuất phát từ sòng bài. Nhưng cũng không bảo đảm lắm.

Những buổi chiều ở Đà Lạt thật buồn. Mùi nhựa ngo cháy thơm trong bếp pha với hơi sương lạnh nhắc tôi nhớ đến những ngày hồi cư, những ngày chạy giặc phiêu lưu ở Cầu Đất. Trạm Hành. Mùi nhựa ngo dính liền với buổi chiều, với sương mờ đục, với hơi lạnh ẩm ướt.

Hôm già từ Đà Lạt, Nhàn ra tận bến xe tiến. Sương ướt ngọn cỏ.

– Anh về gấp quá. Đáng lẽ phải ở chơi cả tháng. Chả mấy khi lên.

– Anh sẽ lên, nghỉ Hè sau.

– Nghỉ Hè! Một năm nữa.

Tôi giật mình. Một năm nữa! Sao tôi có đủ can đảm đợi chờ một năm nữa? Làm như cuộc đời người dài hàng sáu trăm, bảy trăm lần khoảng thời gian đó. Tôi sẽ làm gì trong khoảng thời gian đợi chờ? Sống thật? Sống bơ phờ qua ngày? Tôi nhìn ánh mắt sáng của Nhàn và tự nhiên thấy thêm nghị lực.

– Anh sẽ lên, sớm hơn. Vào dịp lễ Quốc khánh, vào dịp Nô-en hay vào dịp Tết.

Khi tôi ngồi yên trên nệm xe đưa mắt nhìn ra thì thấy Nhàn lau nước mắt.

Xe rồ máy, chạy chầm chậm. Nhàn đứng yên đó. Chúng tôi không còn ở tuổi vẫy tay. Dây cây bách. Bờ hồ. Tôi quay lại nhìn, tôi quay ra xa. Bóng Nhàn nhỏ dần. Loang loáng cảnh vật chạy lui. Biệt thự. Biệt thự. Những bồn hoa. Khi

xe vượt quá đầu dốc, khi Đà Lạt khuất khỏi tầm mắt nhìn, tôi ngồi yên như một người cam chịu số phận.

Tiếng máy nổ dòn. Nệm xe nhún nhịp nhàng qua những chỗ lồi lõm. Bóng tôi hiện ra trên mặt kính cửa. Áo nỉ màu tối. Nét mặt dăm chiêu. Nghỉ Hè năm sau! Tôi chợt nhớ đến một hình ảnh quen thuộc, một hình ảnh trong cuốn phim *Amour d'espionne* mà tôi đã xem, cách đây lâu lắm. Chuyện xảy ra trên một toa xe lửa chạy về miền biên giới Pháp – Đức. Một cô nữ sinh được cha đón về quê để nghỉ lễ Pâques (2). Cùng ngồi trong toa, nàng để ý một người đàn ông đứng tuổi nét mặt nghiêm trang ngồi dăm dăm nhìn ra cảnh vật bên ngoài cửa sổ. Tay ông ôm bó hoa huệ trắng bọc trong giấy bóng. Năm nào cũng vậy, cứ đến ngày này, cô lại thấy người đàn ông đó ngồi chung toa xe với

mình, ngồi đúng vào chỗ cũ, cũng ôm bó hoa đó, cũng nét mặt nghiêm nghị buồn đó, cũng cái mũ dạ, cũng bộ quần áo nỉ màu tối. Cô gái tò mò hỏi cha ý nghĩa có một sự xuất hiện lặp lại đúng kỳ như vậy. Người cha thì thầm kể chuyện cho con nghe và những hình ảnh quá khứ hiện lên màn ảnh lần lượt theo câu chuyện kể.

Người đàn ông đó, trước đây là một sĩ quan do thám người Anh. Ông sang hoạt động tại Đức, cố đánh cắp một bản đồ tham mưu của Hoàng đế Uy-liêm. Một nữ phản gián Đức được chỉ định theo dõi ông ta. Họ lừa nhau, họ dò xét nhau, họ quyết tâm đánh bại nhau. Nhưng đồng thời, bằng những bước nhỏ âm thầm, tình yêu đã đến với họ. Trong những giây phút quyết liệt cuối cùng, người đàn bà phải chọn lựa. Hoặc phải thanh toán người mình yêu, hoặc chịu

chết để giúp cho chàng thoát. Nàng đã chọn giải pháp thứ hai.

Chiến tranh kết liễu. Hận thù xóa đi. Người đàn ông còn sống sót, hàng năm cứ đến ngày lễ Pâques [Lễ Phục sinh] đáp tàu từ Anh quốc vượt qua biển Manche, lên tàu lửa đi về biên giới đến viếng mộ nàng, một bó huệ trắng trên tay. Bao nhiêu xúc cảm bồi hồi, bao nhiêu êm đềm xót xa đã ghi trên nét mặt u buồn đó khiến cô nữ sinh phải lưu ý.

Tôi lên Đà Lạt không mang theo một bó huệ trắng nhưng trong tiếng động cơ êm êm một điệu, qua những cái lắc lư nhịp nhàng trên nệm xe, tôi có cảm tưởng tôi chính là người đàn ông trầm lặng kia hàng năm trở về khung cảnh cũ để âm thầm nhớ lại những kỷ niệm đã cùng sống với một người.

